

Số 227

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

*Tiếng
chuông chùa*

Tr. 24

**Tự mình
dò xét mình**

Tr. 16

**Ngon lửa
Từ Bi**

Tr. 7



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU
QUỐC GIA



Cam kết BÁN → Đúng Giá Đúng Tiêu chuẩn Đúng Chất lượng

Để mua đúng sản phẩm TÔN HOA SEN

Quan sát dòng in trên mặt dưới sản phẩm được thể hiện rất rõ ràng và cụ thể các thông tin về sản phẩm và thông số về tiêu chuẩn chất lượng như sau:

68M - TON HOA SEN - THUONG HIEU QUOC GIA - TON LANH MAU - 15/5 μ m -

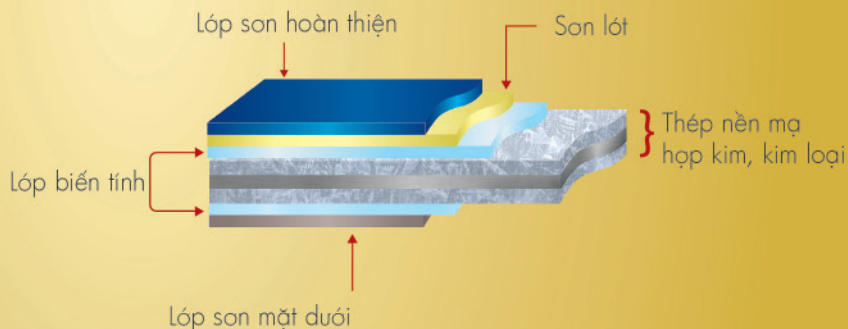
0.40mmTCT (± 0.03) - ISO9001:2008 - ISO 14001:2004 - TML 14111869 - 13/11/14 14:27

- a : Số mét
- b : Tôn Hoa Sen
- c : Thương hiệu quốc gia
- d : Loại sản phẩm (Tôn kẽm, Tôn kẽm màu, Tôn lạnh, Tôn lạnh màu)
- e : Độ dày lớp sơn mặt trên và mặt dưới (đối với trường hợp sản phẩm là tôn màu)
- f : Độ dày của sản phẩm (dung sai)
- g : Tiêu chuẩn ISO
- h : Mã số cuộn và ngày giờ sản xuất

• Sử dụng thiết bị đo Palmer để đo độ dày:



• Minh họa cấu tạo tấm Tôn Hoa Sen:



Để giúp bạn:

Tránh nhầm lẫn mua phải tôn giả, tôn nhái, tôn kém chất lượng

Hãy gọi ngay: 1800 1515

Tổng đài tư vấn miễn phí cuộc gọi
Thứ hai đến thứ bảy (từ 08g00 - 17g00)

www.hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Cánh thư thứ hai mùa hạ (Nguyễn Cẩn)	4
Ngọn lửa Từ Bi (Nguyễn Văn Nhật)	7
Chữ tâm của nhà báo trong bối cảnh lịch sử hôm nay (Trần Văn Chánh)	10
Bàn về ý nghĩa câu ca dao xứ Huế (Tôn Thất Thọ)	13
Tự mình dò xét mình (Thanh Đạo)	16
Trùng trùng duyên khởi (Nguyễn Thế Đăng)	19
Chùa Thiên Mụ và nhà sư Thích Đại Sán (Tôn Châu Quân)	22
Tiếng chuông chùa (Nguyễn Văn Uông)	24
Đằng sau sự hào nhoáng (Lê Hải Đăng)	26
Hạt giống tâm hồn (Mang Viên Long)	28
Tinh thần phê phán (phẩm Đệ tử) (Đỗ Hồng Ngọc)	30
Câu chuyện về hai thành phố lớn (Cao Huy Hóa)	33
Ba nhà báo nữ đầu thế kỷ XX (Vân Phi)	36
Ngoại ngữ + tiếng mẹ đẻ + kiến thức (Hồ Anh Thái)	39
Thường ngoạn (Hoàng Tá Thích)	40
Báo chí thời chụp giật (Đặng Trung Thành)	42
Ngủ không mộng寐 (Nguyễn Hữu Đức)	43
Những mùa mưa xa (Lâm Hạ)	46
Việc làm của mẹ (Thanh Pháp)	48
Mưa về trên phố núi (Nguyễn Thánh Ngã)	49
Thơ (Nguyễn Nhã Tiên, Vũ Xuân Hồng, Sông Hương, Trường Khánh, Thanh Tâm, Nguyễn Dũng)	50
Sóng trong lòng (Thanh Ngân)	52
Cội tùng Bạch Mã (Lê Vũ Trường Giang)	55
Lời cảm ơn cuộc sống	57

Bìa 1: Chuông chùa... Nguồn: shutterstock.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Ba mươi lăm ngày sau Đại lễ Phật đản Phật lịch 2507 (ngày 8 tháng Tư năm Quý Mão), để cảnh tỉnh mọi tham vọng và ác tâm của con người, ngọn lửa Quảng Đức đã bùng lên giữa đô thành Sài Gòn lúc bấy giờ (nay là TP.HCM). Theo dương lịch, sự kiện ấy diễn ra vào ngày 11-6-1963. Theo âm lịch, ngày ấy là ngày 20 tháng Tư nhuận năm Quý Mão. Do sai biệt vì việc áp dụng hai hệ thống lịch pháp khác nhau, sự kiện truyền thống dùng âm lịch và sự kiện đương đại dùng dương lịch, năm nay, ngày 11-6-2015 chỉ cách ngày 8 tháng Tư năm Ất Mùi 18 ngày. Số báo này phát hành vào ngày 15-6-2015, vẫn còn trong khoảng thời gian để tưởng niệm hạnh nguyện cao cả của Bồ-tát Quảng Đức, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xin dâng lên ngài nén tâm hương và rút ra những bài học từ chí nguyện của ngài.

Tháng Sáu cũng là dịp kỷ niệm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21-6). Trong dịp này, VHPG thể hiện niềm tin vào sự phát triển của nền báo chí nước nhà dựa trên cái tâm trung thực và dũng cảm của những người làm báo. Trong phạm vi của mình, chúng tôi hiểu rõ đạo đức báo chí gắn liền với giới thứ tư (vọng ngữ) trong năm giới của người Phật tử tại gia. Toàn thể nhân viên Tạp chí VHPG nguyện giữ vững tinh thần đạo đức của người làm báo, luôn luôn bám sát chủ trương góp phần xây dựng một xã hội hiền thiện đã được đề ra từ ban đầu.

Hiện nay chư Tăng Ni vừa bắt đầu mùa an cư theo đúng truyền thống đã khơi nguồn từ thời Đức Phật còn tại thế. VHPG bày tỏ sự ngưỡng mộ trước công đức của quý Phật tử tại gia, luôn theo đúng lời Phật dạy, đã sắp đặt tử sự cúng dường giúp hàng xuất gia có điều kiện thúc liễm thân tâm nâng cao đạo hạnh suốt ba tháng hạ. Việc chư Tăng Ni giữ gìn truyền thống an cư mùa hạ cho phép người Phật tử có niềm tin kiên cố vào tiền đồ xán lạn của Phật giáo Việt Nam. Nguyên cầu chư Phật mười phương gia hộ cho mùa an cư năm nay đem lại nhiều pháp lạc.

Kính chúc quý độc giả luôn đạt niềm vui tự nội.

Văn Hóa Phật Giáo



Sân, này các Tỳ-kheo, là một pháp mà các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm rằng các Thầy không còn tái sanh.

(Chương 1, Một pháp, phẩm I,
Kinh *Phật thuyết như vậy*)





Cánh thư thứ hai mùa hạ

NGUYỄN CĂN

Kim Sẻ thân mến,
Nhận thư của em buồn vui lẫn lộn. Em nói em chuẩn bị về hưu, già từ “sự nghiệp” 33 năm trải lòng cùng bụi phấn. Dù vậy, em vẫn còn nhiều trăn trở ưu tư trước lúc “về vườn”, sống nốt những tháng ngày thanh bạch còn lại trong đời của một cô giáo cấp huyện.

Em bày tỏ vui mừng vì nghe tin Việt Nam đứng thứ 12 theo xếp hạng của tổ chức OECD - Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế - dựa trên kết quả kiểm tra tại 76 quốc gia và vùng lãnh thổ. Singapore đứng đầu bảng xếp hạng, tiếp theo là Hong Kong, Hàn Quốc, Nhật Bản. Anh chỉ đứng thứ 20 trong khi Mỹ được xếp ở vị trí 28. Giám đốc giáo dục của OECD Andreas Schleicher nói trên BBC. “Đây là lần đầu tiên chúng ta có được đánh giá cấp độ toàn cầu thật sự về phẩm chất giáo dục... Ý tưởng này nhằm cho phép các quốc gia, giàu lẫn nghèo, có thể so sánh mình với những nền giáo dục hàng đầu thế giới để

biết được điểm mạnh và điểm yếu của mình, cũng như thấy được cái lợi về lâu dài đối với kinh tế khi cải thiện phẩm chất giáo dục”.

Việc xếp hạng dựa trên điểm toán và khoa học của các học sinh ở độ tuổi 15 tại các nước và vùng lãnh thổ, không phân biệt các nước phát triển và đang phát triển trong đánh giá. Cuộc khảo sát lần này cho thấy bức tranh rộng hơn đợt kiểm tra của Chương trình Đánh giá Học sinh Quốc tế (PISA) mà OECD thực hiện năm 2012. Trong bảng xếp hạng lần này cũng xuất hiện các quốc gia như Iran, Nam Phi, Peru hay Thái Lan được so sánh cùng các nền giáo dục nổi tiếng thế giới. Nói về quốc gia đứng đầu là Singapore, ông Schleicher tán dương đảo quốc này đã thật sự nỗ lực khi vươn lên từ một nước có tỷ lệ mù chữ cao trong những năm 1960 thành vị trí dẫn đầu. Không riêng gì Singapore, “khi bước vào các lớp học ở châu Á, bạn sẽ thấy các giáo viên đều kỳ vọng tất cả học sinh sẽ thành công. Sự tập trung, chặt chẽ và

tính nghiêm khắc là rất cao. Những quốc gia này làm rất tốt trong việc thu hút các giáo viên giỏi, vì vậy mỗi học sinh đều có thể gặp được giáo viên xuất sắc”, ông Schleicher cho biết.

Liệu bản nghiên cứu trên có cho phép chúng ta kết luận nền giáo dục Mỹ kém phẩm chất khi rơi lại phía sau các nước châu Âu và thậm chí thấp hơn cả Việt Nam, và có sự tuột dốc đáng lo ngại của Thụy Điển do các vấn đề nghiêm trọng trong hệ thống giáo dục? Chúng ta biết thêm rằng bản nghiên cứu này đã liên hệ giữa giáo dục và tiềm năng phát triển kinh tế, ước tính sự gia tăng GDP quốc gia trong suốt cuộc đời của các học sinh, và chỉ ra rằng GDP sẽ tăng mạnh nếu tất cả học sinh đạt được trình độ cơ bản. GDP của quốc gia cuối bảng là Ghana có thể tăng đến 3.881% nếu đạt được mục tiêu này, trong khi Việt Nam là 304% và Thái Lan là 414%.

Tuy vậy, thầy nghĩ chúng ta nên thực tế hơn. Chúng ta có thể mừng vì trong chương trình trung học tại VN, những môn như toán có thể tương đương năm đầu đại học ở Mỹ, hay về một vài khía cạnh khác, chúng ta có vẻ trội bật hơn. Nhưng em ạ, giáo dục là một sự nghiệp *đại chúng và lâu dài*. Không thể lấy một vài điểm, vài bài trắc nghiệm, khảo sát ở vài thành phố, tại những trường điểm rồi nhân ra cả nước được. Chúng ta thường tự hào học sinh VN đoạt rất nhiều huy chương về toán, lý nhưng giáo dục tổng thể lại ỉ ạch, như một cỗ xe già nua đang lên dốc. Học sinh học bảy năm trung học và thêm bốn năm đại học, vẫn không nói được bất kỳ một ngoại ngữ nào. Học sinh ra trường viết một tờ đơn sai chính tả be bét, văn phong luộm thuộm. Khi điều hành doanh nghiệp, thầy hiểu sao chủ DN lại ngần ngại khi nhận sinh viên mới, vì những người mới này không được trang bị bất kỳ một kỹ năng “mềm” nào, từ cách thuyết trình cho đến làm báo cáo, viết đơn... Còn kiến thức tổng quát về lịch sử, về văn học thì lại càng thảm hại! Có người bình luận rằng nền giáo dục chúng ta mang sắc thái huấn luyện “gà chọi” nhiều hơn là mang tính phổ quát đại chúng... Và càng lên cao phẩm chất càng... tồi tệ! Có bao nhiêu sáng chế, bao nhiêu công trình nghiên cứu, bao nhiêu bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành của nước ngoài do các ông các bà tiến sĩ, lên đến hàng vạn “vị” viết ra?

Nếu phẩm chất giáo dục VN được xếp cao thế, sao các bậc cha mẹ, trong đó có cả cán bộ quản lý giáo dục, vẫn cứ cố gửi con đi du học sang các nước hạng 20 như Anh hay hạng 28 như Mỹ, mà có người mĩa mai gọi là đi “tị nạn giáo dục”? Thầy không phủ nhận kết quả của nghiên cứu này, cũng giống như kết quả của kỳ khảo sát Pisa hai năm trước, dù đa số mọi người có thái độ hoài nghi cho rằng kết quả khảo sát này không đáng tin cậy. Họ cũng hoài nghi về tập mẫu (quy trình tuyển chọn các học sinh tham gia kỳ thi), về sự trung thực trong quá trình khảo sát. Nhưng nếu chúng ta chấp nhận kết quả này để nói rằng phẩm chất giáo dục phổ thông của VN tốt và tốt hơn các nước tiên tiến khác thì sẽ là một sự suy diễn hàm hồ.

Có thể kể ra một ví dụ tương tự thường thấy cho cách suy diễn này là quốc gia đạt được nhiều huy chương vàng toán quốc tế thì trình độ của nền toán học quốc gia đó phải cao, nhưng chưa thấy có công trình nghiên cứu khoa học nào chỉ rõ mối liên hệ nhân quả giữa kết quả khảo sát về số huy chương môn toán với phẩm chất nền toán học của quốc gia đó. Giáo dục nước ta thỉnh thoảng lấp lánh hay chỉ le lói một số thành tích nhưng không che hết quá nhiều điều bất cập và tình trạng phát triển thiếu bền vững. Học sinh và cả phụ huynh đang biến thành “chuột bạch” cho đủ loại sáng kiến, từ việc không đánh giá học sinh bằng điểm ở bậc tiểu học, việc xét tuyển lớp 6, đến việc thi tốt nghiệp trung học phổ thông và thi tuyển vào đại học cùng đề... Mỗi năm một kiểu!!! Giáo dục đại học ngổn ngang các mô hình từ dân lập, tư thục, liên thông... Một ông bác sĩ có thể do các hệ trường khác nhau đào tạo và không phải trường nào cũng do Bộ Y tế quản lý nên đào tạo và tuyển dụng là hai đường song song, chẳng ai biết ai! Thầy nhớ ở miền Nam trước đây, khi hoàn tất chương trình đào tạo, mọi giáo sinh trúng cách đều được chọn nhiệm sở theo thứ hạng của mình ngay trong ngày tốt nghiệp: ai cũng có chỗ làm vì việc đào tạo luôn dựa theo nhu cầu tuyển dụng. Về mặt này, chúng ta đang đi lên hay thật lùi? Đây là điểm ưu việt mà ta tự hào khi 172.000 cử nhân thạc sĩ thất nghiệp? Như thế thì Việt Nam đứng thứ mấy trong thang bậc hiệu quả của giáo dục sau khi ra trường? Và đứng thứ mấy về giáo dục lòng trung thực? Thứ mấy về giáo dục nhân cách khi đã có lần thấy thử phân tích về nguyên nhân lỗi hành xử bạo lực hiện nay trong học đường?

Kim Sê thân,

Giáo dục không chỉ là trí dục. Vì học làm người mới khó chứ còn học kỹ năng thì ai cũng có thể đạt được ít nhiều. Điều trần trở thứ hai của em là tình trạng thiếu trung thực trong 33 năm em làm cô giáo vẫn còn trầm trọng. Từ phong trào “dạy tốt” đến thi đua các mặt trong trường. Em kể về những cuộc thi vẽ thi viết ở trường em mà toàn là “đạo” văn, “đạo” ảnh... chán quá!!! Tình cờ thầy đọc được một bài trong báo *Tuổi Trẻ* về một buổi thuyết trình những sản phẩm đoạt giải trong “Cuộc thi ý tưởng trẻ thơ” của học sinh khối 4-5 do nhà trường phát động, tiến tới cuộc thi trong phạm vi toàn tỉnh lần thứ hai được tổ chức hằng năm.

Tác giả viết:

“Mở đầu là học sinh khối lớp 4. Các em đính đạc với lời giới thiệu: ‘Em tên là Q.T., bên cạnh em là H. và D., chúng em là nhóm tác giả của sản phẩm chiếc đèn ngủ đa màu. Phần thuyết trình của chúng em xin được phép bắt đầu...’ Các em nêu ý tưởng thiết kế, nguyên liệu làm, quy trình hoạt động một cách rất thành thạo... Và cứ thế từng nhóm, từng nhóm học sinh lên giới thiệu rồi thuyết trình về sản phẩm sáng tạo kỹ thuật do mình thiết kế... Phía dưới sân chào cờ, học sinh thay vì trật tự lắng nghe thì nhiều tiếng rì



rầm, rầm ran nổi lên: ‘Cái đó đâu phải của các bạn ấy, ba của D. làm rồi cho hai bạn đó cùng đứng tên... Còn chiếc bình tưới đa năng kia là của thầy T. làm, thầy cho ba bạn học sinh giỏi đứng tên... Sướng thật! Nhưng đâu phải của mấy bạn làm mà tỏ vẻ ta đây! Nhìn thấy ghét...’

... Có lẽ do ai cũng hiểu đó hoàn toàn là sản phẩm “vay mượn” nên cho dù nhà trường tổ chức cả một buổi lễ hoành tráng “Giới thiệu sản phẩm đoạt giải cuộc thi ý tưởng trẻ thơ” nhưng nó mất đi sự hấp dẫn, lôi cuốn và ngưỡng mộ lẽ ra phải có từ người tham dự với những nhóm tác giả đoạt giải. Buổi ngoại khóa đã trở nên khiến cưỡng, máy móc và hình thức”.

(Minh Quân – Chúng ta đang dạy con trẻ dối trá - Tuổi Trẻ online, ngày 14 tháng 5 năm 2015)

Hiện tượng kiểm tra được “mớm” trước để cương ôn tập, thu gọn vào một số câu cụ thể đến mức không thể “gọn” hơn, hay thầy giám thị cố ý lơ là để các cháu có thể dùng “phao” làm bài không còn lạ ở đất nước ta.

Còn phải kể đến tình trạng “tư duy đồng phục” như thầy đã nêu trong một vài lá thư trước đây khi thầy khuyên các em đừng dạy học sinh nhiều văn mẫu quá, những bài văn mô tả hình ảnh lý tưởng như tả cảnh sum họp buổi tối luôn có ông bà cha mẹ.

Nghe như lời bài hát Kỷ niệm của Phạm Duy, “... Cho tôi lại ngày nào / Trăng lên bằng ngọn cau / Mẹ tôi ngồi khâu áo bên cây đèn dầu hao / Cha tôi ngồi xem báo; Phố xá vắng hiu hiu / Trong đêm mùa khô ráo tôi nghe tiếng còi tàu...”. Nhưng nếu một học sinh mô côi thì sao? Em phải tả được hoàn cảnh riêng của mình. Về mặt này, giáo dục Âu Mỹ thực tế hơn chúng ta nhiều! Chúng ta nuông chiều, dễ dãi “vô nguyên tắc” với các em để chạy theo thành tích nhưng vô tình (hay cố ý) bóp chết không chỉ khả năng sáng tạo mà quan trọng hơn là tính trung thực,

sự trong sáng trong tâm hồn các em khi các em nhận thấy thế giới người lớn nhiều chiêu trò “giả dối” và suy rộng ra, cả xã hội “ngụy tín” thì còn ai tin ai? Rất nhiều cha mẹ, thầy cô, tự cho rằng mình làm thế là thương con, là hành động “thiện ý” khi làm thay cho chúng. Vô tình, chúng ta khuyến khích tính ỷ lại, dối gạt, nhận vơ thành quả, công trình người khác làm của mình. Đó sẽ là mầm mống sinh ra các ngài tiến sĩ “đạo” luận án, các nhạc sĩ “đạo” nhạc, các ông tác giả viết sách bằng văn người khác “không có bản quyền”, cụ thể hơn, về phương diện vật chất là biển thủ công quỹ, lừa đảo tín dụng...

Sẽ mẫn,

Nói thế nhưng thầy khuyên em đừng tuyệt vọng. Theo Pháp sư Thánh Nghiêm, “... Ở đời không có người xấu, chỉ do người làm việc xấu, đứng trên phương diện giáo dục, chúng ta phải có tấm lòng...” Theo ngài thì “... Chúng ta phải ứng dụng từ bi và trí tuệ để đối diện hiện tượng xã hội ngày nay thì sẽ không còn cảm thấy tuyệt vọng và bất lực như thế. Và lại cả xã hội cần là thay đổi nhiều thực thể, nguyên nhân hình thành nếp sống xã hội cũng là rắc rối, phức tạp; chẳng phải chỉ riêng phương diện nhà trường mới chỉ dạy được, cũng chẳng phải một trường, một vùng mà cải thiện được. Vì thế cách làm tích cực là cải thiện nếp sống xã hội, sáng lập nếp sống xã hội mới”. Pháp sư nói có vẻ mông lung nhỉ, theo em? Thầy có thể diễn tả ngắn gọn hơn: Tình hình rất tệ, nhưng không phải không có liệu pháp. Để có một thế hệ hay nhiều thế hệ “thận vững, tim trong, mắt sáng”, chúng ta phải thay đổi từ DNA của nó. Nghĩa là các bậc làm cha mẹ thầy cô, thế hệ tiền bối phải thay đổi, phải có “tim trong, mắt sáng” thì mới di truyền được đến đời sau chứ! Thần tượng tuổi trẻ ở đâu? Sẽ không chỉ là những anh ca sĩ biến thái uốn éo trên sân khấu, những kẻ khuấy động showbiz ồn ào nhưng rỗng tuếch... Sẽ không phải là ông quan to quan nhỏ trong một loại nghề nghiệp được ưu đãi nào đó giàu lên đột xuất... Mà phải là những trí thức có tâm huyết, có năng lực, những anh hùng trong đời thường, những người giàu biết làm từ thiện, những nghệ sĩ chân chính... Xa hơn, cao hơn, có thể các em mơ thành Steve Job, Bill Gates. Phải đánh thức ước mơ tuổi trẻ. Phải làm các em ý thức về giá trị của đời sống và hạnh phúc nằm ở sự an lạc tâm hồn chứ không phải mơ ảo quần diêm dúa, những thời trang phù hoa nhất thời...

Em bảo rằng về hưu rồi còn làm gì được nữa? Không đâu em ạ. Về hưu không phải là không còn đóng góp mà em vẫn có thể đảm trách lớp học tình thương, phụ đạo học sinh yếu, nghèo... trong thôn trong xã. Em vẫn sẽ được gọi bằng “cô” khi ra đường, đi chợ. Làng xóm vẫn dành cho em sự kính trọng nhất định, đặc biệt, khi mình vẫn hành xử như một nhà mô phạm.

Chúc em tìm nhiều nguồn vui trong những tháng ngày sắp tới.

Thầy, ■



Ngon Lửa Tự Bi

NGUYỄN VĂN NHẬT

Đúng 10 giờ sáng ngày 11-6-1963 (nhằm ngày 20 tháng Tư nhuận năm Quý Mão), tại ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng ở thủ đô Sài Gòn lúc bấy giờ (nay là ngã tư Cách Mạng Tháng Tám - Nguyễn Đình Chiểu, TP.HCM), một ngọn lửa thể hiện tinh thần Bi-Trí-Dũng của Phật tử Việt Nam đã bùng lên, làm sống sò tất cả những ai chứng kiến. Đó là ngọn lửa do ngài Thích Quảng Đức tự lấy thân mình đốt lên nhằm cảnh tỉnh mọi ác tâm và tham vọng của những người cai trị miền Nam Việt Nam lúc ấy.

Nguyên ủy của sự kiện này, sự kiện gây chấn động lương tâm những người hiền thiện trên toàn thế giới, là chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm. Lợi dụng chiến lược ngăn chặn cộng sản

của Hoa Kỳ, chính quyền ấy gồm hầu hết những người Thiên Chúa giáo quá khích được ngoại bang ủng hộ, đã áp bức khốc người đại đa số theo Phật giáo ở miền Nam Việt Nam.

Trước lúc thực hành đại nguyện của bậc Bồ-tát, Tỳ-kheo Thích Quảng Đức đã để lại một bản văn viết bằng chữ Nôm thể hiện ý nguyện của ngài, được phiên âm như sau:

Lời nguyện tâm quyết

Tôi là Tỳ-kheo Thích Quảng Đức, trụ trì chùa Quan Thế Âm Phú Nhuận Gia Định. Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngả. Tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử của Như Lai, không lẽ cứ ngồi điểm nhiên toạ thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui vẻ phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để

hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại đức, Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau:

Một là mong ơn Phật Trời gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên cáo.

Hai là nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt.

Ba là mong nhờ hồng ân Đức Phật gia hộ cho chư Đại đức, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tai nạn khủng bố, bắt bớ, giam cầm của kẻ ác.

Bốn là cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, đều thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để nước nhà xưng yên muôn thuở. Tôi thiết tha kêu gọi chư Đại đức, Tăng Ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo.

Nam mô A-di-đà Phật

Làm tại chùa Ấn Quang ngày bốn tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba.

Tỳ-kheo Thích Quảng Đức thủ ký.¹

Lịch sử ghi nhận, trước khi ngài Thích Quảng Đức tự thiêu, những vị lãnh đạo cuộc tranh đấu của Phật giáo miền Nam lúc ấy đã kín đáo thông tri cho các nhà báo quốc tế đang có mặt ở Sài Gòn biết là sẽ có một sự kiện lớn diễn ra vào thời gian và địa điểm định trước, nhưng không nói rõ sự kiện đó là gì. Khi ngài Thích Quảng Đức đến được địa điểm để thực hiện cuộc tự thiêu thì một vài nhà báo quốc tế đã có mặt. Lúc ngài từ chiếc xe Austin bước ra, an nhiên ngồi xuống bên đường trong tư thế kiết-già, ngoài những vị lãnh đạo có trách nhiệm, chưa ai biết diễn tiến sắp tới là thế nào. Chỉ đến khi ngọn lửa bùng lên từ nhục thân của vị Tỳ-kheo già, quần chúng mới thảng thốt.

Nhà báo Mỹ David Halberstam thuật lại cảm nhận của ông:

"... Tôi có thể nghe từ sau lưng tôi tiếng khóc thốn thức của những người Việt Nam đang tụ họp tại đó. Tôi đã quá choáng váng nên không khóc được, quá bối rối nên không ghi chép hay hỏi han gì được, quá hoang mang đến nỗi không thể nghĩ gì được. Khi vị sư tự thiêu, bắt thiet của ngài không hề cử động, ngài không thốt ra một âm thanh nào, cái vẻ ngoài điềm tĩnh của ngài trái ngược hẳn với đám đông khóc than chung quanh".

Một nhà báo Mỹ khác, Malcolm Browne, đã chụp được những bức hình đen trắng ghi lại cảnh tượng kỳ vĩ đó. Nhiều năm sau ông này vẫn bị dẫn vật bởi ý nghĩ ông đã góp phần vào cái chết của ngài Thích Quảng Đức; ông cho rằng nếu những nhà báo như ông không có mặt

thì vụ tự thiêu có thể đã không xảy ra; vì như vậy, mục đích chính trị của vụ tự thiêu không đạt được.

Khi đọc lại *Lời nguyện tâm quyết* của ngài Thích Quảng Đức, người ta thấy rằng nỗi ám ảnh của Malcolm Browne là không có căn cứ. Ở đây, người ta cần phân biệt tinh thần Bi-Trí-Dũng của ngài Thích Quảng Đức với bản lĩnh và khả năng ứng phó của những vị lãnh đạo cuộc tranh đấu. Thực sự, những bức ảnh do Malcolm Browne ghi được chỉ góp phần đẩy nhanh hơn sự tàn lụi của một chế độ áp bức tàn bạo do thiếu số áp đặt lên thân phận của khối đa số. Việc Phật tử Việt Nam tôn xưng ngài Quảng Đức là Bồ-tát không chỉ dựa trên sự kiện trái tim của ngài sau khi hỏa thiêu lại vẫn không tan hoại, mà chính còn vì họ đã nhận thức được hành trạng cao cả toàn bích của ngài cùng sự an nhiên tự tại khi ngài thực hành đại nguyện.

Ngài Thích Quảng Đức (1897-1963) xuất gia từ lúc bảy tuổi; mười lăm tuổi, ngài thọ giới Sa-di; đúng hai mươi tuổi, ngài thọ giới Tỳ-kheo. Năm 1932, khi An Nam Phật học hội ra đời, bấy giờ ở tuổi 35, ngài đã được mời làm Chứng minh Đạo sư cho Chi hội Phật học huyện Ninh Hòa; ba năm sau, ở tuổi 38, ngài được thỉnh giữ vai trò Kiểm tăng cho Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa. Trong thời gian hành đạo tại miền Trung, ngài đã kiến tạo và trùng tu tất cả 14 ngôi chùa. Năm 1943, ngài rời Khánh Hòa để vân du hoằng hóa tại miền Nam, có lúc ngài sang Nam Vang (Phnom Penh, thủ đô Campuchia) vừa khuyến hóa Phật tử kiều bào, vừa nghiên cứu kinh điển Nguyên thủy. Năm 1953, ngài được Giáo hội Tăng-già Nam Việt cung thỉnh làm Phó Trị sự



kiêm Trưởng ban Nghi lễ, đồng thời được mời trụ trì chùa Phước Hòa là trụ sở ban đầu của Hội Phật học Nam Việt. Khi Hội Phật học Nam Việt chuyển trụ sở về chùa Xá Lợi, ngài xin thôi mọi nhiệm vụ Tăng sai, trở về chuyên tâm tu tập tại chùa Quán Thế Âm ở Gia Định. Ghi lại những dữ kiện này để thấy ngài sẵn là một bậc cao tăng đức độ, chuyên tâm tu tập và hoằng truyền Chánh pháp, được người đời kính ngưỡng. Khi cuộc khủng hoảng Phật giáo năm 1963 xảy ra, ngài tự nguyện thiêu thân để cúng dường đạo pháp. Đại nguyện ấy đã được ngài thực hiện sau ngày Phật đản năm Quý Mão đúng 35 ngày. *Lời nguyện tâm quyết* mà ngài để lại trước đó bảy ngày đã thể hiện tấm lòng khoan dung và nhân từ, tinh thần đồng minh, thái độ thanh thản đầy hiểu biết của bậc đạt đạo, chỉ vì không thể ngồi nhìn Phật giáo tiêu vong mà có hành động phi thường ấy, chứ không vì bất kỳ một chút cơ tâm nào.

Trong dịp này, những ngày sau Đại lễ Phật đản, tưởng nhớ đến sự kiện bi hùng 52 năm trước, Phật tử Việt Nam thành kính dâng lên Bồ-tát Quảng Đức lòng biết ơn vô bờ, không chỉ vì hạnh nguyện của ngài đã có tính cách quyết định để mang lại một trang sử mới cho Phật giáo Việt Nam, mà còn vì hạnh nguyện ấy đã chứng thực cho những lời dạy vẫn được nêu trong kinh điển nói về những bậc Bồ-tát lấy thân làm đuốc cầu pháp, khiến toàn thể thế giới cảm phục tinh thần Phật giáo Việt Nam, khiến cho có lúc cả loài người đã cảm phục người Việt với những phẩm chất cao thượng do thấm nhuần tư tưởng Phật giáo. Điều đáng tiếc là vẫn có những dư luận từ thiếu khách

quan đến ác ý khiến ngọn lửa Quảng Đức có lúc bị nhìn nhận sai lạc.

Cho đến nay, vẫn còn có những người thiếu sáng suốt, tìm cách xuyên tạc sự thật về đại nguyện của ngài Thích Quảng Đức. Dựa trên một đoạn phim ngắn thể hiện cảnh tự thiêu của một nhà sư trong bộ phim *Mondo Cane 2* của Gualtiero Jacopetti, một người Ý chuyên làm những phim tài liệu gây xúc động (sockumentary), những người có ác ý hí hửng tưởng rằng đã tìm được một “chứng cứ” cho thấy ngài Quảng Đức đã bị những người lãnh đạo cuộc tranh đấu lúc bấy giờ đầu độc cho mê man rồi đem thiêu sống. Họ cố ý không biết rằng chính Jacopetti đã thú nhận là ông ta hối hận về việc dàn dựng lại không khéo đoạn phim nói trên dựa trên những bức ảnh của Malcolm Browne, trong khi nội dung những bức ảnh của Malcolm Browne thể hiện ngài Thích Quảng Đức chủ động trong việc thực hiện đại nguyện của mình. Những ai muốn biết rõ sự thật, có thể kiểm chứng hình ảnh được phân tích kỹ trên trang mạng có địa chỉ:

<http://thuvienhoasen.org/a16529/27-xuyen-tac-ve-cuoc-tu-thieu-cua-ht-thich-quang-duc-phap-lac-va-nguyen-kha>.

Trên *VHPG* số đặc biệt Xuân Ất Mùi, tác giả Vũ Thế Ngọc cũng đã nói đến sự nhầm lẫn này ở một số những vị trí thức lớn tuổi đang sống tại hải ngoại, có người là Phật tử.²

Bên cạnh những kẻ ác ý tìm cách xuyên tạc sự thật, cũng có những bài viết của các bậc tôn túc Phật giáo, hoặc do vô tình thiếu cân nhắc, hoặc do khi hồi tưởng muốn làm nổi bật vai trò của mình trong sự kiện lịch sử đó, đã có những phát biểu khiến công chúng hiểu lầm về hạnh nguyện của ngài Thích Quảng Đức, đến mức nghĩ rằng ngài đã bị các vị lãnh đạo Phật giáo lúc bấy giờ chỉ sử.

Đã có vô số nhân duyên để dẫn đến cái quả quan trọng tối hậu là hành động vô ngã phi thường của ngài Thích Quảng Đức cách đây 52 năm; những nhân duyên ấy đều gắn liền với cái ngã của những người lúc ấy đang ở đỉnh cao quyền lực và không thêm quan tâm đến nguyện vọng nhỏ nhoi của quần chúng là chỉ mong được an ổn nối tiếp việc thực hành tín ngưỡng truyền thống của cha ông họ vẫn thực hành từ ngàn đời trước.

Phải chăng, có thể nói bài học lớn nhất mà Bồ-tát Quảng Đức mang lại cho người Phật tử vẫn là bài học vô ngã? ■

Chú thích:

1. Xem bài *Về một bức thủ bút chữ Nôm của Thích Quảng Đức*, Phạm Quý Vinh, Tạp chí *Sông Hương*, số 227, tháng 1 năm 2008.
2. Xem bài *Ba ông già khó chịu*, Vũ Thế Ngọc, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*, số 218-219, đặc biệt mừng Xuân Ất Mùi, tháng 2 năm 2015.

Chữ tâm của nhà báo trong bối cảnh lịch sử hôm nay

TRẦN VĂN CHÁNH

Sau khi kể lại một cuộc bể dâu bằng hơn ba ngàn câu thơ lục bát, Nguyễn Du cũng chỉ kết luận cho kiệt tác *Truyện Kiều* của mình bằng một chữ “Tâm” đơn giản (*Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài...*). Mà thật, chữ Tâm đơn giản chỉ có nghĩa là “tấm lòng”, hơi khác với hai chữ *lượng tâm* để chỉ ý thức đạo đức nhờ đó mà mỗi người có khả năng tự đánh giá và điều chỉnh hành vi của mình cho hợp với những quy tắc đạo đức có tính phổ biến. Trong số những nhà triết học phương Đông cổ đại, có lẽ Mạnh Tử (372-289 TCN) là người bàn đến chữ Tâm nhiều nhất, và theo ông cả bốn đức nhân, nghĩa, lễ, trí đều thuộc về tâm - đó là lòng trắc ẩn, lòng thiện, ghét, lòng từ nhượng (biết từ chối và nhường nhịn), và lòng biết phân biệt phải trái; có bốn đức ấy rồi kể như có lượng tâm, hiểu theo nghĩa gốc là lòng thiện của con người.

Nói về nghề làm báo, viết báo thì chữ Tâm có ý nghĩa rất quan trọng, đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt hướng dẫn hành vi và quyết định của nhà báo để đạt đến chân, thiện, mỹ. Trong trận bút trường văn, nhà báo cũng có một số điểm tương tự như nhà văn về phương diện tác nghiệp (ngòi bút, ngôn ngữ...), nên ngoài phần *văn tài* họ còn phải có *văn tâm* (cái tâm của văn), thiếu yếu tố sau này thì văn chương của họ dù hay ho đến đâu cũng không có hồn hướng rõ rệt, nếu không muốn nói vô ích, vì không phục vụ được cho cuộc nhân sinh ngày một thêm tốt đẹp, hài hòa.

Cái tâm của nhà báo mọi thời có thể hiểu bao gồm cả thiện tâm (lòng tốt), nhiệt tâm, công tâm, và nhất là hùng tâm (tâm chí hào hùng mạnh mẽ, muốn làm được những việc hữu ích cho đời), vì nếu thiếu hùng tâm thì nhà báo

sẽ trở nên nhút nhát, cầu an, “rút rè gà phải cáo”, không dám viết hoặc quyết định đăng những bài biết là có ích lợi cho công chúng nhưng lại sợ bị trù dập, thiệt thòi cho mình. Cái tâm của nhà báo cũng gắn liền với một số đức tính thuộc về luân lý chức nghiệp, nhờ đó mới có thái độ khách quan vô tư, can đảm bảo vệ sự thật đến cùng, không khuất phục trước uy vũ hoặc xu phụ cường quyền, hoặc thỏa hiệp và mị dân. Họ luôn yêu chuộng công bằng, dám chấp nhận lao tâm khổ trí và hy sinh, tránh được những điều trái ngược với đạo đức báo chí như khai thác những chuyện giật gân để câu khách, phạm tội phỉ báng, mượn lý do “nghiên cứu - trao đổi”, “phản biện” dùng tư tưởng bảo thủ-giáo điều với lời lẽ xác lảo thiếu văn hóa để phê bình theo kiểu vui dập, chụp mũ chính trị đối với những người có “ý kiến khác”, hoặc xâm phạm đời tư của công dân, viết lãng nhăng tục tĩu, nói láo ăn tiền...

Cái tâm của nhà báo giúp cho họ luôn giữ được sự thẳng băng đúng mực, tôn trọng và bảo vệ con người, không vì bất cứ lý do gì mà có thể công bố những lời tố cáo không chính thức ảnh hưởng đến uy tín, đạo đức hoặc xâm phạm vào tâm tư, quyền lợi riêng của cá nhân mà không minh chứng được sở dĩ như vậy là vì lợi ích của công chúng, chứ không phải vì tính tò mò của công chúng. “Một tờ báo không thể tránh khỏi bị kết tội là thiếu trung thực nếu một khi nó bày tỏ mục tiêu đạo đức cao cả mà lại có khuyến khích đối với các hành vi thấp hèn, như có thể thấy trong việc miêu tả chi tiết các tội ác và thói trụy lạc” (“Những nguyên tắc của nghề báo”, trong quyển *Bước vào nghề báo*, Nxb Trẻ, 2003, tr.359). Một nhà báo có lòng do vậy luôn cân nhắc, nghĩ tới hậu quả của những việc mình làm,

như lời nhắc nhở sau đây của hai nhà báo lão luyện - Leonard Ray Teel và Ron Taylor, tác giả của quyển sách vừa dẫn: “Ngay cả bọn trộm cướp cũng có gia đình. Cố gắng đặt bạn vào vị trí của những người bạn viết đến. Hãy nhớ rằng bạn có thể đang hủy hoại một đời người, khiến cho người ta vào tù, hoặc làm cho người ta thành kho gây cười cho những người ngang hàng”. Một lời khuyên thật nhân đạo cho những người làm báo.

Chắc có người còn nhớ câu chuyện xảy ra hơn 20 năm trước, hồi tháng 5.1993, giới báo chí Pháp và cả dư luận thế giới đã bị xúc động mạnh về cái chết của Pierre Bérégovoy (1925-1993), cựu Thủ tướng Pháp. Ông đã tự tử vì tờ *Le Canard Enchaîné* (Con vịt xiềng) tố cáo ông đã mượn số tiền một triệu francs không trả lãi của một người bạn để mua nhà trong thời kỳ ông còn là dân biểu ở tỉnh Nièvre. Ông Bérégovoy là một người chính trực, xuất thân bình dân nên việc ông chọn cái chết trong trường hợp nêu trên đã gây nhiều xúc động khiến người ta phải đặt kỹ lại vấn đề lương tâm và trách nhiệm của báo chí, cách thức của báo chí trong việc đưa tin và phê bình chỉ trích khi đụng đến trường hợp của một số cá nhân riêng biệt. Mọi sự chỉ trích cay độc bất chấp sự nghiêm cứu sâu xa về con người hiểu như một sinh vật phức tạp tẻ nhị, một sản phẩm tổng hòa tích hợp từ hàng trăm mối quan hệ hình thành nhân cách, có lẽ không phải là cách chọn lựa của một nhà báo chân chính, vì bất cứ lý do nào.

Ở Việt Nam, vào năm 1990, cũng có một vụ đau lòng làm nhức nhối lương tri xã hội, tương tự câu chuyện về ông Bérégovoy nhưng tình tiết hơi khác, do sự thiếu tế nhị (nếu không muốn nói thiếu lương tâm và vi phạm đạo đức nghề nghiệp) của nghề báo gây ra. Đó là vụ án bia ôm Đường Sơn Quán (Thủ Đức) dính đến người cha là sĩ quan công an bị đưa hình lên báo, khiến đứa con gái 16 tuổi phải uống thuốc độc tự tử vì không chịu nổi tình cảnh nhục nhã khi nghe bạn bè trong lớp đàm tiếu về người cha mà em vốn cho là lý tưởng của mình, còn người vợ của viên sĩ quan đó thì cũng dở điên dở khùng vì xấu hổ...

Xét về phương diện cái tâm thì tài năng, sự thăng tiến nghề nghiệp và tiền bạc kiếm được cũng chưa phải là những tiêu chuẩn chính để đánh giá một nhà báo. Cũng không phải luôn luôn ạch đui, nghèo rớt mồng tơi mới là nhà báo tốt, nhưng đôi khi danh lợi, tham vọng thăng tiến nóng vội và thái độ bất chấp thủ đoạn trong nghề lại đồng nghĩa với tội ác, thậm chí tội sát nhân. Năm 1934, một tấn thảm kịch cũng đã xảy ra trong chính giới Pháp mà kẻ chủ động là Carbuccia, chủ nhiệm tuần báo *Gringoire* với sự cộng tác, câu kết đặc lực của nhà báo Henri Béraud. Anh này vì ham tiền của chủ và muốn mau được nổi tiếng nên đã nhẫn tâm đặt điều vu cáo, vu khống Roger Salengro, lúc đó đang giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho Chính phủ Léon Blum, là một tên lính đào ngũ. Salengro, là một chiến



sĩ xã hội, đã chọn cái chết để thanh minh cho mình. Sau đó người ta được biết ông chủ nhiệm của Béraud chính là con rể của Jean Chiappe, Đô trưởng cảnh sát Ba Lê vốn là kẻ thù nghịch với nhà cách mạng xã hội Salengro. Thì ra ông chủ nhiệm muốn làm vừa lòng cha vợ, còn anh nhà báo thì vì số tiền thưởng kếch xù đã nhả tâm chửi mướn ăn tiền gây ra cái chết cho một nhân vật lỗi lạc của nước Pháp. Béraud sau việc làm này quả nhiên tiếng tăm nổi như cồn, nhưng một hôm anh ta nhận được bức thư với tuồng chữ quen quen của hai bạn đồng nghiệp là Pierre Scize và Louis Roubaud, trước đó bốn năm ở tỉnh Lyon là bạn học của Béraud lúc hàn vi và cả ba đã từng hẹn nhau bước vào nghề báo trong tinh thần thi đua xem ai đến đích trước. Nội dung của bức thư chỉ có mấy dòng ngắn ngủi: “Mày đúng là đứa đã đến đích nhất, nhưng không phải là nơi chúng tao mong chờ ở mày. Vĩnh biệt”. Câu chuyện này nhà báo lão thành Trần Tấn Quốc (1914-1987) đã

có lần kể lại cho các sinh viên nghe trong một buổi nói chuyện để nhắc nhở các bạn trẻ nuôi mộng làm báo về cái tâm của một nhà báo chân chính, có ghi lại đầy đủ hơn trong quyển *Trần Tấn Quốc, bốn mươi năm làm báo* (của tác giả Thiện Mộc Lan, Nxb Trẻ, 2000).

Nói về cái Tâm của nhà báo nhân Ngày Nhà báo Việt Nam 21/6, mà nội dung phong phú hơn nhiều liên quan đến cả vận nước và tương lai dân tộc chứ không chỉ có lòng trắc ẩn đối với một vài cá nhân, đặc biệt trong bối cảnh lịch sử hôm nay, chúng tôi xin trích lại mấy lời tâm huyết sau đây của một nhà báo lão thành đã quá cố:

“... Những ai muốn bước vào nghề báo, có lẽ từ lúc vỡ lòng cho tới khi buông bút, không nên nghĩ đây là một cái nghề để cầu danh, cầu lợi, mà là phương tiện để ‘hành đạo’... Những nhà báo có uy tín thường là những người không bao giờ rời sự thật (sự thật nguyên nghĩa khoa học của nó). Họ phải trăn ai lai khổ, thậm chí phải ‘bỏ mạng’ để tìm đến với sự thật và bảo vệ nó. Sự thật là hạt nhân làm nổ những trái bom thông tin nhằm giải phóng các xã hội ra khỏi sự kiểm tỏa hữu hình và vô hình, đưa con người và xã hội tiếp cận với chân lý, thức tỉnh lương tâm trách nhiệm của giới hữu trách, của mỗi công dân và cộng đồng, vun đắp nhân bản, nuôi dưỡng cái thiện, chống cái ác, cái xấu, cái gian dối... Người cầm bút vượt qua bao cửa ải của quyền lực cá nhân, để tôn vinh quyền lực của cộng đồng, và để không dễ dàng bị biến thành ‘bôi bút’... Những ai quay lưng trước sự thật xin chớ bước vào nghề báo”.

Đoạn vừa trích dẫn là lời bạt của nhà báo Bến Nghé (còn có bút danh Khả Minh) đặt ở cuối cuốn sách *Bước vào nghề báo* đã dẫn trên, trong đó tác giả lặp đi lặp lại

nhiều lần hai chữ “sự thật”, coi việc tôn trọng sự thật và nỗ lực tìm kiếm sự thật của người viết báo, làm báo như là một trong những thuộc tính căn bản nhất của nghề nghiệp. Thiếu thuộc tính này thì nghề báo sẽ không thể phân biệt được với những nghề nghiệp khác, do vậy nó cũng không thực hiện được chức năng, vai trò mà đáng lẽ nó phải có như xã hội đã phân công cho nó. Song hai chữ “sự thật” đối với người viết báo, làm báo tự thân nó cũng mang nhiều ý nghĩa phong phú, phức tạp, rất tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà các chủ thể của nghề nghiệp đang sống và làm việc. Có những sự thật thuộc thông tin đơn thuần đương nhiên cần được phản ánh đúng, không thể làm khác, nhưng cũng có những sự thật thuộc phạm vi xử lý và bình luận các thông tin, đòi hỏi sự phân tích ở chiều sâu hơn nhằm gợi ý giúp cho độc giả thấy được tầng sâu bản chất của sự vật, cũng như nguyên nhân gốc rễ của mọi hiện tượng tiêu cực làm cho xã hội băng hoại và đẩy dân chúng vào cảnh lao đao lận đận trong vòng tăm tối không lối thoát. Điều này đòi hỏi các nhà báo vừa phải trung thực, vừa có những cách biểu hiện đầy nghệ thuật và khôn khéo. Nếu hoàn cảnh ít thuận lợi hơn, chẳng hạn như phải hoạt động trong điều kiện một chính quyền nào đó không biết tôn trọng dân chủ, hoặc chỉ tôn trọng dân chủ một cách giả hiệu, mị dân, thì ngoài tính trung thực, các nhà báo còn phải có lòng can đảm nữa. Xét cho cùng, cả hai đức tính này đối với nhà báo (tính trung thực và lòng can đảm) cũng chỉ là một, hoặc chúng có quan hệ biện chứng với nhau, không thể tách rời nhau.

Nhà báo vì thế không chỉ yêu sự thật mà còn phải ra sức bảo vệ sự thật nữa. Họ không chỉ cần sự tinh thông nghề nghiệp với lương tâm trong sáng mà còn dám mạnh dạn đề xuất sáng kiến, đặt ra những vấn đề bức xúc xã hội cần giải quyết, góp phần thúc đẩy sự tiến bộ, chứ không nên chỉ thụ động chờ đợi cho đến khi có cấp thẩm quyền nào đó “bật đèn xanh” rồi cứ thế tìm cách “tê nước theo mưa” cho an toàn bản thân. Đây vừa là trách nhiệm vừa là lương tâm của người cầm bút, thể hiện một cách cụ thể trong quá trình viết lách, biên tập và quyết định bài vở, trên cơ sở coi lợi ích của nhân dân là luật pháp tối thượng mà không hề khuất phục bất kỳ một thế lực nào.

Nếu tính trung thực luôn gắn liền với lòng can đảm thì lương tâm và trách nhiệm cũng thế, không thể tách rời nhau được. Cũng trong lời bạt của quyển sách nghề báo nêu trên, chúng ta còn đọc thấy lời của nhà báo-nhà văn-nhà sử học Pháp lão thành Jean Lacouture (sinh năm 1921) được trích dẫn, lấy từ bản tiếng Việt của tạp chí *Người đưa tin UNESCO* (tháng 9/1990, tr.13):

“Nhà báo là một sinh vật có một lương tâm mà không một ông trùm báo chí nào, không một hệ tư tưởng thống trị nào, không một sự đồng lõa với phe đảng nào khuất phục được hoàn toàn”. ■





Bàn về ý nghĩa câu ca dao xứ Huế

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Kho tàng văn học dân gian xứ Huế có lưu truyền câu ca dao rất quen thuộc:
*Văn Thánh trồng thông,
 Võ Thánh trồng bàng;
 Ngó vô Xã Tắc hai hàng mù u.*

Trong tác phẩm *Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao người Việt*, tác giả Triều Nguyên đã giải thích câu đó như sau:

“Văn Thánh (cũng gọi Văn Miếu) là đền thờ Khổng Tử và các danh nho, Võ Thánh (cũng gọi là Võ Miếu) là đền thờ các võ tướng, Xã Tắc là một cái đàn để tế thần đất (Thái Xã) và thần lúa (Thái Tắc). Đó là ba công trình kiến trúc ở Huế, vào thời Gia Long, Minh Mạng. Nhưng Văn Thánh, Võ Thánh còn tượng trưng cho trí lực và dũng lực của cộng đồng; Xã Tắc cũng thường để chỉ nhà nước, giang sơn. Việc

gắn kết chúng lại với nhau để hình thành sự liên tưởng đến một triều đình với hai hàng văn võ. Và sự liên tưởng ấy đủ mạnh để tách “mù u” (tên một loài cây cao, có quả là đối tượng của câu đố dân gian “bằng quả cau, đau hai bệnh” - bệnh mù và bệnh u) ra làm đôi: “mù” ngã về hàng văn, “u” thuộc về hàng võ. Một triều đình mà văn “mù”, võ “u” thì rõ là một triều đình thất bại hay bù nhìn. Để củng cố cho cái nghĩa hàm ẩn này, còn có sự trợ lực của hai loài cây được nêu cùng mù u, song kèm Văn Thánh và Võ Thánh, là “thông” và “bàng”. Chúng tạo nên một trường ngữ nghĩa, chỉ những thứ cây tầm thường. Tính chất “tầm thường” này càng nổi rõ hơn khi chúng được đặt cạnh những nơi tôn kính hàng đầu là Văn Thánh, Võ Thánh và Xã Tắc.

Cách hiểu “mù u” như vừa trình bày, cho thấy sức mạnh của ca dao (ở đây, tạm cho là bia miệng) có thể lấn át cả cung điện, đền đài.” (Sđd, tr.57).



Có phải câu trên đã được *chơi chữ* để mang một ý nghĩa đầy ẩn dụ như tác giả giải thích không?

Thực ra, theo cụ Ứng Luận viết trong cuốn *Ca dao xứ Huế* thì câu trên được xếp vào loại “*Địa lý và thắng tích*” và được cụ giải thích: “*Cây cối lúc trước mỗi nơi dùng một loại...*”.

Câu này được cụ xếp chung với nhiều câu khác “cùng loại” như:

*Ngọ Môn năm cửa chín lầu
Cột cờ ba bậc, Phu Văn Lâu hai tầng.*

hoặc:

*Đông Ba Gia Hội hai cầu
Ngô vô Diệu Đế bốn lầu hai chuông...*

Như thế, câu ca “*Văn Thánh..., Võ Thánh...*” chỉ là câu *thuần địa lý*, nói về các thứ cây đã được trồng (trên thực tế) tại các khu vực có ba di tích kể trên. Các câu ca thuộc loại này, trước đây người Huế thường dùng để hát ru em, đơn giản vì nó có vần, có điệu.

Ở đây có lẽ tác giả Triều Nguyên đã dùng *cảm tính* để giải thích câu trên là có tính ẩn dụ khi liên tưởng trái *mù u* là thứ trái xuất hiện trong câu đố “*mang hai thứ bệnh: mù và u*”(!); đồng thời tác giả lại chủ quan, liên tưởng quá xa, khi cho rằng hình ảnh Văn Miếu và Võ Miếu trong câu ca có ý chỉ *hai hàng quan Văn - Võ, tất cả đều được cho là mắc bệnh mù và bệnh u*! Như thế phải chăng tác giả cho rằng, chẳng có cây mù u nào được trồng ở đâu cả, *mù u* được mượn ở đây để chỉ hai thứ bệnh mà thôi!?

Xin đề cập đến đàn Xã Tắc, từ *Xã Tắc* ở đây không thể hiểu như cách tác giả “*biện nghĩa*” là “*cũng thường để chỉ nhà nước giang san*”, nghĩa thực của từ Xã Tắc (trong đến Xã Tắc) là *Thái Xã* (thần đất) và *Thái Tắc* (thần lúa). Điều đơn giản và thực tế là đàn Xã Tắc nằm trong khu vực Thành Nội Huế, trước đây các con đường chung

quanh được trồng rất nhiều cây mù u, loài cây có trái tròn được ghi trong huyền thoại đánh giặc, khi quân Pháp tấn công vào kinh thành Huế năm 1885, người Huế đã rải đầy đường trái mù u để quân giặc trượt mà té ngã.

Ngày xưa, người ta trồng cây mù u vì hai lý do. Một là để lấy dầu thắp đèn, hai là tạo bóng mát. Cây mù u lá dày, tàng cây rậm, cho bóng mát rất tốt. Ngoài ra, theo một số người lớn tuổi cho biết, không phải ngẫu nhiên mà cây mù u được trồng tại đàn Xã Tắc; nó có lý do, vì gỗ của loại cây này còn được dùng để chế tạo nông cụ phục vụ cho việc sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, các hàng cây đó vẫn còn trên vài con đường ở Thành Nội Huế.

Có thể khẳng định một điều là người Huế không lấy một nơi có tính linh thiêng như đàn Xã Tắc để đả kích hay miệt thị một ai, vì đàn Xã Tắc được lập ra để *tế Thổ thần* và *Cốc thần* là hai vị thần quyết định đến cuộc sống sinh tử của họ. Hơn nữa, đàn này được đắp bằng thứ đất sạch do các doanh, trấn trong cả nước mang về tạo nên, như thế ngoài ý nghĩa tâm linh, đây chính là nơi hội tụ của “*hồn thiêng sông núi*” của cả nước.

Còn Văn Thánh và Võ Thánh thì theo nhiều tư liệu, đó cũng chỉ đơn thuần là nơi thờ tự các bậc anh tài trong hai lĩnh vực Văn - Võ; họ là những nhân vật trong lịch sử được mọi người thờ kính. Theo định kỳ, đích thân nhà vua hoặc quan đại thần thay mặt đến *tế tự*. Trong cuốn *Tục thờ Thần ở Huế*, tác giả Huỳnh Đình Kết cho biết:

“Vua chúa đời trước đều lấy học thuyết Nho gia làm nền tảng trị nước, vậy nên phụng thờ tế tự chư thần là một trong những việc trọng đại mà bậc thiên tử phải đặc biệt chú ý thi hành”.

Văn Thánh đã được lập lần đầu dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1674-1725) tại làng Triều Sơn, trải qua các triều đại khác nhau, cuối cùng được xây dựng lại ở làng An Ninh, nằm trên khu đất trống bên bờ sông Hương. Với mục đích che chắn gió cũng như tạo cảnh quan, ngày trước Văn Thánh được trồng toàn thông, để vừa tạo bóng mát, vừa ngăn các đợt gió mùa thổi đến khi mưa lũ tràn về, có thể gây nên sức tàn phá lớn. Văn Thánh được xây dựng ngoài việc thờ Khổng Tử còn thờ Tứ Phối: Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư và Mạnh Tử, cùng Thập Nhị Triết. Đông Vu và Tây Vu gồm 14 án, thờ các Tiên Hiền và Tiên Nho, những người có công trong việc phát triển đạo Nho. Đối với việc thờ phụng, triều Nguyễn cho lập bài vị bằng gỗ gọi là linh vị, mộc chủ, thần chủ để thờ. Ngoài ra, ở đây còn có 32 tấm bia đá ghi họ tên, tuổi tác và quê quán của 293 vị đỗ tiến sĩ, một số nhân vật đó là: Phan Thanh Giản; Phan Đình Phùng; Tống Duy Tân; Nguyễn Xuân Ôn; Đinh Văn Chất; Phạm Văn Nghị; Dương Khuê; Nguyễn Thượng Hiền; Nguyễn Khuyến; Chu Mạnh Trinh; Đào Nguyên Phổ; Ngô Đức Kế; Huỳnh Thúc Kháng...

Võ Thánh được lập nên để thờ các danh tướng. Bên cạnh một số danh tướng Việt Nam như: Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật, Tôn Thất Hội, Nguyễn Văn Trương..., trong miếu còn có bài vị thờ Quân Trọng, Lý Thạch, Hàn Tín, Trương Lương, Gia Cát Lượng, Quách Tử Nghi... là các danh tướng Trung Quốc.

Dưới thời Tự Đức, triều đình cho dựng thêm hai tấm bia *Tiến sĩ vô*, ghi những tiến sĩ đỗ trong 3 khoa thi vô: khoa Ất Sửu (1865), khoa Mậu Thìn (1868) và khoa Kỷ Tỵ (1869), bao gồm: Võ Văn Đức (Quảng Nam), Võ Văn Lương (Quảng Trị), Văn Vận (Thừa Thiên), Phạm Học (Quảng Nam), Nguyễn Văn Tứ (Bình Định), Dương Việt Thiệu (Thừa Thiên), Đỗ Văn Kiệt (Quảng Trị), Đặng Đức Tuấn (Bình Định), Trần Văn Hiến (Thừa Thiên) và Lê Văn Trục (Quảng Bình).

Tại sao Văn Thánh trông thông, Võ Thánh trông bàng mà không trông ngược lại?

Theo quan niệm xưa, cây thông gắn với Văn hơn Võ. Cụ Nguyễn Công Trứ có câu thơ:

*Kiếp sau xin chớ làm người
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo
Giữa trời vách đá cheo leo
Ai mà chịu rét thì tèo với thông.*

Đến đầu thế kỷ XX, Võ Liêm Sơn cũng viết:

*Bên mồ có mọc một cây thông
Để cho xương thịt máu vun trồng
Theo gió reo lên một khúc nhạc
Kêu vang chín chín ngọn non Hồng.*

Sự gắn gũi giữa cây thông với văn học, triết học (Lão giáo) không phải đến Nguyễn Công Trứ mới có tư tưởng ấy, có lẽ trước đó đã lâu. Còn trông bàng? Bàng là loại cây cho nhiều bóng mát. Trông bàng là để tạo nên bóng im cho các quan khi họ đến Võ Thánh vào những ngày lễ cúng.

* * *

Ca dao xứ Huế nhiều câu có tính hàm nghĩa, bóng gió, nhưng cũng như cư dân của các tỉnh miền Trung *đất cày lên sỏi đá* khác, người Huế cũng thường bộc trực, nói thẳng, đã kích thẳng những điều sai trái, ức hiếp lương dân:

*Vạn Niên là Vạn Niên nào
Thành xây xương lính, hào đào máu dân!*

hoặc:

*Gẫm xem thế sự thêm rầu
Ở giữa Đồng Khánh, hai đầu Hàm Nghi.*

Có khi nhầm phê phán, châm biếm tính “trắng hoa”, liều lĩnh của một ông vua:

*Kim Long có gái mỹ miều
Trăm thương trăm nhớ, trăm liều trăm đi!*

Hay biểu lộ tình cảm đối với một nhi nữ đi làm dâu xứ lạ:

*Tiếc thay cây quế trên rừng
Để cho thằng Mán thẳng Mường nó leo.*

Tóm lại, thông thường, để biểu thị một cách nhìn, hoặc một thái độ phản kháng mà không muốn nói thẳng, nhân dân (không riêng gì ở Huế) thường tạo nên câu ca có hình ảnh *không thực*, có khi mông lung, mơ hồ không rõ nghĩa, nhưng đằng sau nó là một trường ngữ nghĩa.

Có thể thấy ở nhiều câu ở dạng này như:

*Gió đưa cây cải về trời,
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.*

Để nói về trường hợp cung phi Nguyễn Thị Kim dưới triều vua Lê Mẫn Đế phải ở lại một mình khi thái hậu và thái tử trên đường lưu vong.

Trong câu ca dao được phân tích trong bài này, hình ảnh đèn đài, các loài cây là có thực, nó được dựng lên theo truyền thống mà các triều đại trước đã làm, chứ chẳng phải riêng gì nhà Nguyễn ở Huế, nó không phải được tạo dựng trong giai đoạn thực dân Tây phương sang xâm lược chiếm đóng nước ta, vì thế dứt khoát không thể có một ý nghĩa ẩn dụ hay sâu kín nào khác (như theo ý tác giả Triều Nguyên suy diễn là qua cách *chơi chữ*!), bởi ngữ cảnh của câu ca rất đúng, rất thực. Được tạo dựng nên từ tâm thức tín ngưỡng, thực tế đó chỉ là những nơi để thờ cúng, tế tự, vì thế theo thiển nghĩ, không ai lấy nó để *chơi chữ* hay ám chỉ một điều gì khác, nhất là đối với người dân Huế vốn trọng tình thần lễ nghĩa...

Tài liệu tham khảo:

- *Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao Việt*, Triều Nguyên, Nxb Thuận Hóa, 2000.

- *Ca dao xứ Huế*, Ứng Luận, Sở VH TT TT-H, 1992.

- *Cố đô Huế*, Thái Văn Kiểm, Nxb Đà Nẵng, 1994.

- *Tục thờ Thần ở Huế*, Huỳnh Đình Kết, Nxb Thuận Hóa, 1998.



Tự mình dò xét mình

THANH ĐẠO

Tự mình chỉ trích mình, Tự mình dò xét mình, Tỳ-kheo tự phòng hộ, Chánh niệm, trú an lạc¹.

Trong số các đệ tử ưu tú của Đức Phật, Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) được xem là người có trách nhiệm và đóng góp lớn trong việc dạy dỗ và huấn luyện chư Tăng². Cùng với Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất), Tôn giả Mahāmoggallāna được gọi là cán cân, là mẫu mực cho chúng Tỳ-kheo nương tựa học tập và noi gương³. Tôn giả Sāriputta được biết như là sanh mẫu (*janetti*) của chư Tăng, trong khi Tôn giả Mahāmoggallāna được xem như là dưỡng mẫu (*apādetā*) của chúng Tỳ-kheo⁴. Bản sở giải kinh *Trung Bộ* nói rằng Tôn giả Sāriputta có công huấn luyện các Tỳ-kheo tân học và an trú các vị ấy vào Thánh quả Dự lưu, trong khi Tôn giả Mahāmoggallāna chịu trách nhiệm tiếp tục hướng dẫn các vị ấy đạt đến các Thánh quả Nhất lai, Bất lai và A-la-hán.

Trong một lần thuyết giảng, Tôn giả Mahāmoggallāna đã nêu ra mười sáu loại ác pháp hay mười sáu tánh khí bất thiện khiến cho một Tỳ-kheo trở nên khó nói (*dubbaca*), khó dạy bảo, không nhận được sự tin tưởng và dạy dỗ của chư Tăng và nêu rõ cách thức làm thế nào một Tỳ-kheo vượt qua các ác pháp, trở thành người dễ nói (*suvaca*), dễ dạy bảo, được chư Tăng tin tưởng và sẵn sàng hỗ trợ việc tu học để đạt được tiến bộ. Mở đầu bài pháp thoại, Tôn giả xác nhận⁵:

“Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo thỉnh nguyện: ‘Mong rằng chư Tôn giả nói với tôi, mong rằng tôi được chư Tôn giả nói’. Nhưng nếu vị ấy là một người khó nói, đầy đủ những tánh khí khiến người ấy trở thành khó nói, khó kham nhẫn, không cung kính đón nhận khi được giảng dạy thì các vị

đồng phạm hạnh nghĩ rằng, Tỳ-kheo ấy không đáng nói đến, nghĩ rằng Tỳ-kheo ấy không đáng được giáo huấn, nghĩ rằng không nên đặt lòng tin vào người ấy”.

16 loại ác pháp khiến vị Tỳ-kheo trở thành người khó nói, khó dạy bảo:

1. Có ác dục, bị ác dục chi phối;
2. Khen mình chê người;
3. Phẫn nộ, bị phẫn nộ chi phối;
4. Hiềm hận;
5. Cố chấp;
6. Thốt ra những lời liên hệ đến phẫn nộ;
7. Bị buộc tội trở lại chống đối vị đã buộc tội mình;
8. Bị buộc tội trở lại chỉ trích vị đã buộc tội mình;
9. Bị buộc tội trở lại chất vấn vị đã buộc tội mình;
10. Bị buộc tội tránh né vấn đề với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, để lộ phẫn nộ, sân hận và bất mãn của mình;
11. Bị buộc tội không giải thích thỏa đáng hành động của mình cho vị buộc tội;
12. Hư ngụy và náo hại;
13. Tật đổ và xan tham;
14. Lừa đảo và lường gạt;
15. Ngoan mê và quá mạn;
16. Chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả.

Cách thức đoạn trừ hay vượt qua 16 ác pháp:

“ - Chư Hiền, ở đây Tỳ-kheo cần phải tư lượng tự ngã với tự ngã như sau: ‘Người này có ác dục, bị ác dục chi phối nên ta không ưa người ấy, không thích người ấy. Và nếu ta có ác dục, bị ác dục chi phối, các người khác sẽ không ưa ta, không thích ta’. Chư Hiền, Tỳ-kheo khi biết vậy cần phải phát tâm như sau: ‘Ta sẽ không có ác dục, sẽ không bị ác dục chi phối’.



‘Người này khen mình chê người nên ta không ưa người ấy, không thích người ấy. Và nếu ta khen mình chê người, các người khác sẽ không ưa ta, sẽ không thích ta.’ Chư Hiền, Tỳ-kheo khi biết vậy, cần phải phát tâm như sau: ‘Ta sẽ không khen mình chê người.’

‘Người này có phần nộ, bị phần nộ chi phối nên ta không ưa người ấy... Ta sẽ không phần nộ, không bị phần nộ chi phối.’

‘Người này phần nộ, vì vị phần nộ làm nhân trở thành người hiềm hận nên ta không ưa người ấy... Ta sẽ không phần nộ, không vì phần nộ làm nhân trở thành người hiềm hận.’

‘Người này phần nộ, vì phần nộ làm nhân trở thành cố chấp nên ta không ưa người ấy... Ta sẽ không phần nộ, không vì phần nộ làm nhân trở thành cố chấp.’

‘Người này phần nộ, thốt ra những lời liên hệ đến phần nộ nên Ta không ưa người ấy... Ta sẽ không phần nộ, không thốt ra những lời liên hệ đến phần nộ.’

‘Người này bị buộc tội, trở lại chống đối vị đã buộc tội mình nên Ta không ưa người ấy... Ta có bị buộc tội, sẽ không trở lại chống đối vị đã buộc tội mình.’

‘Người này bị buộc tội, trở lại chỉ trích vị đã buộc tội mình nên Ta không ưa người ấy... Ta có bị buộc tội, sẽ không trở lại chỉ trích vị đã buộc tội mình.’

‘Người này bị buộc tội, trở lại chất vấn vị đã buộc tội mình nên ta không ưa người ấy... Ta có bị buộc tội, sẽ không trở lại chất vấn vị đã buộc tội mình.’

‘Người này bị buộc tội, tránh né vấn đề với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, để lộ phần nộ, sân hận, bất mãn của mình nên ta không ưa người ấy... Ta bị buộc tội sẽ không tránh né vấn đề với một vấn đề khác, không trả lời ra ngoài vấn đề, và không để lộ phần nộ, sân hận bất mãn của mình.’

‘Người này bị buộc tội, không giải thích thỏa mãn hành động của mình cho vị buộc tội biết nên ta không ưa người ấy... Ta bị buộc tội, sẽ giải thích thỏa mãn hành động của mình cho vị buộc tội biết.’

‘Người này hư ngụy và náo hại nên Ta không ưa người ấy... Ta sẽ không hư ngụy và náo hại.’

‘Người này tật đố và xan tham nên ta không ưa người ấy... Ta sẽ không tật đố và xan tham.’

‘Người này lừa đảo và lường gạt nên ta không ưa người ấy... Ta sẽ không lừa đảo và lường gạt.’

‘Người này ngoan mê và quá mạn nên ta không ưa người ấy... Ta sẽ không ngoan mê và quá mạn.’

‘Người này chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả nên ta không ưa người ấy, không thích người ấy. Và nếu ta chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả, các người khác sẽ không ưa ta, không thích ta.’ Chư Hiền, Tỳ-kheo khi biết vậy, cần phải phát tâm như sau: ‘Ta sẽ không chấp trước thế tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả.’¹⁵”

Bên cạnh việc tư lượng theo cách trên, một phương pháp khác được Tôn giả Mahāmoggallāna đề xuất nhằm vượt qua 16 ác pháp, đó là thẩm sát tự nội, xem mình có hay không có 16 ác pháp. Nếu quán sát và thấy rằng mình có 16 ác pháp thì vị Tỳ-kheo cần phải nỗ lực tinh tấn đoạn trừ 16 ác pháp. Nếu quán sát và nhận ra mình không có 16 ác pháp thì Tỳ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học các thiện pháp:

“- Chư Hiền, ở đây, Tỳ-kheo cần phải quán sát tự ngã với tự ngã như sau: ‘Không biết ta có ác dục, có bị ác dục chi phối không?’. Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát và biết rằng: ‘Ta có ác dục và bị ác dục chi phối’, thì Chư Hiền, Tỳ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ các ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát và biết rằng: ‘Ta

không có ác dục, không bị ác dục chi phối, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học các thiện pháp.

Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo phải quán sát tự ngã với tự ngã như sau: ‘Không biết ta có khen mình chê người hay không? ... Ta không khen mình chê người... các thiện pháp.

Lại nữa... không biết ta có phần nộ, bị phần nộ chi phối không?... Ta không có phần nộ, không bị phần nộ chi phối... các thiện pháp.

Lại nữa... không biết ta có phần nộ, vì phần nộ làm nhân, trở thành có hiềm hận không?... Ta không có phần nộ, không vì phần nộ làm nhân, trở thành người hiềm hận... các thiện pháp.

Lại nữa... không biết ta có phần nộ làm nhân, trở thành người cố chấp?... Ta không có phần nộ, không vì phần nộ làm nhân, trở thành người cố chấp... các thiện pháp.

Lại nữa... không biết ta có phần nộ, thốt ra những lời liên hệ đến phần nộ?... Ta không có phần nộ, không thốt ra những lời liên hệ đến phần nộ... các thiện pháp.

Lại nữa... Ta bị buộc tội, không biết ta có trở lại chống đối vị đã buộc tội ta?... Ta bị buộc tội, ta không trở lại chống đối vị đã buộc tội ta... các thiện pháp.

Lại nữa... Ta bị buộc tội, không biết ta có chỉ trích vị đã buộc tội không?... Ta bị buộc tội, ta không có chỉ trích vị đã buộc tội... các thiện pháp.

Lại nữa... Ta bị buộc tội, không biết ta có trở lại chất vấn vị đã buộc tội ta?... Ta bị buộc tội, ta không trở lại chất vấn vị đã buộc tội ta... các thiện pháp.

Lại nữa... Ta bị buộc tội, không biết ta có tránh né vấn đề với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, để lộ phần nộ, sân hận, bất mãn của ta?... Ta bị buộc tội, ta không tránh né vấn đề với một vấn đề khác, không trả lời ngoài vấn đề, và ta không để lộ sự phần nộ, sân hận và bất mãn của ta... các thiện pháp.

Lại nữa... Ta bị buộc tội, không biết ta có giải thích thỏa mãn hành động của ta cho vị buộc tội biết?... Ta bị buộc tội, Ta có giải thích thỏa mãn hành động của ta cho vị buộc tội biết... các thiện pháp.

Lại nữa... không biết ta có hư ngụy và náo hại?... Ta không có hư ngụy và náo hại... các thiện pháp.

Lại nữa... không biết ta có tật đố và xan tham?... Ta không có tật đố và xan tham... các thiện pháp.

Lại nữa, không biết ta có khi cưỡng và lường gạt?... Ta không có khi cưỡng và lường gạt... các thiện pháp.

Lại nữa... không biết ta có ngoan mê và quá mạn?... Ta không có ngoan mê và quá mạn... các thiện pháp.

Lại nữa, chư Hiền, ở đây Tỳ-kheo cần phải quán sát tự ngã như sau: ‘Không biết ta có chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả không?’ Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát và biết rằng: ‘Ta có chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ những ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát và biết rằng: ‘Ta không chấp

trước thế tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học các thiện pháp.

- Chư Hiền, nếu trong khi quán sát, Tỳ-kheo thấy rõ rằng tất cả các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn trừ trong nội tâm, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ các ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo trong khi quán sát thấy rõ rằng tất cả các ác, bất thiện pháp đã được đoạn trừ trong nội tâm, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học các thiện pháp.

Chư Hiền, ví như một phụ nữ hay một đàn ông trẻ tuổi, trong tuổi thanh xuân, tánh ưa trang điểm, tự quán sát mặt mày của mình trong một tấm kính sạch sẽ và trong suốt, hay trong một bát nước trong sáng. Nếu người ấy thấy bụi bặm hay cấu uế trên mặt mình, thì người ấy tinh tấn đoạn trừ bụi bặm hay cấu uế ấy. Nếu người ấy không thấy bụi bặm hay cấu uế trên mặt mình, thì người ấy sẽ hoan hỷ nghĩ rằng: ‘Thật sự ta được điều tốt đẹp; thật sự ta được thanh tịnh’. Cũng vậy chư Hiền, nếu trong khi quán sát, Tỳ-kheo thấy rõ rằng tất cả các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn trừ ở nội tâm, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ các ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo trong khi quán sát thấy rõ rằng các ác, bất thiện pháp đã được đoạn trừ ở nội tâm, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học các thiện pháp”.⁵

Nhìn chung, người xuất gia tu học theo giáo pháp của Phật được chỉ dẫn rất kỹ về các phương pháp tu tập để tự khiến cho mình trở nên hoàn thiện. Có thể nói rằng vô số cách thức tu tập đáp ứng sự tiến triển giới đức, tâm đức, tuệ đức, hướng đến mục đích giác ngộ được tìm thấy trong những lời dạy hết sức căn bản của Đức Phật và các Thánh giả Phật giáo. Pháp của Phật được mệnh danh là “thiết thực hiện tại” (*sandittika*), nghĩa là có thực hành thì có được kết quả lợi ích ngay lập tức. Nhìn lại những cách thức đoạn trừ 16 ác pháp do Tôn giả Mahāmoggallāna trình bày thì một người xuất gia mà biết cân nhắc (tư lượng) về những gì là đúng sai, tốt xấu và thường xuyên xem xét chính mình để nỗ lực làm sạch tự nội thì vị ấy sẽ đạt được sự tiến bộ lợi lạc trong đời sống tu học cá nhân và trong sinh hoạt Tăng già. Việc tu tập như vậy khiến cho người xuất gia tự tìm thấy hân hoan vui mừng vì sự nỗ lực đem lại kết quả tốt đẹp, giống như người soi gương cảm thấy hoan hỷ khi biết rõ khuôn mặt trong sáng thanh tịnh của mình vậy. ■

Chú thích:

1. Pháp Cú, kệ số 379.
2. Kinh Phân biệt về Sự thật, Trung Bộ.
3. Kinh Hy cầu, Tăng Chi Bộ.
4. Kinh Phân biệt về Sự thật, Trung Bộ.
5. Kinh Tư lượng, Trung Bộ.



Trùng trùng duyên khởi

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Như toàn bộ Phật giáo, kinh *Hoa Nghiêm* cũng đặt nền trên duyên khởi:
Tất cả các pháp nhân duyên sanh
Thế tánh chẳng có cũng chẳng không
Ở nơi nhân duyên và sanh khởi
Trong đó đều trọn không chấp trước.
Không có pháp sắc, pháp vô sắc
Cũng không pháp tướng, pháp vô tướng
Pháp có pháp không thấy đều Không
Rõ biết tất cả vô sở đắc.
Bồ-tát chẳng hoại một pháp nào
Cũng chẳng diệt hoại tánh các pháp
Hiểu rõ các pháp như bóng, vang
Đối với tất cả đều vô trước.
 (Phẩm Thập hồi hướng, thứ 25)

Duyên khởi của *Hoa Nghiêm* không chỉ là: duyên khởi nên là Không; mà: vì tánh Không nên có duyên khởi. Duyên khởi là duyên khởi từ tánh Không và của

tánh Không. Không chỉ là: vì sắc vô tự tánh nên quy kết sắc về tánh Không (sắc tức là Không); mà còn là: tánh Không là nền tảng để có duyên khởi, nên sắc tuy khởi mà vô tự tánh (Không tức là sắc).

Thế nên duyên khởi của *Hoa Nghiêm* là một thế giới sống động và đa dạng phi thường. Đó là một ý nghĩa của trùng trùng duyên khởi. Trùng trùng duyên khởi vì là duyên khởi từ tánh Không và của tánh Không.

Các pháp duyên khởi từ trong tánh Không và quang minh nên duyên sanh mà là tánh Không, động mà bất động, sanh mà vô sanh:

Các pháp không đâu đến
Cũng không có tác giả
Cũng không từ đâu sanh
Thức chẳng thể phân biệt.
Tất cả pháp không đến
Vì thế nên không sanh
Vì là không có sanh
Nên cũng không có diệt.

Tất cả pháp vô sanh
Tất cả pháp vô diệt
Nếu biết được như vậy
Người này thấy được Phật.
Vì các pháp vô sanh
Nên không có tự tánh
Phân biệt biết như vậy
Người này đạt thâm nghĩa.

(Phẩm Dạ-ma cung kệ tán, thứ 20)

Như đã nói ở trước, kinh *Hoa Nghiêm* là tánh khởi. Như thế có nghĩa là pháp giới *Hoa Nghiêm* từ tánh Không đồng nhất với quang minh mà khởi. Từ tánh Không mà khởi nên vô sanh, vô ngại và như huyễn.

Khi duyên khởi là từ và trong tánh Không, mà tánh Không thì tự do vô ngại nên duyên khởi ở đây cũng tự do vô ngại. Nếu duyên khởi theo cái nhìn bình thường là duyên khởi theo tuyến tính, A duyên khởi ra B, B duyên khởi ra C..., thì duyên khởi ở đây là duyên khởi nhiều chiều, theo tất cả mọi chiều, duyên khởi lẫn nhau, tương tác lẫn nhau. A duyên khởi tương tác với B, C, D... cho đến vô tận, đồng thời B, C, D, E... cũng duyên khởi tương tác ngược lại với A. Sự duyên khởi này không có ngăn ngại nào cả (vì đều là tánh Không, vô tự tánh), nghĩa là không ngăn ngại bởi thời gian và không gian, do đó duyên khởi là đồng thời, đồng khởi ở khắp cả.

Khi tất cả các pháp vô ngại với nhau, chúng hiển bày một pháp giới sự sự vô ngại, hay trùng trùng duyên khởi, nhiếp nhập lẫn nhau:

“Tất cả cõi nước vào một cõi nước, một cõi nước vào tất cả cõi nước. Vô lượng cõi Phật đều thanh tịnh khắp”
(Phẩm *Thập địa*, thứ 26).

Sự vô tự tánh, cùng có mặt trong sự phụ thuộc lẫn nhau, một phụ thuộc vào tất cả, tất cả phụ thuộc vào một, một có mặt nơi tất cả, tất cả có mặt nơi một, đây là pháp giới sự sự vô ngại.

Biết rằng do một nên có nhiều
Và có một bởi vì có nhiều
Tất cả các pháp không chỗ trụ
Chỉ do hòa hợp mà sanh khởi.

(Phẩm *Tu-di đánh kệ tán*, thứ 14)

Pháp thân tánh Không vô ngại này ứng hiện ra tất cả sắc tướng như gương hiện bóng, bóng ấy cũng vô tự tánh như tánh Không, do đó, các bóng vô ngại và phản chiếu lẫn nhau. Bóng và gương bình đẳng là vô tự tánh, Ứng thân hay Hóa thân bình đẳng với Pháp thân vô sanh và vô tác:

Pháp thân đồng hư không
Vô ngại, vô sai biệt
Sắc hình, bóng phản chiếu
Vô số tướng biểu hiện.
Ảnh phản chiếu không chỗ
Vô tánh như hư không

Người trí huệ rộng lớn
Rõ thấu tánh bình đẳng.
Thân Phật không thể nắm
Vô sanh cũng vô tác
Ứng vật khắp hiện tiền
Bình đẳng như hư không.

(Phẩm *Như Lai hiện tướng*, thứ 2)

Tánh Không cũng là quang minh, bất khả phân với quang minh. Duyên khởi từ và trong quang minh nên sự vật được gọi là “ảnh hiện”:

Hoặc dùng ức cõi nước
Trang nghiêm nơi một cõi
Những hình tướng chẳng đồng
Đều như bóng ảnh hiện.
Bất khả thuyết cõi nước
Trang nghiêm nơi một cõi
Mỗi vật phóng quang minh
Do nguyện lực của Phật.

...

Phật phóng đại quang minh
Đầy Hóa Phật trong đó
Quang minh chiếu mọi nơi
Khắp cùng cả pháp giới.

(Phẩm *Hoa tạng thế giới*, thứ 5)

Kinh thường lấy thí dụ tấm gương, ngọc ma-ni chiếu ra năm màu, lưới ngọc của trời Đế Thích, mặt trời mặt trăng hiện bóng trong nước... để làm rõ sự ảnh hiện, phản chiếu này. Lưới trời Đế Thích là một màn lưới làm bằng vô số viên ngọc. Vì ngọc thì trong suốt nên chúng phản chiếu lẫn nhau. Hãy tưởng tượng vũ trụ này là màn lưới ngọc ấy và mỗi vi trần là một viên ngọc sáng như gương. Khi đứng trước vũ trụ làm bằng những vi trần ngọc sáng như gương ấy, hình ảnh của chúng ta hiện bóng khắp trong mỗi vi trần gương ngọc, và mỗi vi trần gương ngọc lại phản chiếu lẫn nhau, thành ra một thế giới trùng trùng ảnh hiện.

Một hạt ngọc vi trần chứa tất cả hạt ngọc. Tất cả hạt ngọc phản chiếu trong một hạt ngọc. Mỗi hạt ngọc gương nhân lên với tất cả hạt ngọc gương, bóng ảnh nhân lên với tất cả bóng ảnh, và lại tái nhân lên (trùng trùng) cho đến vô tận.

Đứng trước pháp giới lưới ngọc như vậy, người ta có thể hiểu câu nói, “Tất cả là một, một là tất cả”.

Sự tái phản chiếu trùng trùng này là duyên khởi, nhưng duyên khởi đồng thời, đồng hiện, nghĩa là không có thời gian, bất động, không có tướng đến và đi:

Như Lai thanh tịnh diệu Pháp thân
Tất cả ba cõi không gì sánh
Vi ngoài đường ngôn ngữ thế gian
Bởi vì phi hữu, phi vô vậy.
Dầu không chỗ y mà ở khắp
Dầu đến tất cả mà không đi

*Như vẽ trong không, cảnh trong mộng
Phải quán thân Phật là như vậy.*

(Phẩm Nhập pháp giới, thứ 39)

Sự phản chiếu trùng trùng này không chỉ đối với sự vật, với không gian mà cũng với thời gian (ba đời trong một niệm) và không gian phản chiếu trong thời gian, thời gian phản chiếu trong không gian:

*Vô lượng kiếp nhập vào một kiếp
Hoặc một kiếp nhập vào nhiều kiếp
Khác biệt của tất cả biển kiếp
Hiện rõ trong cõi nước mười phương.
Sự trang nghiêm của tất cả các kiếp
Ở trong một kiếp đều hiện thấy
Hoặc sự trang nghiêm của một kiếp
Vào khắp tất cả vô biên kiếp.*

(Phẩm Thế giới thành tựu, thứ 4)

Duyên khởi trong kinh *Hoa Nghiêm* là duyên khởi trong pháp tánh vô ngại, nên duyên khởi của một sự là duyên khởi của tất cả và tất cả duyên khởi trong một sự. Pháp giới là vô ngại nên duyên khởi là đồng khởi, đồng thời và đồng hiện.

Kinh *Hoa Nghiêm* không chỉ nói đến sự vô tự tánh, bất khả đắc, vô sở hữu của tánh Không, mà chủ yếu là nói đến sự xuất hiện trên và trong nền tảng tánh Không ấy, đây là thế giới Diệu Hữu, hay pháp giới trùng trùng vô tận. Thế giới Diệu Hữu ấy, pháp giới vô ngại trùng trùng vô tận ấy chính là giải thoát vì không có thời gian (đồng thời) và không có không gian (đồng hiện).

Trong pháp giới vô ngại như vậy, mỗi một sự vật phản chiếu tất cả mọi sự vật khác, mỗi một sự vật có đủ mọi sự vật khác. Như thế, mỗi một sự vật là trọn vẹn, hoàn hảo, viên mãn. Sự hoàn hảo, viên mãn này có ở khắp nơi chốn, khắp mọi thời gian. Đây là sự viên mãn bình đẳng khắp của pháp giới *Hoa Nghiêm*.

*Trong một vi trần nhiều biển cõi
Chỗ nơi riêng khác đều nghiêm tịnh
Vô lượng như vậy vào một cõi
Mỗi mỗi khác nhau không xen tạp.
Trong mỗi vi trần vô lượng Phật
Tùy tâm chúng sanh khắp hiện tiền
Tất cả cõi nước đều cùng khắp
Phương tiện như vậy không sai biệt.
Trong mỗi trần những cõi Bồ-đề
Nhiều thứ trang nghiêm đều thông rủ
Mười phương cõi nước đều đồng hiện
Tất cả như vậy không sai biệt.*

(Phẩm Thế giới thành tựu, thứ 4)

Như vậy vũ trụ là pháp giới viên dung vô ngại. Viên là tròn vẹn, viên mãn của mỗi một vi trần. Dung là dung thông, dung chứa. Sự viên mãn của một vi trần dung thông, dung chứa sự viên mãn của tất cả mọi vi

trần khác, nghĩa là dung chứa toàn bộ vũ trụ một cách không ngăn ngại.

Sự trọn vẹn, viên mãn của mỗi vi trần, mỗi sự vật chính là sự trang nghiêm, sự thiêng liêng của vi trần, sự vật ấy. Đây cũng là một trong những ý nghĩa của tên kinh *Hoa Nghiêm*: thế giới là sự trang nghiêm, sự thiêng liêng do được trang hoàng bằng những vi trần và những sự vật viên mãn tượng trưng là những đóa hoa. Sự trang nghiêm, thiêng liêng ấy là trùng trùng vô tận “như lưới báu của Thiên đế”:

*Những cõi rộng lớn ở mười phương
Đều hiện vào trong thế giới này
Dầu thấy mười phương hiện trong đây
Mà thật không vào cũng không đến.
Một hệ thế giới vào tất cả
Tất cả vào một cũng không thừa
Thế, tướng như cũ không đổi khác
Vô đẳng, vô lượng đều cùng khắp.
Trong vi trần của tất cả cõi
Đều thấy Như Lai hiện trong đó.*

(Phẩm Hoa tạng thế giới, thứ 5)

Trong pháp giới viên dung vô ngại và trùng trùng ảnh hiện như vậy, nếu ở thế giới nào có người đưa lên một cái hoa, thì vì tính cách viên dung vô ngại của pháp giới, cái hoa ấy đồng thời đồng hiện ở tất cả các thế giới. Thế nên kinh nói, “Có thể dùng một bông hoa để trang nghiêm tất cả thế giới mười phương” (Phẩm *Thập hồi hướng*, thứ 25).

Pháp giới *Hoa Nghiêm* ấy đang hiện hữu ngay trong khoảnh khắc hiện tại trước mắt chúng ta. Tất cả kinh *Hoa Nghiêm* với tất cả những pháp tu đều chỉ có mục đích đưa chúng ta nhập vào khoảnh khắc hiện tại ấy. Pháp giới *Hoa Nghiêm* hiện hữu trong khoảnh khắc hiện tại vì nó vốn ở nơi tâm chúng ta:

*Như tâm, Phật cũng vậy
Như Phật, chúng sanh đồng
Phải biết Phật cùng tâm
Cả ba không sai khác.*

(Phẩm Dạ-ma cung kệ tán, thứ 20)

Và nó luôn luôn sẵn đủ nơi chúng ta:

“Trí huệ Như Lai không chỗ nào là chẳng đến. Không một chúng sanh nào mà chẳng có đủ trí huệ Như Lai, chỉ do vọng tưởng điên đảo chấp trước nên không chứng được. Nếu lìa vọng tưởng thì nhất thiết trí, tự nhiên trí, vô ngại trí liền hiện tiền”. (Phẩm *Như Lai xuất hiện*, thứ 37).

Khi tương ứng được phần nào với Tâm Phật ấy, chúng ta bắt đầu thấy lời kinh Nhật tụng trở thành hiện thực:

*Con trong đạo tràng như lưới ngọc
Mười phương chư Phật ảnh hiện trong
Thân con ảnh hiện trước chư Phật
Đầu mặt dưới chân quy mạng lễ. ■*

Chùa Thiên Mục và nhà sư Thích Đại Sán

Bài & ảnh: TÔN CHÂU QUÂN

Chùa Thiên Mục ở Huế được Tiến sĩ Dương Văn An ghi lại trong sách *Ô châu cận lục* vào năm 1553:

"Chùa ở phía Nam xã Hà Khê thuộc huyện Kim Trà, nóc sát đỉnh núi, chân gối dòng sông, cách xa trần thế, gần sát bên trời. Khách có tản bộ lên chơi tự nhiên phát thiện tâm và tiêu tan niềm tục. Thật là cảnh trí nơi tiên Phật" (sđd, tr.79).

Đầu thế kỷ XVII, chùa đã đi vào lịch sử sau khi chúa Nguyễn Hoàng vào xứ Đàng Trong để gây dựng sự nghiệp mở nước với huyền thoại "bà tiên mặc áo đỏ". Tính đến nay, chùa đã tồn tại gần 450 năm. Trải qua bao nhiêu cuộc bể dâu, chùa đã được trùng tu nhiều

lần, quan trọng nhất là đợt trùng tu năm 1714 dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu.

Sách Đại Nam thực lục chép:

"Giáp Ngọ năm thứ 23 (1714) mùa xuân, tháng 2 sai bọn Chuởng cơ Tổng Đốc Đại trông nom công việc. Quy chế thì bắt đầu từ cổng chùa đến điện Thiên Vương, điện Ngọc Hoàng, điện Đại Hùng, nhà Thuyết Pháp, lầu Tàng Kinh, hai bên thì lầu chuông, lầu trống, điện Thập Phương, nhà Vân Thủy, nhà Tri Vi, nhà Thiền Đường, điện Đại Bi, điện Dược Sư và phòng tăng, nhà thiền có tới vài mươi sở, mà đằng sau các phương trượng trong vườn Côn Gia cũng không kém vài mươi sở, đều là rực rỡ chói lọi, làm tới một năm mới xong. Chúa thân chế bài văn bia để ghi, sai người sang nước Thanh mua kinh Đại tạng cùng Luật và Luận hơn nghìn bộ để ở tự viện. Đằng trước chùa kể sông, dựng đài cầu. Chúa thường ra chơi. (Bấy giờ nhà sư ở Chiết Tây tên là Đại Sán, tự là Thạch Liêm, vì Thiền mà được yêu dùng, sau về Quảng Đông vua ban những đồ quý cho mà dựng chùa Trường Thọ, nay di tích hãy còn".

"... Mùa thu tháng 7, mở hội lớn ở chùa Thiên Mục. Chúa ăn chay ở vườn Côn Gia một tháng, phát tiền gạo chẩn cấp cho người nghèo..." (sđd, tr.130).

Sử đã ghi rõ, chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) rất mộ đạo Phật. Năm 1695 chúa đã cho mời Hòa thượng Thích Đại Sán hiệu Thạch Liêm từ Trung Quốc sang Thuận Quảng để hộ trì Phật giáo. Trong thời gian ở Đàng Trong, sư có lưu trú tại chùa Linh Mục.

Trong cuốn *Hải ngoại kỷ sự*, sư viết:

"Hiện nay, Quốc vương lại sai nội quan cầm thư mời Lão tăng ra Thuận Hóa. Trong thư nói hiện nay tại chùa Thiên Mục, phương trượng, tăng phòng, liêu thất, trừ khổ đều sửa chữa mới lại, cung ứng sẵn sàng để chờ ta ra. Tấm lòng chí thành cung dưỡng của Quốc vương thực hiếm có. Vì vậy ta chịu lời, định đến mừng tám tháng sau, chống gậy đi ra một chuyến..." (sđd, tr.188).

Về chùa Thiên Mục lúc đó, sư Đại Sán đã mô tả như sau: *"Đêm 15, trời mưa; ra đến chùa Thiên Mục, chùa này tức Vương phủ ngày xưa, chung quanh có trồng nhiều cổ*



Đi ảnh Thich-Dai-San
có ghi: Thạch-Liêm Lão Hòa-Thượng hiệu-tượng

thụ, day mặt ra bờ sông. Trước chùa ngư phủ tiểu phu, tấp nập sớm chiều quan lại. Trong chùa, cột kèo chạm trổ rất tinh xảo.

Ta nhân làm hai bài thơ:

Bài thứ 1:

*Cảnh Bụt từ xưa chúa Nguyễn xây
Cửa son điện ngọc phủ rêu đầy
Một đời tươi sáng còn cây cỏ
Muôn thuở mưa hoa kết điện đài
Sơn thủy ngoài hiên mây ngả bóng
Đi về trước ngõ cánh bướm bay
Trích tiền chuyện cũ truyền Thiên Mụ
Hồn mộng mơ màng trở lại đây.*

Bài thứ 2:

*Từ ngày vương khí dậy trung lưu
Nghệp bá gây nên bởi nghiệp tu
Năm tháng nhà Tần bia chẳng để
Xuân thu đời Hán dấu còn lưu
Sóng mòi cát chấn ba nghìn dặm
Mưa gió chuông reo trăm tám châu
Lửa bụt một lò thiêu hạt bá
Dưới trăng sưởi ấm khá tiêu sầu.*

(sđd tr.200)

Về thời gian lưu trú của nhà sư Đại Sán tại chùa, Giáo sư Trần Kinh Hòa trong phần khảo cứu *Hải ngoại kỷ sự* đã cho biết:

"Duy chỉ tình trạng sinh hoạt của Đại Sán trong lúc áp đông tại chùa Thiên Mụ Thuận Hóa, từ tháng 11 năm Ất Hợi (1695) đến tháng 6 năm sau, Bính Tuất (Khuông Hy năm 35), và tình hình vượt biển trở về Quảng Đông thì không thấy chép đến" (sđd, tr.241).

Như thế ta thấy rằng, thời gian lưu trú của sư Đại Sán ở tại chùa Thiên Mụ chỉ trong vòng 7 tháng, thời gian đó đối với sư rất thanh thản:

"Trong những lúc đau nằm ở Hội An, dưỡng nhàn ở chùa Thiên Mụ, tháng ngày qua lại, biết bao thú ứng vãng lai, xúc cảnh hứng tình, gặp người trò chuyện. Có khi, nhân sự đòi hỏi của người khác, thổ lộ lòng mình, hoặc cùng viết trong một lúc, hoặc làm thành trong nhiều ngày..." (sđd, tr.214).

Qua đó, ta thấy rằng thời gian nhà sư Đại Sán ở tại chùa Thiên Mụ tương đối ngắn ngủi. Cũng không thấy sử sách nói đến vai trò và ảnh hưởng của nhà sư đối

với ngôi chùa. Thế nhưng hiện nay, có một điều ít ai để ý là tại chùa Thiên Mụ đang thờ bài vị của nhà sư; sư được phụng thờ như là tổ sư (khai sơn) của chùa. Bài vị của sư được viết như sau:

"Tự Động Thượng, chánh tông nhị thập cửu thế, khai sơn Linh Mụ tự, thượng Thạch hạ Liêm húy Đại Sán lão tổ hoà thượng giác linh".

(Dịch nghĩa: Bài vị Lão Tổ hòa thượng hiệu Thạch Liêm, húy Đại Sán, khai sơn chùa Linh Mụ¹, nối giòng Động Thượng Chánh Tông, đời thứ 29).

Điều đó rất dễ làm cho một số người lầm tưởng, rằng sư Đại Sán là tổ sư hoặc trụ trì chùa Thiên Mụ. Thật ra, như đã nói ở trên, sư chỉ đến ở tại chùa Thiên Mụ trong một khoảng thời gian ngắn để dưỡng bệnh, trong lúc chờ đợi mùa gió thuận lợi để trở về Quảng Đông. Sư chưa bao giờ trụ trì chùa Thiên Mụ và việc ghi nhà sư khai sơn Linh Mụ tự thì lại càng không thể! Việc nhầm lẫn này có thể do người đời sau vì không biết rõ lai lịch của sư nên đã viết nhầm địa vị và công lao của sư lên bài vị. Có người cho rằng vì hòa thượng là bổn sư của chúa Nguyễn Phúc Chu, mà chúa là người có công làm cho Phật giáo xứ Thuận Quảng hưng thịnh, và đã đưa chùa Thiên Mụ đến chỗ có vị trí rất lớn tại xứ Thuận Quảng, nên việc thờ hòa thượng tại chùa cũng là việc làm có ý nghĩa; thế nhưng việc ghi ngài là người khai sơn là điều không chính xác.

Theo ý chúng tôi, sở dĩ sư Đại Sán nổi tiếng trong giới Phật giáo Việt Nam, được tôn sư cho tới bây giờ và được phụng thờ ở chùa Thiên Mụ chưa hẳn là do sự nghiệp hoàng pháp của sư đối với Đại Việt ta, nhưng vì sư có một người đệ tử tài ba, lỗi lạc và danh tiếng. Đó là Đại Việt Quốc chủ chúa Nguyễn Phúc Chu. Chúa là người có công lớn trong công việc đại trùng tu chùa Thiên Mụ, dựng bia, đúc chuông lớn còn lưu truyền cho đến ngày nay... ■

Chú thích:

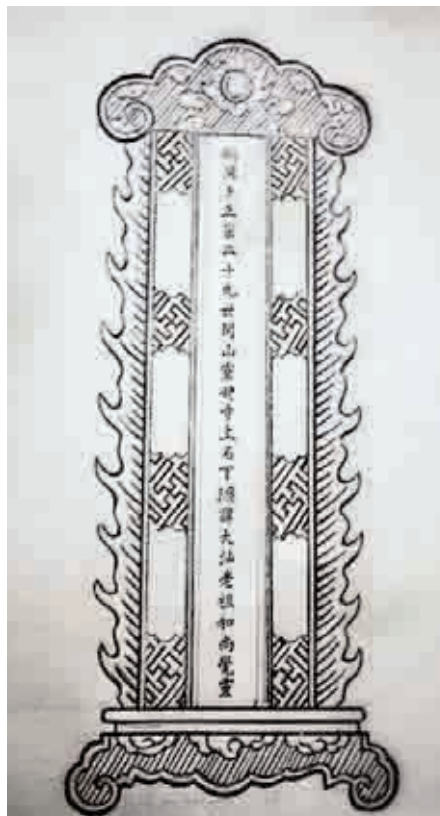
1. Linh Mụ cũng là tên gọi khác của chùa Thiên Mụ.

Tài liệu tham khảo:

- *Ô châu cận lục*, Dương Văn An, Nxb KHXH, HN, 1997.

- *Hải ngoại kỷ sự* - Thích Đại Sán, Viện Đại học Huế XB, 1963.

- *Đại Nam thực lục*, T1, QSQTN, Nxb Giáo Dục, 2007.



Tiếng chuông chùa

NGUYỄN VĂN UÔNG

*Văn chung thỉnh
Phiền não khinh
Trí huệ trường
Bồ đề sinh.*

Tôi không nhớ bài kệ đó tôi đã đọc được ở đâu, nhưng mỗi lần nghe tiếng chuông chùa, những câu kệ hiện về và tôi cứ nhắm đi nhắm lại. Tiếng chuông làm nhẹ bớt phiền não, trí huệ sáng hơn và tâm hồn thêm chứng ngộ.

Tiếng chuông làm cho con người đi vào chánh niệm, thức tỉnh. Giữa không gian mê mông, tiếng chuông ngân nga ru vào hồn ta, gột bỏ những lo toan, để lại những dư âm thiền vị. Tiếng chuông như xua tan mọi phiền muộn, toan tính, đưa ta về chốn hư không nào đó chỉ còn tiếng chuông và... tiếng chuông: tiếng chuông mang *tính thức chúng*.

Một ngôi chùa ở chốn thâm u, tiếng đại hồng chung hai kỳ triều mộ trở nên quen thuộc với đồng quê Việt Nam. Đêm khuya về sáng, tiếng chuông thức tỉnh mọi người. Chiều tối trăng lên, tiếng chuông lắng đọng hồn người. Tiếng chuông là cuộc sống, là hồn quê gắn bó với bao buồn vui hạnh ngộ.

Vào thơ nhạc, người yêu thơ không ai không biết bài thơ dân gian về Hà Nội với tiếng chuông chùa:

*Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương
Mịt mù khói tỏa ngàn sương
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.*

Cảnh cành trúc được gió đưa la đà bên gương nước Hồ Tây và thanh âm tiếng chuông, canh gà, nhịp chày... một bức tranh Thăng Long - Hà Nội được vẽ lại vượt quá nét chấm phá với những địa danh chùa Trấn Vũ, huyện Thọ Xương, làng Yên Thái... Một Thăng Long - Hà Nội đẹp, trữ tình, gợi cảm. Nếu có "*ý tại ngôn ngoại*" chẳng thì chỉ tìm trong cảnh "*Mịt mù khói tỏa ngàn sương*". Thế nhưng nghe tiếng chuông chùa Trấn Vũ mà còn thấy "*mịt mù khói tỏa*" thì phải chăng *tính thức chúng* của tiếng chuông chùa chỉ lẫn khuất? Tiếng chuông ở đây cũng chỉ là một âm thanh miêu tả bên cạnh những chi tiết khác. Cảm nhận thiền vị và mức lay động của tiếng chuông chùa dường như thiếu đi phần nào.

Ta hãy đọc bài thơ Ngự chế "*Thiên Mục chung thanh*" của vua Thiệu Trị:

*Cao cương cổ sát trấn tiền xuyên
Nguyệt tướng thường viên, tự tại thiên
Bách bát hồng thanh tiêu bách kết
Tam thiên thế giới tinh tam duyên
Tăng hoàng ngộ nhật u minh cảm
Liêu lượng dân tiêu đạo vị huyền
Phật tích, Thánh công thủy hải vũ
Thiện nhân phúc quả phổ cai diên.*

Bản dịch thơ của Vĩnh Cao:

Tiếng chuông Thiên Mục

*Gò cao chùa cổ trấn dòng trong
Như ánh trăng rằm rạng cõi không
Trăm tám tiếng kinh tiêu oán kết
Ba nghìn cõi tục lắng tư lòng
Trưa vang vắng vắng u minh cảm
Sáng vọng ngân nga đạo vị nồng
Dấu Phật công Thần vang bốn bể
Nhân lành quả phúc khắp non sông.*

(Nguồn: Tạp chí *Liễu Quán* số 2, tháng 5/2014)

Tiếng chuông làm tiêu oán kết, lắng tư lòng, cảm đến cõi u minh, ngân nga mùi thiền vị đạo. Tiếng chuông Thiên Mục gia trì thức chúng làm vơi phiền não, khai mở trí huệ, thức tỉnh tâm hồn.

Tiếng chuông chùa Từ Đàm - Huế, nơi uy nghiêm phát nguồn ánh đạo vàng, nhẹ rung trong mùa pháp nạn, gọi hồn tổ tiên kiều hùng muôn đời nâng bước chân con dân thần kinh bảo vệ Chánh pháp:

*Quê hương tôi miền Trung
Sớm hôm chuông chùa nhẹ rung
Tiếng muôn đời hồn tổ tiên kiều hùng
Ôi uy nghiêm bóng chùa Từ Đàm
Nơi yêu thương phát nguồn đạo vàng
Qua bao giông tố chùa Từ Đàm tôi vẫn còn...*

(Trích *Từ Đàm quê hương tôi*, nhạc Văn Giảng)

Giai điệu nhạc nhẹ nhàng, trầm hùng, sâu lắng như tiếng chuông chiều ngân nga, lan tỏa đại hùng, đại lực Phật nơi quê hương thần kinh. Dù ai xa mấy, tiếng chuông vẫn còn vang vọng cõi lòng.

Làng thơ Việt còn truyền nhau giai thoại về bài thơ "*Phong Kiều dạ bạc*" của Trương Kế, một thi nhân nổi tiếng đời Đường - Trung Hoa:

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên*



*Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.*

*Nửa chìm đáy nước, nửa cài từng không.
(Nguồn: Thơ Đường, Trần Trọng San)*

Bản dịch thơ của Tản Đà:

*Đỗ thuyền đêm ở bến Phong Kiều
Quạ kêu, trăng lặn, sương rơi
Lửa chài, cây bãi đối người nằm co
Con thuyền đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn.*

Giai thoại kể rằng: Trương Kế đậu thuyền ở bến Phong Kiều, xúc cảnh đêm trăng bên ánh đèn ngư hỏa và hàng phong ven sông, trên không vẳng lên tiếng quạ kêu sương vọng lại, ông ngâm hai câu thơ đầu rồi tắc tị kiếm mãi không ra tứ thơ. Lúc ấy trên chùa Hàn Sơn, nhà sư xúc cảnh đêm trăng朦胧 lung huyền ảo, ngâm hai câu thơ rồi cũng tắc tị không kiếm ra tứ để ngâm tiếp. Một chú tiểu xúc cảnh đêm trăng, không ngủ được, đến bên thầy và cùng thầy ngâm tiếp hai câu thơ sau. Hai thầy trò hoàn thành bài thơ. Sư cụ cho giống hồi chuông, thành kính tạ ơn Trời Phật. Tiếng chuông vọng đến thuyền, Trương Kế khởi tứ thơ ngâm tiếp hai câu thơ sau.

Bài thơ của sư cụ và chú tiểu như sau:

*Sơ tam, sơ tứ nguyệt môn lung
Bán tự ngân câu, bán tự cung
Nhất phiến ngọc hồ phân lưỡng đoạn
Bán trầm thủy để, bán phù không.*

Bản dịch thơ của Trần Trọng San:

*Mồng ba, mồng bốn trăng mờ
Nửa đường móc bạc, nửa như cung trời
Một bình ngọc trắng chia hai*

Ra ngoài đời, quê tôi ở phía Bắc cố đô, cách Huế không xa. Thuở ấy chưa mọc lên những công trình xây dựng qui mô, bề thế, đêm đêm tiếng chuông Thiên Mụ ngân vang, vượt màn sương, ru hồn và làm thức tỉnh cậu bé quê, thấy bà nội đang niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Tiếng chuông ngân bên tiếng gà gáy sáng và đôi khi còn có tiếng đại bác ru đêm. Nghe tiếng chuông và lời niệm Quán Thế Âm của bà tôi, mọi nỗi sợ như được xua tan. Âm thanh ấy theo mãi đời tôi. Đến bây giờ, tai tôi không còn rung lên tiếng chuông nhưng trong hồn, tôi vẫn còn nghe vang vọng tiếng chuông khuya và lời niệm của bà. Phật âm và Phật quang diệu kỳ còn ngân vang và chiếu sáng hồn tôi. Đêm, một lần về quê, tôi không còn nghe rõ hồi chuông Thiên Mụ. Thay vào tiếng chuông chùa quê gần gũi, dung dị giữa khuya là tiếng quê hương tỉnh thức tôi sau bao bước bôn ba kiếm sống. Sau lũy tre làng, hồn quê trở về với tôi theo tiếng chuông, thứ mà tôi từ lâu tưởng như đã không còn. Tôi thấy lại bóng Phật-đà diệu kỳ trên hương án và trong hồn mình.

Đảnh lễ Phật trong các khóa trì tụng, tôi nghe tiếng mõ giữ nhịp đều đều, chen vào là những tiếng chuông tỉnh thức kéo tôi khỏi các vọng niệm và định tâm theo tiếng kinh và tay lần tràng hạt của chư thầy. Thỉnh một hồi chuông trước Phật đài, nén nhang tỏa hương đến ba ngàn thế giới Phật và thấy Phật hiện về bên mình. Nhưng nơi tôi sống bây giờ, tiếng đại hồng chung tôi cố lắng nghe mỗi khuya dường như không còn được chùa gióng lên nữa trong thành phố này.

Ồi thiêng liêng và tiếc quá tiếng chuông chùa! ■



Đằng sau sự hào nhoáng

LÊ HẢI ĐĂNG

Trong khu nhà tập vật lý trị liệu ở Bệnh viện Thống Nhất nằm dưới tán cây cổ thụ phủ bóng râm mát, hàng ngày có rất nhiều bệnh nhân tới đây tập luyện và sử dụng các phương tiện hỗ trợ về vật lý trị liệu dưới sự hướng dẫn của các y, bác sĩ. Những người tham gia công cuộc rèn luyện này thuộc nhiều lứa tuổi khác nhau, nhưng đại đa số là những bệnh nhân cao niên đã trải qua cơn tai biến, đột quỵ.

Cách đó không xa cũng có một khoảnh sân nhỏ tụ tập những bệnh nhân đang tập đi, tay vịn vào chiếc nạng ba chân có thêm người dìu dắt. Động tác chập chờn của bệnh nhân giống như trẻ nhỏ, cử chỉ vụng về, bàn tay, cẳng chân nâng lên hạ xuống theo nhịp máy hỗ trợ, bước chân nhích từng bước ngắn, nhọc nhằn... Nhìn những bệnh nhân ấy tôi lại nhớ câu truyện *"Another country"* của nhà văn Ernest Hemingway, một tác giả chuyên viết về đề tài chiến tranh. Câu truyện của

Hemingway xoay quanh số phận những người lính bị chấn thương phải rời chiến trường trở về hậu phương để được điều trị trong một bệnh viện. Hàng ngày, họ tới phòng tập phục hồi chức năng với máy móc, thiết bị, tiếp thu những bài tập hết sức đơn giản, đơn điệu, lặp đi lặp lại. Bản thân những con người này cũng không khỏi nghi ngờ về khả năng phục hồi của mình, nhưng vẫn phải làm với một tinh thần nhẫn nại, miệt mài giống như cỗ máy. Vì cuộc sống chính là sự vận động, nếu ngừng vận động sẽ đồng nghĩa với cái chết.

Tiểu thuyết viết về đề tài chiến tranh của Hemingway thường vắng bóng tiếng súng. Giữa những dòng chữ chất đầy ưu tư, khoảng trống, những dấu chấm lửng hững hờ khiến người đọc phải suy ngẫm. Nội dung, cốt truyện chẳng hề diễn ra nơi chiến trường ác liệt. Nhân vật không xuất hiện với hình tượng anh hùng, can đảm, quả cảm... mà ẩn mình trong không gian, thời gian u buồn, ảm đạm của mùa thu. Nó như tiếng thở dài buồn bã, dư âm về một cuộc chiến khác vừa mới bắt đầu. Cái vĩ đại của Hemingway nằm ở chỗ nhấn chìm nội dung bức thông điệp xuống chỗ không chữ, ý tại ngôn ngoại. Nó vẽ lên bức tranh buồn bã, thê lương... không ánh hào quang rực rỡ chiến công.

Phim về đề tài chiến tranh Việt Nam thường khai thác hình tượng người anh hùng. Bối cảnh diễn ra nơi chiến trường ác liệt với khói lửa rợp trời, tiếng súng rền vang, những màn tra tấn dã man... và chúng nhanh chóng bị lãng quên. Nhà làm phim, người viết kịch bản có lẽ đã quên đi thân phận, số phận con người, những vết thương âm ỉ, tụ máu tụ nơi tâm hồn người lính, nên kết quả là cũng bị khán giả lãng quên.

Đọc Hemingway không khỏi trầm trở về ý nghĩa đích thực của cuộc chiến và chẳng còn mấy ai tiếp tục ca ngợi những vị thần chiến tranh với trải nghiệm “hóa đá”, “hóa thú” trong quá trình thay đổi, biến dạng trái tim người.

Sau mỗi lần tai biến, người bệnh bị biến dạng về thể lý, có người may mắn phục hồi cơ năng, có thể tự chăm sóc bản thân; nếu không, có thể dẫn tới liệt chi, bán thân bất toại, mất khả năng ngôn ngữ, nằm liệt giường, thậm chí sống thần kinh thực vật... Hậu quả đó để lại sự đọa đày cho cả bản thân người bệnh lẫn người thân. Bệnh nhân sau cơn tai biến hay đột quỵ nhanh chóng mất đi thần sắc, nét mặt trở nên đờ đẫn, khờ dại, có người thường ngày khí thế hiên ngang, thông minh lịch lãm... bỗng một ngày kia nét mặt méo mó, biến dạng, teo tóp, nhăn nhúm... Trông nét mặt đờ đẫn, úa tàn của họ khó thể hình dung về rạng ngời, huy hoàng thuở nào. Sống giữa tình trạng bệnh tật đầy nguy biến, người từng thông minh hẳn tiếp cũng chẳng khác mấy người mắc hội chứng thiếu năng, không còn khả năng bảo lưu ánh hào quang của thứ trí tuệ nhất thời. Từng cử chỉ chậm chạp, vụng về, giống như trẻ nhỏ, nhưng thiếu vắng nét hồn nhiên,



ngây thơ. Ánh mắt người bệnh bắt đầu trở nên tăm tối, khuôn mặt đại khờ...

Con đường theo đuổi mục đích thông minh suốt cả cuộc đời chợt tan biến sau cơn tai biến. Về khôn ngoan, tinh ranh phút chốc lặn đi đâu mất, thay vào đó là bộ mặt khờ khạo, khờ khạo... Tình trạng này phổ biến ở mọi đối tượng, bất kể giàu sang phú quý hay nghèo hèn thấp kém. Nó chỉ ra “mặt bên kia” của mỗi người sau lớp hào quang phủ chiếu tạm bợ. Đại khờ đến từ lúc sinh ra và trở về nhắc nhở chúng ta cái “thuở ban đầu lưu luyến ấy”. Bởi vậy, các bậc giác giả, đại trí thường tỏ vẻ ngô nghê, vụng về... Theo quan niệm về Nhân tướng học, “Chân nhân bất lộ tướng”, mà đã lộ tướng thì chưa phải Chân nhân. Những kẻ tiểu trí thường tận dụng, khai thác triệt để thói ranh ma, quỷ kế xảo quyệt... tham lam tích lũy một đời cho sự khôn ngoan nhanh chóng tan biến. Nó đẩy nhiều người đi từ trần gian xuống cõi A-tỳ tăm tối để chịu đựng sự đọa đày, khổ ải. Và cửa ải lần này khó vượt qua nhất. Vết thương khó trị đã lọt vào sở trú tâm hồn chầu chực như một kẻ thù bất khả chiến bại. Hậu quả của việc đánh đổi tâm hồn lấy sự khôn ngoan đã trở thành bi kịch của loài người. Và sự khôn ngoan ấy không đủ đảm bảo cho sự vinh hằng khi mọi thứ chỉ tạm trú trong bản thể nhất thời.

Bởi vậy, đạo Phật đề cao trí tuệ Bát-nhã, thứ ánh sáng linh diệu tỏa sáng bên trong tâm hồn con người. Và khuất nơi sâu thẳm tâm hồn người, một mặt trời khác hiện lên, lặng lẽ sáng... vô biên. ■



Hạt giống tâm hồn

MANG VIÊN LONG

"G iống" theo nghĩa thông thường là "hạt để gieo trồng", dành cho người làm ruộng, làm vườn, và sau này được sử dụng trong ngành sinh học, y học, nhưng ít ai quan tâm đến chuyện "hạt giống" được dùng trong các ngành tâm lý, giáo dục, đạo đức, xã hội...

Việc sử dụng giống trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đã được nhiều nhà khoa học thuộc các ngành thực nghiệm nghiên cứu, đem lại rất nhiều kết quả trong việc cải tiến năng suất và phẩm chất của các loại giống được nuôi trồng. Khoa học kỹ thuật ngày nay tiến bộ rất nhanh và nhân loại đã nhận được nhiều lợi ích rất phong phú, nhờ đó mà đời sống vật chất của loài người ngày càng tốt hơn. Kết quả của những nghiên cứu thực nghiệm đó rất dễ được nhận biết, bởi điều đó thiết thân với đời sống hằng ngày của tất cả mọi người

Nhưng cũng vì thế, người ta đã quá chăm chú đến cuộc sống vật chất; dường mỗi ngày đều có những sản phẩm mới nhằm phục vụ tối đa cho thân xác; mà hầu như họ quên rằng trong mỗi thân xác ấy đều có hai nhu cầu luôn song hành, cần được cân đối, và đòi hỏi phải được công bình! Nếu ở một người nào mà phần xác nặng hơn phần hồn thì lập tức cá nhân ấy sẽ bị bệnh hoạn và tha hóa, và dĩ nhiên, xã hội cũng sẽ bị vạ lây bởi sự điên đảo và hỗn loạn theo cái đà tiến không cân bằng ấy! Chúng ta đều nhận biết được rằng, chưa phải người có thân thể khỏe mạnh, to béo, là người luôn được yên lành, hạnh phúc, theo ý nghĩa đích thực của đời sống!

Một xã hội được xem là phát triển tốt đẹp, tiên tiến, văn minh, khi những thành viên trong xã hội ấy có đời sống an vui, bình đẳng, và tự do. Một con người được gọi là hạnh phúc thực sự khi cả thân và tâm đều được an lạc. Thân được no ấm, khỏe mạnh, và tâm hồn được trong sáng, vui vẻ!



Do vậy, muốn có đời sống an lành, hạnh phúc, yêu cầu bức thiết nhất là cần có sự cân bằng giữa thân và tâm trong mỗi con người; nên hạt giống tâm hồn luôn luôn cần thiết cho mọi mảnh đất tâm, nhất là với những mảnh đất tâm đã có phần nào cần khô hoang phế.

Vậy hạt giống tâm hồn sẽ là gì và làm thế nào để gieo trồng chúng?

Hạt giống cần thiết để cho một tâm hồn được an tịnh, vui tươi, cao thượng chính là nỗi cảm thông sâu sắc với người khác, là tình thương yêu chân thành giữa người và người, là sự chia sẻ đùm bọc nhau không phân biệt, và là lòng độ lượng bao dung rộng lớn. Đạo Phật đã bao gồm những hạt giống ấy trong bốn chữ Từ Bi Hỷ Xả của Tứ Vô lượng tâm từ hơn hai ngàn năm trăm năm trước!

Nếu gieo vào mảnh đất tâm sự kiêu mạn, thù hận, ích kỷ, tham đắm... thì những hạt giống ấy sẽ sinh sôi, nảy nở, phát triển trong lòng ta; dẫn dắt, xô đẩy ta đi vào con đường tự hủy mình trong tâm tối, khổ đau cho đến suốt cuộc đời, là điều không tránh khỏi. Đức Phật đã từng khuyên dạy rất rõ: *"Chẳng phải bay lên không trung, chẳng phải lặn xuống đáy bể, chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm; dù tìm khắp thế gian này, chẳng có nơi nào trốn khỏi ác nghiệp đã gây!"* (Pháp Cú 127 – Phẩm Ác hạnh).

Có một thực tế rất đáng lo ngại là "những hạt giống chết người" kia lại rất dễ phát triển và phát triển rất mạnh mà không cần sự chăm bón gì cả. Chúng giống như loài cỏ dại mọc trong ruộng lúa, dù qua bao mùa lúa, người nông dân vẫn cố nhổ đi, đến mức dùng cả các loại thuốc để diệt trừ mà cũng không dễ gì diệt hẳn được. Việc loại bỏ cái xấu trong tâm cũng cần phải có lòng kiên trì và sự quyết tâm như người nông dân kia từng ngày diệt cỏ, thì mảnh đất tâm mới có thể sạch sẽ, quang đãng, để ươm mầm cho những hạt giống tốt sinh trưởng được. Bởi vì, bản chất của cái tâm phàm phu nặng nghiệp là *"Hễ biếng nhác làm lành giờ nào, thì tâm liền ưa chuyện ác giờ ấy"* (PC 116 – Phẩm Ác hạnh) và *"Tâm phàm phu cứ lén lút đi một mình, rất xa, vô hình dạng, như ẩn nấu hang sâu; điều phục được tâm, thì giải thoát khỏi vòng ma trói buộc"* (PC 37 – Phẩm Tâm).

Lại nữa, cỏ dại không trồng mà mọc, mọc tốt nữa là khác; còn cây lúa, cây khoai... dóc lòng chọn giống, cấy trồng, phân nước, chăm sóc, theo dõi mỗi ngày, đôi khi lại còi cọc, không được xanh tốt như ý. Đó là một điều nghịch lý trong đời sống thực tế, mà chúng ta cũng dễ nhận ra: *"Điều xấu ác dễ làm hơn điều thiện lành! Việc tha hóa phát triển nhanh hơn việc tốt"*; điều xấu ác không ai khuyên dạy mà thông thạo; còn điều tốt đẹp cao thượng luôn được nhắc nhở, thì không nhớ làm! Đây cũng chính là cái gốc của mọi khổ đau, trầm luân của kiếp người!

Muốn cho mảnh đất tâm được trở lại sự trong sáng, khoáng đãng, tươi nhuận để có thể gieo hạt giống thiện lành, cần tỉnh giác nhìn lại mình một cách nghiêm khắc, với tâm mong cầu an vui. Cần loại dần tạp niệm, ô nhiễm đã bám rễ từ nhiều tháng năm, nhiều kiếp. Nên lánh xa mọi sự cám dỗ bất thiện giữa một xã hội ngày càng nhiều có cơ hội chạy theo dục vọng và vật chất. Mỗi ngày nên gieo vào mảnh đất yên lành, tươi mới ấy một hạt giống của tình thương yêu, của sự cảm thông, và nỗi bao dung, sẽ chia gần gũi thân tình... Ngày qua ngày, sự cần mẫn gieo hạt với tâm thành, chắc chắn sẽ đem lại cho ta bao niềm vui, an ủi, và hạnh phúc chân chính ở cõi nhân sinh giả tạm này. Theo thời gian, những hạt giống ấy sẽ xanh tốt hơn, sinh trưởng tự nhiên, bởi đã là phần máu thịt không thể tách rời của ta vậy.

Chính vì sự gian khó không ai có thể làm giúp cho ai được trong việc gieo hạt này, nên mỗi người phải tự tay trồng lấy hạt giống thiện lành, và tự mình nuôi dưỡng, chăm sóc, mới mong có kết quả tốt đẹp được. *"Làm dữ bởi ta, mà ô nhiễm cũng bởi ta; làm lành bởi ta, mà thanh tịnh cũng bởi ta, chứ không ai có thể làm cho ai thanh tịnh được"* (PC 165 – Phẩm Tự ngã).

Hạt giống Từ Bi Hỷ Xả sẽ đơm hoa kết trái thơm lành cho đời ta và tất cả.

Hạt giống Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Tà Kiến sẽ luôn làm ô nhiễm đời ta, đời người, vì hoa trái của chúng là chất độc hại, sẽ giết chết dần mọi đời sống trên hành tinh này... ■



Thấp thoáng lời kinh

Tinh thần phê phán

(phẩm Đệ tử)

ĐỖ HỒNG NGỌC

Phật sai La-hầu-la đến thăm Duy-ma-cật bệnh, La-hầu-la bạch Phật rằng: “Con còn nhớ lúc trước, một số chàng con nhà trưởng giả ở Tỳ-da-ly có đi lại chỗ con ngủ, đánh lễ con và hỏi rằng: ‘Dạ, thưa ngài La-hầu-la! Ngài là con của Phật, đã bỏ ngôi Chuyển luân vương xuất gia học đạo. Việc xuất gia của ngài có những lợi ích gì?’”. Con liền y theo pháp, nói với những người ấy về lợi ích, công đức của việc xuất gia. “Bấy giờ, Duy-ma-cật đến bảo con rằng: ‘Dạ, thưa ngài La-hầu-la! Ngài chẳng nên nói những lợi ích công đức của việc xuất gia. Người ta có thể nói pháp hữu vi có lợi ích, có công đức, nhưng xuất gia là pháp vô vi. Trong pháp vô vi, không có lợi ích, không có công đức.

Duy-ma-cật liền đó nói với các thanh niên con nhà trưởng giả:

“Các ông nên cùng nhau xuất gia, ở trong Chánh pháp. Tại sao vậy? Vì rất khó gặp Phật ra đời”. Những người con nhà trưởng giả nói rằng: ‘Cư sĩ! Chúng tôi có nghe Phật dạy rằng: Cha mẹ chẳng cho phép, chẳng được xuất gia’. Duy-ma-cật nói: ‘Đúng vậy! Các ông nên phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Như vậy tức là xuất gia, như vậy tức là đầy đủ.’

Phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng bắt đầu với Chẩn đoán cộng đồng, nhằm tìm ra các vấn đề, từ đó mà có giải pháp phù hợp. Đồng thời qua chẩn đoán cộng đồng tìm ra những nhân vật “chìa khóa”, những “chuyên gia”, xuất thân từ cộng đồng, những “Bồ-tát từng địa

dũng xuất”, hiểu rõ vấn đề, hiểu rõ thổ nhưỡng, phong tục tập quán để can thiệp hiệu quả. Am-ba-pa-li, Duy-ma-cật... là những con người như vậy ở Tỳ-da-ly¹.

Các vị A-la-hán, các vị Bồ-tát đạo cao đức trọng rõ ràng không thể tiếp cận được với các vương tôn công tử, quan chức, nhà buôn, kỹ nữ... không thể dấn thân vào nơi trà đình tửu điểm ở Tỳ-da-ly để thuyết giảng lời Phật. Vậy ai đây sẵn lòng dấn thân vào chốn ác trược mà đủ năng lực giúp đỡ, hỗ trợ người khác vượt qua, không chỉ với những lời khuyên suông, lý thuyết trên mây, cao ngạo, xa cách, mà từ thực tế của cuộc sống vì Phật đạo không xa thế gian.

Cần có một thể hệ Bồ-tát mới, trẻ trung và năng động. Từ đó, các vấn đề xuất gia, thiền định, khát thực, thần thông, giới luật... được đặt ra với cái nhìn mới, với cách nghĩ cách làm mới.

Bảo Tích, một thanh niên con nhà trưởng giả, cùng năm trăm bạn bè ngựa xe rầm rập đến Vườn Xoài để bái kiến Phật, xin Phật chỉ dạy các “hạnh tịnh độ”. Họ đều đã phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề nhưng chưa thể “xuất gia” - hiểu theo nghĩa từ bỏ gia đình vợ con, từ bỏ tất cả công ăn việc làm trong xã hội, để sống nếp sống đầu tròn áo vuông, ngồi yên dưới cội cây già và đi khắp thực hàng ngày.

Phật dạy: “Lành thay, Bảo Tích! Ông đã vì chư Bồ-tát hỏi Như Lai về hạnh tịnh độ. Hãy lắng nghe, lắng nghe! Hãy suy nghĩ cho kỹ. Ta sẽ vì ông mà giảng thuyết”. (...)

"Muốn được cõi nước thanh tịnh hãy làm cho tâm thanh tịnh. Tùy tâm thanh tịnh, ắt cõi Phật thanh tịnh".

Nhắc lại Duy-ma-cật đang "dùng phương tiện hiện ra thân mình có bệnh", nhân lúc có "các hàng vua quan, trưởng giả, cư sĩ, bà-la-môn, vương tôn công tử..." kéo đến thăm đông đủ, giữa không khí đầy xúc cảm đó, ông thều thào:

"Các nhân giả! Thân này là không thường tồn, không có sức mạnh, không bền chắc. Nó là vật mau hư hoại, không thể tin vào nó được. Nó là khổ, là não, các bệnh đều tụ tập vào nó"...

Rồi khẳng định: *"Các nhân giả! Thân này đáng lo, đáng chán, mà nên ưa thích thân Phật. Tại sao vậy? Thân Phật tức là Pháp thân".*

Nhưng, làm thế nào để có được thân Phật? Làm thế nào để có được Pháp thân?

Duy-ma-cật bảo: *"Các nhân giả! Muốn được thân Phật dứt hết các bệnh của chúng sinh, nên phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề".*

"Như vậy tức là xuất gia, như vậy tức là đầy đủ".

Một cách "xuất gia" kiểu mới: phát Bồ-đề tâm, tức tâm xuất gia mà thân vẫn ở nơi trần tục: Cư trần lạc đạo! Thật ra "đầy" thì có đầy mà đủ thì chưa "đủ". Mới chỉ là điều kiện "ắt có", điều kiện tiên quyết - Bồ-đề tâm nguyện- còn phải có Bồ-đề tâm hành nữa! Con đường "Phật đạo vô thượng thế nguyện thành" không dễ chút nào!

Không đợi hỏi, Duy-ma-cật liền chỉ rõ con đường Bồ-tát hành đó: *Pháp thân Phật do vô lượng cúng dường trí huệ mà sinh ra;*

Đại Từ bi phải đi với Đại Trí huệ. "Cúng dường vô lượng" là chăm sóc, là nuôi nấng, là vun trồng, tưới bón... cho Trí huệ ngày càng phát triển, ngày càng thâm sâu (thâm tâm). Nhưng, để có trí huệ đó, phải thực hành từng bước: *giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến*, phải thực hành từ, bi, hỷ, xả; phải thực hành lục độ ba-la-mật *bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ...*

Pháp thân Phật do chỉ quán mà sinh ra... (thiền chỉ và thiền quán), con đường Thiền Phật giáo, không thể thiếu sót. Nhờ đó mà có *sức phương tiện* để thực hiện Từ Bi, nhờ đó mà có *tam minh, lục thông*, mà vẫn không rời *ba mươi bảy phẩm trợ đạo*, những bước đi căn bản của Bồ-tát hành.

Duy-ma-cật là một hình mẫu của thể hệ Bồ-tát mới này. Tuy là cư sĩ nhưng ông:

"Kính giữ luật hạnh thanh tịnh của bậc sa-môn, tuy ở tại nhà, mà chẳng vướng vào ba cõi. Thị hiện có vợ con, mà tu hạnh thanh tịnh; phục sức đồ quý báu nhưng dùng các tướng tốt là để trang nghiêm thân mình, lấy niềm vui hành thiền làm món ăn ngon, đến nơi cờ bạc để hóa độ người. Vẫn thọ học các đạo khác, mà chẳng bỏ chánh tín. Rành sách vở thế gian, mà thường hâm mộ pháp Phật. Tham gia kinh doanh làm ăn lợi lộc mà chẳng lấy đó làm vui.

Dự vào việc chính trị, mà cứu hộ tất cả chúng sanh.

Thậm chí vào chốn lầu xanh, để chỉ rõ chỗ tội lỗi của sắc dục, vào quán rượu để hướng thiện cho những người nghiện ngập..."

Các vấn nạn được đặt ra: Thuyết pháp là gì? Cho ai? Cách nào? Để làm gì? Thiền có phải là ngồi yên hàng giờ dưới cội cây không? Khất thực có phải là đi "xin ăn" không? Giới luật là gì? Pháp thân Như Lai và hóa thân của Phật có phải là một?...

Các đại đệ tử Phật hơn ai hết từ lâu đã suy gẫm, ray rứt, băn khoăn về những điều này. Đã đến lúc cần phải thay đổi, nếu không sẽ là một đĩnh mắc, xơ cứng.

Một tinh thần phê phán, phản biện rất đáng được trân trọng.

1. Về Thiền định

Không phải cứ ngồi yên là thiền. Không phải cứ ngồi trong rừng dưới gốc cây suốt ngày mới gọi là ngồi thiền.

Thiền là *"Không dính mắc tam giới mà thân tâm vẫn sinh hoạt mới là thiền."*

Hiện các oai nghi mà không rời diệt tận định mới là thiền.

Làm mọi việc như kẻ phạm phu mà không xao lãng đạo pháp mới là thiền.

Tâm không trụ trong mà cũng không trụ ngoài mới là thiền.

Trước bao nhiêu tà kiến, bao nhiêu dị thuyết, bao nhiêu chuyện mê tín, hoang đường mà tâm không bị lay động, không bị mê hoặc, cảm dỗ, xiêu lòng, vững tâm trong 37 phẩm trợ đạo, mới là thiền.

Không khởi tâm đoạn trừ phiền não mà vẫn có Niết-bàn, mới là thiền".

Hơn ngàn năm sau, Lục tổ Huệ Năng bảo: "Thiền tri thức, sao gọi là Tọa Thiền? Trong pháp môn này vô chướng, vô ngại, bên ngoài đối với tất cả cảnh giới thiện ác tâm niệm chẳng khởi gọi là Tọa, bên trong thấy tự tánh chẳng động gọi là Thiền. Thiền tri thức, sao gọi là Thiền Định? Bên ngoài lìa tướng là Thiền, bên trong chẳng loạn là Định. Ngoài nếu chấp tướng, trong tâm liền loạn, ngoài nếu lìa tướng thì tâm chẳng loạn. Bản tánh tự tịnh tự định, chỉ vì thấy cảnh chấp cảnh thành loạn, nếu người thấy mọi cảnh mà tâm chẳng loạn, đó là Chơn định vậy".

2. Về Thuyết pháp

Phải nắm bắt thật đúng đối tượng thì "thuyết pháp" mới có hiệu quả. Nhưng, như Phật dạy "Ta chẳng có pháp gì để thuyết cả!". Vì *"Pháp thuận với không, tùy theo vô tướng, ứng với vô tác. Pháp lìa khỏi tốt và xấu. Pháp không có thêm và bớt. Pháp không có sinh và diệt..."* Tướng pháp là như vậy, há thuyết diễn được sao? "Phàm nói pháp phải nói pháp "NHƯ" của pháp. Luận đến chỗ cứu cánh của thuyết pháp thì người nói không nói gì hết, không phô bày gì hết. Người nghe không nghe gì hết và không được có một sở đắc nào. Như nhà ảo thuật

thuyết pháp với người ảo hóa. Nên lập xong cái ý niệm ấy rồi mới thuyết pháp...”

Chư pháp không tướng. Bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Lục tổ Huệ Năng nói: “Thiền tri thức, đạo cần phải linh động, chớ nên làm cho ngăn trệ. Tâm chẳng trụ pháp thì đạo được linh động, tâm nếu trụ pháp, gọi là trụ trời”.

3. Về Khất thực

“Không phải vì ăn mà khất thực thì mới nên đi khất thực”. Khất thực “nhằm hoại diệt cái thân tướng hòa hiệp này mà nhận lấy thức ăn nắm vắt. Phải sử dụng cái ý tưởng không thọ nhận, mới thọ nhận thức ăn...Biết tướng của các pháp như huyễn, xưa vốn không sanh cho nên nay không có diệt. Người khất thực ở nơi vật thực có tâm bình đẳng, ở nơi các pháp cũng có tâm bình đẳng. Ngược lại, ở nơi các pháp có tâm bình đẳng, ở nơi vật thực cũng có tâm bình đẳng. Khất thực được như thế, người khất thực mới xứng đáng nhận lấy vật thực của người thí chủ cúng dường. “Bỏ nhà giàu để đến nhà nghèo mà khất thực là có lòng từ bi, nhưng lại chẳng rộng khắp. Hãy trụ nơi pháp bình đẳng, theo thứ tự nhà cửa mà đi khất thực. Vì chẳng ăn, mới nên đi khất thực...”

Khất thực là tạo duyên cho người bố thí đoạn trừ lòng tham, nêu gương tri túc, kham nhẫn. Người đi khất thực tâm trí bình đẳng, trừ ngã mạn, trừ lòng tham...

4. Về Thần thông

“Chỗ thấy của thiên nhân là tướng tạo tác hay tướng không tạo tác? Giả sử là tướng tạo tác, thì cũng như năm phép thần thông của ngoại đạo. Nếu là tướng không tạo tác, tức là vô vi. Như vậy, chẳng nên thấy”. Có vị thiên sư ngoại đạo thách Phật dùng thần thông đi trên mặt nước để qua sông, Phật hỏi ông mất bao nhiêu năm để có thần thông này? - 30 năm! Phật bảo, tôi chỉ cần ba xu đi đò là qua sông được ngay!

Thần thông tốt nhất là thấy... thân vô ngã và pháp vô ngã, như hai cánh chim hồng chim học sải bay giữa bầu trời. Thấy biết vô thường, khổ, không, vô ngã, duyên sinh, vô tướng thực tướng... mới là thần thông chân chánh. Từ đó mà có “lậu tận thông” vậy!

5. Về Giới luật

“Tâm tướng mà được giải thoát, há còn có sự dơ nhớp nữa chăng?”

“Tâm cấu cho nên chúng sanh cấu. Tâm tịnh thì chúng sanh tịnh. Tâm cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Tâm vốn đã NHƯ, tội cấu cũng NHƯ và các pháp cũng NHƯ. Tất cả không vượt ngoài tánh NHƯ... Tất cả các pháp sinh diệt chẳng ngừng, chúng như ảo hóa, như làn chớp. Các pháp đều là vọng kiến, như chiêm bao, như nháng lửa, như mặt trăng dưới nước, như hình trong gương. Chúng đều do vọng tưởng mà sinh ra. Ai biết như vậy, gọi là người phụng trì giới luật”.

6. Về Pháp thân và hóa thân

Thân của Như Lai là pháp thân, chẳng phải là thân do ái dục sinh. Thân của Phật là hóa thân, thị hiện để độ thoát chúng sinh.

Một khi Phật đã thị hiện nơi cõi Ta-bà đầy ác trược này để thi hành pháp giải thoát chúng sanh thì Phật cũng phải... bệnh và cũng phải... uống sữa như chúng sanh, cũng như sau này phải già phải chết như chúng sanh với tám thân tứ đại ngũ uẩn chứ!

Cái tồn tại vĩnh hằng chính là Pháp thân Phật, cái thân Như Lai đó vậy.

* * *

“Trực tâm” - cái tâm bình đẳng, không phân biệt - phải là điều kiện tiên quyết của Bồ-tát đạo. Từ cái tâm bình đẳng, không phân biệt đó mà có sự tôn trọng con người, biết ai cũng là Phật sẽ thành như Bồ-tát Thường Bất Khinh, có sự chân thành để “ai thấy cũng vui, ai gặp cũng mừng” như Bồ-tát Dược Vương và có sự thấu cảm, đại từ đại bi, nghìn tay nghìn mắt như Bồ-tát Quán Thế Âm... Có cái tâm không phân biệt đó thì mới có thể “vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai”. Phải thấy Pháp thân Phật là thân Như Lai, thấy Phật với chúng sanh đều có Pháp thân không khác, chỉ khác ở chỗ giác ngộ và chưa giác ngộ trên bước đường tìm ra chân lý. Đó cũng chính là con đường của Pháp môn Bất nhị (không hai) bất khả tư nghì.

Xá-lợi-phất, Phú-lâu-na, Ca-chiên-diên, Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Tu-bồ-đề, A-na-luật, Ưu-ba-ly, A-nan... đều đã xuất sắc trong buổi giảng dạy bằng phương pháp sắm vai (role playing) này, một phương pháp giáo dục chủ động (active education) thường được Phật dùng để dạy cho các đệ tử mình cũng như khuyến khích họ phải luôn phản quan tự kỷ, phải có tinh thần phê phán, nhờ đó mà Phật pháp luôn phù hợp với sự phát triển của xã hội con người.

“Này các Kalama, chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình...”

(Kinh Kalama, Thích Minh Châu dịch)

Duy-ma-cật được nhắc tới như là một cái cớ, một “phương tiện thiện xảo” để các Đại đệ tử sắm vai lần lượt trình bày những phản biện của mình về những vấn nạn bấy nay ray rứt trên con đường phát triển Phật đạo.

Phật mỉm cười. Không nói. ■

1. Xem “Thấp thoáng lời kinh”, Văn Hóa Phật Giáo số 225 và 226.



Câu chuyện về hai thành phố lớn

CAO HUY HÓA

Hai thành phố lớn là Hà Nội và thành phố HCM, lớn nhất nước và đông dân nhất nước so với các thành phố khác ở Việt Nam.

Từ sau ngày hòa bình, thống nhất, TP.HCM đã có thêm điều kiện phát triển mạnh mẽ, sức sống dồi dào, năng động, dân tình phóng khoáng, lại thêm khí hậu miền-Nam-mưa-nắng-hai-mùa dễ chịu, nên đã thu hút nhiều lao động và trí thức tứ xứ, kể cả người Hà Nội, bao gồm nhà khoa học, chính trị, nhà giáo, văn nghệ sĩ,... góp phần làm cho thành phố thêm giàu mạnh.

Nhưng đâu phải mọi người, đặc biệt là ở Hà Nội, đều chịu sức hút của thành phố lớn phương Nam, dầu có

đầy đủ điều kiện cho một cuộc sống mới? Hai thành phố, hai sắc thái, hai khuôn mặt tiêu biểu cho sức sống Việt Nam, khiến mọi người Việt Nam đều muốn hưởng thụ không khí tại hai nơi đó, hay ít nhất cũng muốn tìm hiểu và đối chiếu sức mạnh của hai cực, bằng những nguồn thông tin chính thống lẫn thông tin do người thân vốn sống từng trải ở hai nơi. Thiết nghĩ, cũng nên biết thêm, những người nước ngoài viết gì, và những người Việt Nam sống ở nước ngoài cảm nghĩ như thế nào về đời sống của hai thành phố? May mắn tôi đọc được một bài trên báo mạng *The Diplomat* (Nhà Ngoại giao) của Mỹ, ngày 24/10/2014, nhan đề: *Vietnam's Tale of Two Cities*, tác giả Elizebeth Rosen, là nhà báo nữ



từng làm việc tại Hà Nội. Xin trích và biên dịch những phần chính của bài đó.

Tác giả đã trao đổi câu chuyện về hai thành phố với nhiều người trong giới kinh doanh, nghệ thuật, trong đó có người đã từng du học tại các nước phương Tây, chủ yếu là người nước ngoài và người Việt ở nước ngoài về sinh sống và làm ăn tại Hà Nội. Xem ra tác giả và những người được phỏng vấn muốn đối chiếu sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật tại hai thành phố, với tính cách hai nơi, đặt trong bối cảnh phát triển kinh tế.

Tác giả đã phác họa chút ít về TP.HCM: *"TP.HCM đã là một trung tâm thương mại của VN kể từ những năm 1800, khi thương cảng do người Pháp xây dựng đã làm cho thành phố này trở thành một trung tâm mậu dịch. Trong những năm gần đây, với GDP tăng cao và môi trường thân thiện cho đầu tư nước ngoài, thuyết phục nhiều người rằng thành phố này là một câu chuyện thành công của VN"*.

Hà Nội và TP.HCM có lịch sử phát triển kinh tế khác nhau, một đằng thì tiếp cận với kinh tế thị trường sau này, một đằng đã có từ lâu nền kinh tế phát triển có phần cởi mở để cho xí nghiệp tư nhân được rộng đường hoạt động. Tác giả lại có ý đối chiếu hai thành phố này với Bắc Kinh và Thượng Hải ở Trung Quốc, cũng như Kyoto và Tokyo ở Nhật Bản, để cho rằng ý thức hệ tác động ở hai nơi không quan trọng cho bằng các lý do về lịch sử và văn hóa. Người Hà Nội gốc tự hào về lịch sử văn hóa lâu dài của thành phố. Hà Nội đã nổi danh như là một "kinh đô văn hóa" của đất nước từ thế kỷ XI, với hệ thống quan lại xuất thân từ trường Quốc Tử Giám. Ở thủ đô ngàn năm văn hiến này, các tiệm bán lẻ hàng ngoại quốc như Gucci và các nhà hàng bán thức ăn nhanh theo kiểu McDonald rất khó thâm nhập, với một bộ máy hành chính làm khó các thủ tục kinh doanh, nhưng ngược lại lòng tự hào và tính bảo thủ đã kích thích sự sáng tạo.

Dan Dockery, chủ quán bar Cama và nhà hàng Highway 4, nhận xét: "Tôi thấy Hà Nội chú trọng đến những sản phẩm có phẩm chất cao và không sản xuất hàng loạt. Bạn có thể kinh doanh ở đây bằng cách phát triển một sản phẩm địa phương theo cách thức riêng của bạn, hơn là làm để bán cho những hãng mang

nhãn hiệu công nghiệp. Bạn có thể thấy Hà Nội thiếu những dây chuyền công nghiệp phương Tây và nghĩ rằng Hà Nội bảo thủ và chậm tiến, hay bạn có thể nhìn sự việc theo một khía cạnh tích cực hơn. Như Hà Nội có cà-phê ngon, thì tại sao lại phải cần nhãn hiệu ngoại quốc phẩm chất thấp mà giá lại gấp ba?"

Mathias Rosignol, chủ quán cà-phê và không gian nghệ thuật tại Hà Nội, cho rằng: *"Nhiều người Hà Nội biết đời sống ở TP.HCM có thể tiện nghi hơn, tiền lương cao hơn và giá cả rẻ hơn. Nhưng họ vẫn ở Hà Nội bởi vì linh hồn của nơi này. Có một năng lượng ở đây xuất phát từ sự chọn lựa đặt linh hồn và ý nghĩa lên trên tiện nghi vật chất"*.

Nhưng mọi người đều công nhận sự phát triển kinh tế và tính phóng khoáng của đô thị phương Nam đã là tiền đề cho sự phát triển văn hóa, nghệ thuật, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của người dân. TP.HCM nổi bật với những đêm trình diễn hoành tráng và những nhà nghệ thuật biết cách phục vụ thị trường.

Hà Nội thì có tính cách trầm hơn. Trong khi ở TP.HCM không có khái niệm Sài Gòn gốc, thì ở Hà Nội, tính gốc gác ở đất ngàn năm văn hiến vẫn là thuộc tính quan trọng của người Hà Nội. Những người này nhìn về TP.HCM như là thành công về kinh tế, nhưng liệu có quyến rũ không, có phải là môi trường sáng tạo như Hà Nội không, hay là giống như Bangkok? Và họ cho rằng, đó "không phải là một thành phố Việt Nam thực sự", như là cảm nghĩ của Bui Minh Nguyệt, một nhà buôn tranh, có gia đình đã sống ở Hà Nội nhiều đời. Hà Nội thích đi tìm những cái mới trong sáng tạo. Nghệ sĩ Thao Nguyên ở TP.HCM cho biết: *"Dân Sài Gòn có khuynh hướng thích vẻ đẹp bên ngoài, thích nghệ thuật dễ hiểu. Nghệ thuật ở Hà Nội có tính cách phê phán và giàu khái niệm hơn"*.

Phải chăng thành công về thương mại và thành tựu về sáng tạo không đi đôi với nhau? *"Để giữ vững tính cách độc đáo của mình, Hà Nội phải khước từ khái niệm cho rằng kinh doanh và nghệ thuật là bạn đồng sàng"*, Dorian Gibb, họa sĩ và nhà thiết kế nghệ thuật đã phát biểu như thế. Nhưng nếu thiếu tư duy kinh doanh thì nghệ thuật sẽ bị hạn chế, như lời nhận xét của Bill Nguyễn, một Việt kiều chủ nhân một không gian nghệ thuật và cà-phê ở Hà Nội. *"Nhiều bạn bè từ Sài Gòn nói rằng người có đầu óc sáng tạo ở đây không biết cách làm ra tiền bằng đầu óc sáng tạo đó"*.

Sự cách biệt giữa thành công về sáng tạo nghệ thuật của Hà Nội và thành công về thương mại của TP.HCM cũng được nhận rõ ở các ngành công nghiệp văn hóa của Việt Nam. Phần lớn những phim Việt Nam được chiếu tại các liên hoan phim quốc tế đều được làm ở Hà Nội, ví dụ *"Đập cánh giữa không trung"* giành được huy chương tại Liên hoan phim Venice lần thứ 71 năm 2014, và *"Bi, đừng sợ"* được giải tại các Liên hoan phim Cannes và Stockholm năm 2010. Tuy nhiên những rạp

đều chiếu những phim hành động kiểu Hollywood và những phim tình cảm được sản xuất tại TP.HCM.

“Tại miền Nam, họ chỉ làm những phim mà người VN chịu bỏ tiền mua vé để xem. Tôi biết chưa có phim nào làm ở miền Bắc mà đã đem lại lợi nhuận. Trong thực tế, nhiều phim làm ở Hà Nội không hề được chiếu tại rạp”, Gerry Herman, giám đốc của Hanoi Cinematheque nói.

Điều mà giới làm phim thực sự cần, Herman nói, là một tầng giữa có thể tổ hợp được tài năng nghệ sĩ của Hà Nội với tài năng thương mại của đô thị phương Nam - và các ngành công nghiệp văn hóa khác của VN cũng vậy. Rất may là ngày nay Hà Nội đã có một số lượng những người biết kết hợp sáng tạo và truyền thống với bí quyết thương mại, như nhà thiết kế Vu Thao¹, người vừa được giải thưởng Doanh nhân trẻ sáng tạo của Hội đồng Anh, tháng vừa qua. Thiết kế mà cô đã sản xuất dưới nhãn hiệu Km109, đã lấy cảm hứng từ áo quần có màu sắc rực rỡ dệt bởi người dân tộc ở vùng cao miền Bắc.

“Về mặt kinh tế, Sài Gòn sống động hơn. Người ở đó dễ làm việc với tâm hồn phóng khoáng của miền Nam và chính quyền ở đó cũng vậy. Nhưng khi kinh doanh của tôi được mở rộng ra trên thị trường quốc tế, thì những cái làm cho sản phẩm của tôi đặc biệt hơn sản phẩm của các người khác là do những gì từ miền Bắc”, Thao nói.

Chỉ với một bài báo, với một số lượng người không nhiều được phỏng vấn trong một số lãnh vực nghệ thuật hạn chế, người viết Elizabeth Rosen làm việc tại Hà Nội, đã giản lược những khác biệt về tính chất và thành tựu về văn hóa và nghệ thuật của hai thành phố lớn ngoài Bắc, trong Nam, bằng những cảm nhận có vẻ định tính. Dẫu thế, đối chiếu giữa hai thành phố, một đằng là thủ đô ngàn năm văn hiến, với một nền văn hóa chủ lực kết tinh từ xa xưa; một đằng là thành phố có lợi thế phát triển kinh tế, khiến con người năng động, nhìn về phía trước, không nhả nha biện luận, thì những nhận xét nói trên là dễ hiểu. Tuy nhiên, khi nói đến tính sáng tạo và tính thương mại, không thể gán kết tính này cho thành phố này, tính kia cho thành phố kia, mà thành phố nào cũng có, chỉ có đậm nhạt khác nhau, ở phương diện nào đó. Sự khác biệt giữa hai thành phố lớn nói lên tính đa dạng và phong phú của đất nước Việt Nam, của miền Bắc và miền Nam, cũng như tiếng nói và tính cách của người dân ở hai đầu đất nước. ■

1. Vũ Thảo, nữ, nhà thiết kế và kinh doanh thời trang, chủ thương hiệu thiết kế thời trang “Kilomet109” với ý nghĩa 109 kilomet là khoảng cách từ quê hương Thái Bình của cô đến Hà Nội. (Chú thích của tác giả bài này, theo “Giấc mơ ‘hồn quê’ trên... đại lộ Châu Âu”, *Tuổi Trẻ*, 29/4/2015).

oOo

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2015

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Bảo An : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,
 Q.5, PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakin.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
Cty TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
Cty Nến Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN : 1 cuốn/kỳ
Cty Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **454 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
Email: toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập

Ba nhà báo nữ đầu thế kỷ XX

Bài & ảnh: VÂN PHI

Báo chí Việt Nam đầu thế kỷ XX đã để lại nhiều dấu ấn sâu sắc và có vai trò quan trọng trong lịch sử báo chí nước nhà. Bấy giờ phụ nữ đã bắt đầu tham gia viết báo và làm báo. Chuyên mục về nữ giới của các tờ báo và những tờ báo của phụ nữ đã đánh dấu sự xuất hiện phong trào cổ động nữ quyền do chính phụ nữ chủ trương. Nhìn lại những thành tựu đã qua của gần một thế kỷ trước, hậu thế không thể không kính trọng bản lĩnh và trí tuệ của tiền nhân.

1 **Sương Nguyệt Anh, nhà báo, thi sĩ, nữ chủ bút đầu tiên của Việt Nam**

Sương Nguyệt Anh, tên thật là Nguyễn Ngọc Khuê hay Nguyễn Thị Khuê, cũng có tài liệu ghi nhận bà tên là Nguyễn Xuân Khuê, sinh ngày 8-3-1864 tại Ba Tri (Bến Tre), là con gái thứ tư của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu. Ngoài tên hiệu Sương Nguyệt Anh, bà còn sử dụng các bút danh Xuân Khuê, Nguyệt Nga, Nguyệt Anh. Xuất thân từ một gia đình có học thức, được người cha tài giỏi bồi dưỡng, có người mẹ phẩm hạnh hết lòng yêu thương, từ bé bà đã nổi danh tài sắc, bản lĩnh hơn người. Bà lấy chồng năm 24 tuổi, có một người con gái nhưng khi con gái được hai tuổi thì chồng mất, bà ở vậy nuôi con, thờ chồng, mở trường dạy học chữ Nho cho học trò quanh vùng.

Tiếp nối truyền thống yêu nước của cha, Sương Nguyệt Anh luôn nhiệt tình ủng hộ các nhà chí sĩ yêu nước. Khi Phan Bội Châu phát động phong trào Đông Du, bà đã bán cả đất vườn lấy tiền gửi giúp du học sinh sang Nhật học tập. Phong trào bị đàn áp rồi thất bại, bà vẫn tiếp tục tìm mọi cách góp sức vào công cuộc cứu nước, mong muốn một tương lai tươi sáng hơn cho dân tộc mình.

Năm 1917, Sương Nguyệt Anh nhận lời mời của một nhóm chí sĩ ái quốc, đứng ra làm chủ bút tờ báo *Nữ Giới Chung* (Tiếng chuông của Nữ giới), tờ báo đầu tiên của phụ nữ Việt Nam, có chủ trương nâng cao dân trí, khuyến khích công nông thương và đề cao vai trò phụ nữ trong xã hội. Tòa soạn báo đặt tại số nhà 15 đường Taberd, Sài Gòn (nay là đường Nguyễn Du, Q.1, TP.HCM). Báo ra số đầu tiên vào ngày 1-2-1918, phát hành định kỳ vào ngày thứ Sáu hàng tuần, mỗi số có 18 trang nội dung và 8 trang quảng cáo. Ngoài các mục xã thuyết và văn nghệ, báo còn có phần dạy về nữ công gia chánh và những nghề thủ công, có những trang cách ngôn, lời hay ý đẹp và mẹ con nói chuyện.

Suốt hơn hai chục số báo, bà dành trọn tâm huyết để góp phần chấn hưng tinh thần nữ giới nước nhà. Có thể nói bà có vai trò lớn trong việc làm thức tỉnh và cổ vũ các độc giả nữ trước thời thế mới. Bà cũng góp phần làm đa dạng, phong phú, hoàn thiện thêm nền báo chí non trẻ của Việt Nam khi đó, tạo tiền đề cho hàng loạt báo chí về phụ nữ sau này xuất hiện như *Phụ Nữ Tân Văn*, *Phụ Nữ Thời Đàm*... Ảnh hưởng của tờ báo đã khiến chính quyền thực dân dè chừng, và tờ báo bị đình bản vào tháng 7/1918. Sau đó, Sương Nguyệt Anh về lại Ba Tri, tiếp tục dạy học, bốc thuốc và sáng tác thơ văn cho tới ngày tạ thế (20-1-1921).

Sương Nguyệt Anh còn là một thi sĩ tài năng. Thuộc thế hệ nhà thơ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, bà làm thơ



bằng cả chữ Hán, chữ Nôm và Quốc ngữ. Với vốn ngôn ngữ phong phú, chiều sâu chiêm nghiệm, giọng thơ trầm thiết, tràn trề nỗi niềm nhân thế trong sự cảm thông sâu sắc, nữ thi sĩ đã để lại cho đời nhiều tác phẩm giá trị. Như bài *Họa thơ ông Phú Học*, bà đã ngẫm lại những năm tháng trầm luân để viết nên những câu thơ bi phần ngang tàng mà bản lĩnh:

*Bể ái sóng ân còn lắm lúc
Mây ngàn hạc nội biết là nơi.
Một dây oan trái vay rồi trả,
Mấy cuộc tang thương để đổi đời.*

Suốt đời phấn đấu vì sự nghiệp chung, Sương Nguyệt Anh đã để lại trong tâm trí người Việt Nam hình ảnh đẹp về một nữ chủ bút đầu tiên, một nhà thơ đa tài và một người tiên phong trong cuộc vận động nữ quyền. Từ *Nữ Giới Chung* dần chỉ tồn tại hơn 5 tháng nhưng thực sự là tiếng chuông ngân vang mãi lòng người. Ngày nay, tên bà được đặt cho nhiều đường phố, trường học, câu lạc bộ...

2 Đạm Phương nữ sử, thi sĩ, nhà báo, người đã thành lập đoàn thể phụ nữ đầu tiên của Việt Nam

Đạm Phương nữ sử tên thật là Công Tôn Nữ Đồng Canh, sinh năm 1881, là con gái của Hoàng Hóa Quận công Miên Triện (vị hoàng tử thứ 66 của vua Minh Mạng, một trong những người đầu tiên được triều Nguyễn cử sang châu Âu nghiên cứu văn minh Tây phương), mẹ của nhà văn Hải Triều (Nguyễn Khoa Văn), bà nội của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm, có hiệu là Đạm Phương. Năm 20 tuổi, bà được vời vào cung dạy cho các công chúa, nữ quan và cung nữ; được phong chức Nữ sử. Vì vậy, khi viết văn làm báo, bà ký tên là Đạm Phương nữ sử.

Từ năm 1918 đến năm 1930, bút danh Đạm Phương nữ sử xuất hiện đều đặn trên các trang báo khắp hai miền Nam - Bắc. Thời gian này, bà còn đảm nhận chuyên mục Lời đàn bà trên báo *Thực Nghiệp*. Từ năm 1919 đến năm 1928, bà làm trợ bút cho báo *Trung Bắc Tân Văn* và giữ chuyên mục Văn đàn bà trên tờ này. Tác phẩm báo chí của bà phần lớn hướng vào người phụ nữ với hàng loạt bài báo mang tính giáo dục, nhấn mạnh đến bổn phận, nghĩa vụ, lương tâm và trách nhiệm của con người. Theo Đạm Phương, đóng góp cho xã hội là một nét đạo đức của người biết bổn phận và có lương tâm. Bà không ngần ngại kêu gọi, thúc đẩy nữ lưu đương thời mạnh dạn lao vào con đường học tập để có một nghề nghiệp đồng thời phải hiệp lực để cho ra đời một tổ chức xã hội nhằm đoàn kết hết thảy mọi tầng lớp phụ nữ phấn đấu tiến bộ, tạo được chỗ đứng bình đẳng trong một xã hội còn đặt nặng quan niệm "trọng nam khinh nữ".

Trong bài "Muốn cho nữ lưu biết chức nghiệp phải có học hội nữ công", đăng trên tờ *Trung Bắc Tân Văn* năm 1926, bà viết: "Nước mình đàn bà con gái không phải không



có óc thông minh, cũng không phải không có tài năng song không biết cách cùng nhau mà mưu sự nghiệp hạnh phúc chung, làm cho sự nghiệp về đường nữ công là cái phận sự của mình, phải nên chăm chút để gây dựng một nền giáo dục hoàn toàn mới mong mở mắt mở mày với người ta". Nói là làm, ngay trong năm ấy, Đạm Phương sáng lập Nữ Công Học Hội Huế, tự đứng làm Hội trưởng, soạn tôn chỉ, mục đích, nội quy rõ ràng và chương trình hoạt động cụ thể. Hội đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của các bậc chí sĩ như Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng và những nhà trí thức trẻ đương thời như Đào Duy Anh, Đoàn Nồng, Nguyễn Lâm... Trên thực tế, Nữ Công Học Hội Huế là đoàn thể phụ nữ đầu tiên ở nước ta mà chính quyền thuộc địa buộc phải công nhận.

Ngoài các hoạt động báo chí và xã hội, Đạm Phương nữ sử còn là tác giả của nhiều tác phẩm có giá trị mang tính giáo dục cao, trong đó có quyển *Giáo dục nhi đồng* mà bà viết từ năm 1942 đã được Nxb Thanh Hóa in lại vào năm 1998. Bà cũng là một nhà viết tiểu thuyết với những truyện được nhiều người biết như *Kim Tú Cầu* và *Hồng phần tương tri*...

Suốt đời cống hiến cho sự nghiệp làm báo, hoạt động bênh vực nữ quyền, đến năm 1947 bà mất, để lại nỗi xót thương và lòng kính ngưỡng của mọi người. Gần đây, *Tuyển Tập Đạm Phương Nữ Sử* được Lê Thanh Hiền sưu tầm, biên soạn, giới thiệu; Nguyễn Khoa Điềm bổ sung, sửa chữa và được Nxb Văn Học ấn hành vào tháng 12-2010. Qua tuyển tập, người đọc còn thấy bà là nữ tác giả dẫn đầu về số lượng tác phẩm với nhiều thể loại xuất bản trước năm 1945... Hiện nay, rất nhiều người mẹ tìm đọc các tác phẩm của bà để học hỏi kinh nghiệm trong việc tu dưỡng đức hạnh, dạy dỗ con cái.

3 Nhà báo Nguyễn Thị Manh Manh, nữ chiến tướng tiên phong trong phong trào Thơ mới

Nữ sĩ tên thật là Nguyễn Thị Kiêm, sinh ngày 03-1-1914 tại Sài Gòn, nhưng quê quán của bà ở Gò Công (nay thuộc Tiền Giang). Bà là con gái thứ của Tri huyện Nguyễn Đình Trị, tục danh Huyện Trị, cũng là một cây bút trong làng báo lúc bấy giờ.

Thuở nhỏ bà học ở Trường Áo Tím, tức Trường nữ Gia Long (Sài Gòn). Khoảng năm 1931-1932, bà tốt nghiệp bằng Thành chung Ban sư phạm, được giữ lại trường giảng dạy. Bà vừa dạy vừa tham gia viết báo, thường xuyên cộng tác với tờ *Phụ Nữ Tân Văn* và lần lượt viết cho các tờ báo khác như: *Công Luận*, *Nữ Lưu*, *Việt Nam*, lấy bút danh là Manh Manh hay Nguyễn Thị Manh Manh.

Đầu năm 1932, nhà văn Phan Khôi để xướng Phong trào Thơ mới với bài thơ “*Tình già*” lần đầu xuất hiện trên văn đàn khiến giới nghệ sĩ có nhiều phản ứng trái chiều. Hưởng ứng, nữ sĩ Manh Manh liền gửi thơ mới của mình đăng trên tờ *Phụ Nữ Tân Văn*; đồng thời, bà viết nhiều bài báo ủng hộ Thơ mới. Sau đó, nữ sĩ còn đăng đàn diễn thuyết cổ vũ cho phong trào này. Tài liệu văn học cho biết, vào năm 1933, nữ sĩ Manh Manh, lúc bấy giờ mới 19 tuổi, đã xuất hiện trên diễn đàn của Hội Khuyến học Sài Gòn để thuyết trình về “*Lối thơ mới*”. Giáo sư Phan Cự Đệ nhận xét rằng Hội Khuyến học Sài Gòn thành lập đã 25 năm, hôm ấy là lần đầu tiên có một phụ nữ diễn thuyết, lại là buổi có đông thính giả nhất. Buổi diễn thuyết đó mang lại nhiều ấn tượng, đến nỗi hai nhà phê bình văn học hàng đầu Việt Nam Hoài Thanh và Hoài Chân đã khen ngợi Manh Manh là “một nữ sĩ có tài và có gan”.

Không chỉ bảo vệ Thơ mới, Nguyễn Thị Manh Manh còn kịch liệt phản đối những bất công trong xã hội đương

thời về nạn phân biệt nam nữ, bà muốn giải phóng phụ nữ khỏi những tập tục cổ hủ ấy. Trong năm 1934, bà đã tới 4 thành phố (Huế, Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng) để diễn thuyết các đề tài: “*Dư luận nam giới đối với phụ nữ tiên tiến*”, “*Một ngày của một người đàn bà tiên tiến*”, “*Có nên tự do kết hôn chăng?*”, “*Nền bỏ chế độ đa thê không?*”. Quan điểm của bà đã đẩy lên những dư luận phản ánh trên mặt báo chí đương thời.

Vào năm 1936, nữ sĩ Manh Manh tích cực tham gia phong trào Đông Dương đại hội. Tuy mới 22 tuổi, nhưng bà là một trong hai phụ nữ được cử vào Ủy ban làm thời tổ chức Đông Dương đại hội tại Sài Gòn, bên cạnh các nhân vật nổi tiếng thời đó như Nguyễn An Ninh, Trịnh Đình Thảo, Nguyễn Văn Tạo, Tạ Thu Thâu... Nữ sĩ còn tham gia vào hoạt động chống Pháp. Trong cuốn Hồi ký 1925-1964, tập 2 (1945-1954), nhà văn, nhà báo Nam Đình Nguyễn Thế Phương có kể chuyện Manh Manh đi rải truyền đơn chống Pháp nhưng không nói rõ của tổ chức nào.

Tác phẩm của Nguyễn Thị Manh Manh không nhiều. Các nhà nghiên cứu văn học đã liệt kê được tổng cộng 10 bài thơ mới, một số bài viết theo thể du ký và các bài diễn thuyết mà bà là diễn giả về sau có đăng trên báo *Phụ Nữ Tân Văn*. Ngoài ra, bà cũng còn có một số bài phóng sự đăng trên các báo *Nữ Lưu*, *Công Luận*...

Hồng nhan đa truân. Tuy tài hoa sắc sảo nhưng hạnh phúc riêng tư của nữ sĩ Nguyễn Thị Manh Manh gặp nhiều xót xa nghiệt ngã. Cuối năm 1937, nữ sĩ thành hôn với Trương Tuấn Cảnh, người Hà Tiên, một nhà giáo dạy Việt văn ở trường Trung học Huỳnh Khương Ninh, Sài Gòn, đồng thời cũng là một nhà báo với bút hiệu Lư Khê, là một trong “tứ kiệt” ở Hà Tiên được mọi người xưng tụng cùng các danh sĩ Đông Hồ, Mộng Tuyết và Trúc Hà. Theo những người biết chuyện, Nguyễn Thị Manh Manh cư xử với gia đình chồng rất tốt. Tuy xuất thân quyền quý nhưng nữ sĩ thật tình quý trọng người nghèo, còn viết báo và diễn thuyết bảo vệ người nghèo. Sau khi sanh con đầu gặp tai biến sinh sản mất khả năng sinh con, vào lúc người con còn nhỏ tuổi đã qua đời, bà chấp nhận cho chồng lấy vợ khác. Năm 1950, Nguyễn Thị Manh Manh đi Pháp rồi không thấy xuất hiện trên văn đàn hay báo giới nữa. Hơn 50 năm sau, vào ngày 26-1-2005, người ta biết tin bà đã qua đời trong một nhà dưỡng lão ở Paris, thọ 91 tuổi.

Ba bậc nữ lưu mà hành trạng cùng công nghiệp được thuật lại ở trên này đều đã yên nghỉ dưới nấm mộ xanh, nhưng những gì họ đã làm được trong những năm tháng mà đất nước còn nằm dưới vòng kiểm tỏa của người Pháp thật đáng trân quý. Cả ba vị đều đã cống hiến hết mình cho nền báo chí trong buổi đầu tượng hình, nhất là khi cả ba vị đều dành sự quan tâm đặc biệt cho thân phận người phụ nữ, kiên quyết đấu tranh đòi lẽ bình quyền. Hậu thế sẽ mãi mãi khắc ghi những đóng góp lớn lao của họ trong dòng chảy chung của báo chí Việt Nam. ■



Lang thang trong chữ

Ngoại ngữ + tiếng mẹ đẻ + kiến thức

HỒ ANH THÁI

Những người có lưng vốn đôi ba ngoại ngữ đều thấm một chân lý giản đơn: bắt đầu học ngoại ngữ, ai cũng hăm hở nghĩ rằng một khi làm chủ được ngoại ngữ là có thể dịch sách ngon ơ. Niềm tin ấy sẽ mòn mỏi dần theo thời gian, cho dù trình độ ngoại ngữ của người ta có nâng dần lên. Thoạt nghe tưởng như nghịch lý, nhưng lại là một thực tế.

Có ngoại ngữ là điều kiện cần, nhưng chưa đủ. Còn phải có... tiếng mẹ đẻ nữa, bởi không phải người giỏi ngoại ngữ nào cũng giỏi tiếng mẹ đẻ. Ngay cả khi có ngoại ngữ rồi, có cả tiếng mẹ đẻ rồi, thì biết bao nhiêu thứ khác cũng cần để có thể dịch sách văn học: đây là kiến thức văn hóa, lịch sử, địa lý, dân tộc, phong tục... nhìn chung là kiến thức về bản quán của tác giả cuốn sách.

1. Dịch, trước hết phải có ngoại ngữ

Một nhà văn Mỹ phải nói là giỏi tiếng Việt, có thể đấu hót với người Việt, nói năng ví von có vành có vẻ, dẫn tục ngữ thành ngữ nhuần nhuyễn. Năm 2000, ông tung ra bản dịch thơ Hồ Xuân Hương, ngay lập tức trở thành hiện tượng trên thị trường sách Mỹ. Một cuốn sách dịch, lại là thơ, mà trong hơn năm đầu đã bán được hai vạn bản, từ ấy đến nay tái bản nhiều lần.

Giờ cuốn *Spring Essence: The Poetry of Hồ Xuân Hương*, John Balaban dịch, Nxb Copper Canyon ấn hành, ta sẽ gặp những câu kiểu này:

Kind sir, if you love me, pierce me with your stick.

Đó là dịch câu *Quân tử có thương thì đóng cọc*.

Cuối sách có giải thích: quả mít có thể chín sớm nhờ đóng cọc, theo kinh nghiệm người Việt. Một sự giải thích chu đáo và cần thiết.

Nhưng diễn giải nôm na thì câu tiếng Anh có nghĩa là "Quân tử có thương thì đóng cái cọc của chàng vào". Cái đại từ sở hữu của chàng thật sự đã làm câu thơ đang thanh bỗng trở nên thô, rõ rệt một cách không cần thiết và mất tính đa nghĩa. Nhiều trí thức Mỹ tỏ ý thú vị hơn khi nghe trình bày về nguyên bản, nhưng họ cho rằng câu thơ dịch trên vẫn gây được hiệu quả. Biết làm sao, họ chưa trót biết thơ Hồ Xuân Hương trong nguyên bản. Mà thứ tiếng Anh chặt chẽ, đòi hỏi tính lô-gích trong mọi tình huống, đã buộc người dịch phải bám chặt lấy cái đại từ sở hữu của chàng.

Còn câu *Rúc rích thầy cha con chuột nhắt / Vo ve mặc mẹ cái ong bầu* lại được dịch thế này:

The little father mouse squeaking about, doesn't care, nor the mother honeybee buzzing along, fat with pollen.

Thầy cha con chuột nhắt với mặc mẹ cái ong bầu mà lại

dịch là "con chuột cha" và "con ong mẹ" thì đúng là người dịch, dù được tiếng là giỏi tiếng Việt, vẫn chưa thực sự làm chủ được ngôn ngữ ấy. Cái ong bầu lại còn được dịch là con ong béo (bầu bầu) nhờ phần hoa nữa chứ.

2. Dịch, chắc chắn là phải thạo cả tiếng mẹ đẻ

Godbole chưa già lắm, tầm giữa độ tuổi bốn mươi (Triệu phú khu ổ chuột, 2009, tr.10) Thực ra tiếng Việt chỉ cần nói tầm bốn mươi lăm tuổi. Viết như trên, rất dễ hiểu thành Godbole đã được bốn mươi tuổi sáu tháng.

Lật một cuốn tiểu thuyết Mỹ dịch ra tiếng Việt xuất bản năm 2001, *Sứ giả của thần chết* (Sao Biển dịch), thấy ngay những từ như thế này:

- *Đã có khoảng nửa chục người đến họp*. Người Việt mà nói nửa chục nửa tá, nghe không thuận, mà nói *dăm bảy* người đến họp. Ngược lại, nếu phải dịch cho một người Anh nào đó câu *dăm bảy* người đến họp, ta sẽ dịch là *half a dozen*.

- *Ông ta trạc cuối tứ tuần... Bà ta khoảng đầu sáu mươi*. Tiếng Việt: ông ta trạc gần năm mươi... Bà ta khoảng ngoài sáu mươi / hơn sáu mươi / trên sáu mươi.

- *Bà vừa trải qua một kinh nghiệm kinh hoàng khi suýt bị chiếc xe chồm vào người*. Chữ "kinh nghiệm" người Anh - Mỹ hay dùng không thể để nguyên xi như thế trong tiếng Việt. Đơn giản nó là *Bà vừa gặp chuyện kinh hoàng*.

3. Dịch, còn là kiến thức

Có một câu trong cuốn tiểu thuyết Việt Nam: *cậu ta xuống bếp lục nồi cơm nguội ăn với dưa*.

Xin dừng lại một chút để người đọc đoán xem: khi dịch ra tiếng Anh, dịch giả đã dịch chữ dưa ở đây như thế nào?

Một câu hỏi dễ trả lời. Ai mà chẳng biết dưa là gì.

Không hẳn thế. Một dịch giả đã dịch chữ dưa là "watermelon": *cậu ta xuống bếp lục nồi cơm nguội ăn với dưa hấu*.

Dịch giả là Việt kiều, tiếng Việt hơn bốn mươi năm xa nước chưa quên, nhưng kiến thức xã hội thì quả là đã rơi rụng nhiều. Có thể ở một vài vùng hiếm hoi nào đó người ta ăn cơm với dưa hấu, nhưng hầu như đọc câu văn trên, ta khó có thể hiểu *dưa* thành *dưa hấu* cho được. ■



Thường ngoạn

HOÀNG TÁ THÍCH

C hương trình ca nhạc vừa chấm dứt thì có ba bốn người đã bước ra khỏi phòng trước tiên. Một người lên tiếng: “Nhạc Trịnh Công Sơn có gì đâu mà ai cũng bảo là hay, là thiên tài?”. Một người trong nhóm nghe câu bình phẩm hơi khác thường của người bạn vừa nói, có vẻ không đồng ý với nhận xét trên nên đã vội vã giục cả đám đi để khỏi gây chú ý cho những người khác. Tuy nhiên vài người đi gần đó cũng đã nghe câu nói trên, có vẻ ngạc nhiên nhìn người vừa phát ngôn. Có người nhún vai tỏ vẻ bất mãn với ý kiến đó, nhưng chẳng ai nói gì.

Chuyện vừa xảy ra làm tôi liên tưởng đến lần đi nghe buổi hòa nhạc cổ điển tuần rồi. Đó là một buổi trình diễn các tác phẩm của Beethoven, Mozart, Chopin... do các thầy giáo của Trường Quốc gia Âm nhạc tổ chức. Nhạc cổ điển trình diễn đã lắm công phu, nhưng người thường ngoạn cũng phải có trình độ. Trình diễn mà không thể hiện được hết tinh thần của tác giả trong tác phẩm là một thất bại. Nhưng nếu người thường ngoạn chỉ đến tầm hiểu biết về nhạc cổ điển như tôi thì thể hiện đến mức nào cũng thể thôi. Tên tuổi của những nhạc sư kể trên vang rền trên thế giới cả hàng trăm năm qua, nhưng không phải ai cũng thưởng thức được nhạc cổ điển một cách đúng nghĩa. Sau buổi trình diễn, có người hỏi dĩ nhiên là tôi đã phải nức nở khen hay vì không muốn cho người ta thấy mình dốt về nhạc cổ điển. Nhưng thực xấu hổ trong lòng, đi nghe nhạc cổ điển, mà chỉ một chuyện phân biệt được tác phẩm nào của Beethoven, tác phẩm nào của Mozart, của Chopin thôi, thì tôi chưa được chút nào, mặc dù nghe thì cảm thấy hay thật, thích thật. Nghe mà không khen thì không những sợ người ta chê mình chẳng biết gì về nhạc cổ điển cả, mà lại còn sợ mất lòng người bạn quý mình lắm mới bỏ tiền ra mua vé mời mình. Ấy là chưa kể chuyện một người bạn của tôi kể lại một lần được mời đi thưởng thức một buổi kịch nghệ Nhật Bản tại New York. Vé hạng chót cũng gần cả ngàn đô, bản thân anh bạn tôi sẽ không bao giờ có thể tốn tiền đến như thế nếu không được mời. Buổi trình diễn hết sức long trọng, khán thính giả phần đông đều ăn mặc lịch sự, trang trọng. Anh bạn tôi ngồi suốt hai tiếng đồng hồ chẳng hiểu được một chút gì cả. Không những thế, phần âm nhạc cổ xưa của Nhật Bản lại càng khó nghe,

chứ đừng nói là khó hiểu. Khi buổi diễn chấm dứt, được hỏi về chương trình kịch nghệ, anh bạn tôi đã trả lời người mời: “Quá tuyệt vời” bởi vì không muốn làm thất vọng người bạn không những quý mình mà còn nghĩ rằng mình cũng có trình độ thưởng ngoạn, mới tốn tiền cho mình nhiều thế.

Nghĩ ra chính tôi đã không được thành thật như người đã chê Trịnh Công Sơn vừa kể trên. Nhạc không hợp với “khẩu vị” của mình thì không thích chẳng có gì lạ, chỉ có điều phát biểu một cách thẳng thắn như người nào đó vừa nói trên thì cũng là một điều ít nghe.

Trịnh Công Sơn nổi tiếng là một điều không ai chối cãi. Không những ở Việt Nam mà còn cả trên thế giới. Trịnh Công Sơn có một ca khúc về chiến tranh được phát hành trên một triệu đĩa ở Nhật. Riêng ca khúc *Diễm xưa* được người Nhật ưa chuộng và được phát trên đài phát thanh trong dịp Tết Nguyên đán ở Nhật. Trịnh Công Sơn còn được ví như một Bob Dylan của Việt Nam trong hành trình chống chiến tranh, và không thiếu báo chí trên khắp thế giới đã viết về ông. Có một giáo sư đại học người Mỹ, ông Jonh C. Schaffer đã viết một cuốn sách về ông và Bob Dylan. Cho dù không thích ông, hay không thích nhạc của ông, người Việt Nam nào cũng vẫn tự hào vì có một người Việt Nam nổi tiếng như thế. Có những ngộ nhận nên đã có những phê phán ông về mặt quan điểm, nhưng trong lòng họ vẫn thích nhạc của ông.

Có thể người khách vừa nói không thấy gì hay ho khi nghe các ca khúc Trịnh Công Sơn vì người đó không hiểu về ca từ của tác giả. Cái gì mà “*Phơi tình trên chiếc đình không?*”. Cái gì mà “*Người về soi bóng mình giữa tường trắng lặng câm*”. Cái gì là “*Này nhân gian có nghe đời nghiêng?*”. Họ không hiểu, và cũng không cảm nhận được thì họ không thích là chuyện thường tình. Có người lại cho rằng ca khúc Trịnh Công Sơn chẳng có gì cao siêu, ngoại trừ ông có cái tài... đưa những ca từ là lạ vào âm nhạc. Có người lên mạng nói là viết nhạc như Trịnh Công Sơn, anh ta có thể viết mỗi ngày cả mấy bài, nhưng có ai biết họ là ai đâu? Nhưng lại cũng có nhiều người, nhất là trong giới văn học, trí thức, nói rằng không chắc gì một trăm năm nữa, hay cả lâu dài hơn nữa, chúng ta lại có được một Trịnh Công Sơn thứ hai.

Trịnh Công Sơn nổi tiếng hồi còn trẻ với ca khúc *Ướt mi* từ những năm 1959, 1960. Ca khúc này với giọng ca liêu trai của ca sĩ Thanh Thúy trong các phòng trà đã từng làm mềm lòng một số anh chị trong giới giang hồ thời đó, thường chỉ biết đâm đá và đao búa. Đó là một điều rất đặc biệt, vì những thanh niên du đảng nghe *Ướt mi* và cảm thấy có một cái gì êm ả nhẹ nhàng thâm nhập vào trong dòng máu lúc nào cũng sôi sục chuyện giang hồ. Không thể nào giải thích được sự cảm nhận của họ. Nhưng hồi đó, lại có một nhạc sĩ lão thành đã phê bình ca khúc *Ướt mi* chỉ có hồn mà thiếu phần kỹ thuật. Nhiều người khác phản đối và cho rằng một ca khúc đã đi được vào trong lòng người thì có nhất thiết phải đặt vấn đề với hai chữ kỹ thuật không? Nếu phải học phân tích, phải suy gẫm để hiểu được một ca khúc thì chưa chắc ca khúc đó đã dễ đi vào trong tâm hồn người khác.

Thiền sư Nhất Hạnh, trong một buổi nói chuyện về Trịnh Công Sơn, đã nói trong ca khúc của Trịnh có chất “Thiền”. Một tu sĩ Phật giáo khác cũng cho rằng có thể dùng nhạc Trịnh để hoằng pháp.

Có một nhạc sĩ sau khi đã nổi tiếng với những ca khúc, càng ngày càng đi sâu vào thế giới kỹ thuật của âm nhạc, và ông ta tự cho rằng những ca khúc của ông ngày xưa được mọi người yêu thích chỉ là những ca khúc quá tầm thường, và ông bắt đầu nghiên cứu, viết những trường ca, những nhạc phẩm phức tạp hơn. Càng đi sâu vào nghiên cứu, nhạc của ông càng phức tạp và những tác phẩm của ông rất ít người nghe, vì hầu hết chẳng ai hiểu cho lắm.

Nhạc Trịnh thì không phức tạp vì đó là những ca khúc. Ca khúc được nghe bằng cảm nhận, và nhiều người cho rằng ngay cả dù không hiểu ca từ cho lắm, nhưng vẫn có thể đi vào lòng người bằng cảm nhận. Đó là nhạc Trịnh.

Chuyện thường ngoạn một tác phẩm nghệ thuật cũng có nhiều vấn đề. Có người không thích truyện *Kiều*, chỉ vì tính cách của Thúy Kiều, và không hứng thú một chút nào với truyện *Kiều*. Tuy nhiên, không thích Thúy Kiều, có thể không đọc *Kiều*, nhưng như thế không có nghĩa là hồ đồ phủ nhận luôn vị trí của Nguyễn Du trong văn học Việt Nam. Có người chỉ thích nhạc âm ỹ, có người thích nhạc “sến”. Lại có người thích nhạc tiền chiến hoặc dòng nhạc xưa. Có người không thích hoa, cũng như có người không thích thú nuôi. Làm sao mà nói được. Tuy nhiên, nhìn vào sở thích của mỗi người có thể nói lên phần nào tính cách của con người đó, cũng như mức độ thường ngoạn của người đó. Có người thích yên tĩnh, có người thích náo động. Nhưng chung chung, cái gì cũng phải có cái chung với tình cảm con người. Nghe nói Chung Vô Diệm xấu xí lắm thì nhất định ai ai cũng phải thấy xấu. Nghe nói Tây Thi đẹp thì chung chung, ai cũng phải thấy Tây Thi đẹp. Nhưng nếu nhất định cho rằng Chung Vô Diệm không

xấu, và Tây Thi chẳng đẹp để gì thì quả thật là không bình thường.

Nghe một ca khúc mà ai ai cũng khen hay, chỉ có mình mình không thích, chẳng thà không nói ra còn hơn là chê dở để người ta cho mình không biết thưởng thức. Chê thì phải có lập trường lý luận, chứ chỉ nói tôi không thích thì chưa đủ thuyết phục. Ca khúc Trịnh Công Sơn không phải là nhạc cổ điển hoặc kịch nghệ Nhật Bản, chỉ là những ca khúc về tình cảm, tình cảm ngay cả trong những ca khúc viết về chiến tranh. Nhạc Trịnh chỉ đi vào lòng người bằng tình cảm tả lỏng chứ không bằng kỹ thuật và cũng không thể nghe với những thiên kiến. Thêm nữa, hiểu được ca từ Trịnh Công Sơn để cho thấm khi nghe không phải là một điều đơn giản. ■



Báo chí thời chụp giật

ĐẶNG TRUNG THÀNH

Nhằm thu hút độc giả, lôi kéo công chúng đến với báo mình mà có một số tờ báo hiện nay ngập tràn “lá cải” đăng nhiều tin tức giật gân, hoặc thiên về các câu chuyện ma quỷ, án mạng, tai nạn.

Đề tài và thể loại báo chí rất phong phú. Góc nhìn cũng đa dạng. Nhưng do cạnh tranh không lại, những tờ báo sinh sau đẻ muộn hoặc có khó khăn về tài chính đã chọn lối đi “lá cải” để làm giàu kinh tế cho tòa soạn mình. Chẳng khó gì để có thể nhận ra những tờ báo có tính chất lá cải mà người ta có thể liệt kê ở đây¹...

Chỉ cần lật vài trang thôi, người làm báo chuyên nghiệp sẽ cảm thấy hoa mắt vì cách trình bày và chóng mặt vì nội dung mà báo truyền tải. Tác giả giật nhiều tiêu đề động trời nhằm thu hút cặp mắt hiếu kỳ của công chúng. Mặt khác, các tiêu đề của những tờ báo kiểu này dài thườn thượt, có đề bài dài từ 30 đến 50 chữ. Ai đã trải qua bốn năm ở trường báo chí cũng hiểu rằng đề bài có hai mục đích là thông tin và gợi ý, nhằm lôi cuốn người xem, nhưng độ dài không quá 12 chữ. Vì nếu dài quá thì nó nghiêm nhiên thành một tin vắn và nội dung đã lộ lộ ngay ở đề bài, chẳng còn gì hứng thú. Về phần nội dung, những tờ báo kiểu này chuyên đăng các tin huyền bí, ma quỷ, án mạng, thậm chí “bới lông tìm vết” các sự việc cách đây hàng trăm năm hoặc xảy ra ở một nơi “khỉ ho cò gáy” nào đó để đăng tải. Tất nhiên, độ chính xác, nguồn dẫn đều không đáng tin cậy.



Đài truyền hình không thoát khỏi kiểu chụp giật nhằm kéo khán giả về mình. Như một đài¹ có chương trình 60 giây. Nếu xem vài lần thì thấy hay vì tin nắm bắt nhanh, độ tin cậy cao, mang tính thời sự. Nhưng càng xem thì khán giả càng thắc mắc: “Chẳng lẽ xã hội này u ám đến mức chỉ thấy đụng xe, giết người, buôn lậu?”.

Xã hội này còn nhiều gương vượt khó, học sinh hiếu học, doanh nhân chân đất, và nhiều hình ảnh xúc động về lòng tốt, về số phận khó khăn cần được nhân rộng, truyền đi, nhưng sao không được đăng tải? Phải chăng công chúng chỉ thích các tin mang tính hiếu kỳ? Gần đây là chuyện học sinh hút Shisa (có nguồn gốc ở bên Trung Đông) được truyền đi trên một kênh khác¹. Đây là vấn đề mang tính thời sự khá cao. Hiện tượng hút Shisa trong giới trẻ đã trở thành phong trào, trong khi chưa có nghiên cứu nào nói về lợi và hại từ việc này. Phóng sự như là thông điệp để nhắc nhở các bậc phụ huynh cần giám sát con kỹ lưỡng. Tuy nhiên, do tính nóng vội và mà phóng viên của bản tin này đã vi phạm đạo đức nghề nghiệp nghiêm trọng: khi dàn dựng không làm mờ gương mặt và phù hiệu học sinh...

Nói về giật “tít” thì báo mạng vẫn là số một. Dù sinh sau đẻ muộn nhưng mang trong mình các yếu tố của báo in, báo nói, báo hình, PR... nên nghiêm nhiên báo mạng chiếm ưu thế. Mặt khác, tin tức được truyền đi nhanh chóng (tính theo giây), khiến cho từ ưu điểm biến thành khuyết điểm. Do thông tin nhanh, vội vã nên sai sót là chuyện không tránh khỏi. Nhiều tờ báo mạng uy tín hiện nay cũng lao vào vòng xoáy kinh tế, tìm cách thu hút công chúng bằng những tin giật gân, sáo rỗng. Có bài báo chẳng hiểu viết ra để phản ánh vấn đề gì, tôn chỉ là gì, thể loại báo chí là gì. Chỉ có cái nhan đề “kiêu hãnh”, kéo công chúng nhấp chuột là đã thành công (vì tính theo lượt truy cập).

Sự cầu thả, chụp giật không bao giờ tỉ lệ thuận với phẩm chất. Báo chí là ngành nghề đặc thù, lấy uy tín, kỹ lưỡng làm thước đo giá trị. Mà để có được uy tín, đòi hỏi người làm báo phải có đạo đức, có tâm. Nếu cứ đà cung cấp thông tin chụp giật, huyền hoặc, sai sự thật (dù là tin hấp dẫn) thì đến một lúc nào đó tờ báo sẽ bị công chúng tẩy chay. Và tất nhiên xã hội không còn có nơi để công chúng gửi gắm tâm tư, tình cảm và sự phản biện đến các cơ quan công quyền. ■

1. Tác giả có nêu tên bảy tờ báo và hai kênh truyền hình, tuy nhiên, tòa soạn thấy không tiện công bố.

Ngủ không mộng mị

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Một vụ giết người khá kỳ lạ đã xảy ra ở nước Anh. Brian Thomas, 59 tuổi bị bắt và bị đưa ra toà vì giết vợ trong tình trạng đặc biệt. Theo lời thú tội của Thomas, ông ta đã bóp cổ Christine 57 tuổi đến chết khi hai vợ chồng ông ngủ qua đêm tại một trạm đỗ xe tại Tây Wales vào tháng 7 năm 2008. Và theo lời ông, trong trạng thái mộng du, ông đã giết người vợ từng có với mình hai cô con gái đã lớn. Chi tiết hơn, hai vợ chồng Thomas đã dừng lại nghỉ qua đêm ở một trạm đỗ xe. Tại đó, họ không được ngủ ngon do một số bạn trẻ tụ tập, rồ máy và đưa xe tạo nên những tiếng rú đing tai nhức óc. Vì vậy, Thomas đã quyết định lái xe tới một điểm đỗ xe khác. Vào 3 giờ 49 phút sáng ngày hôm sau, ông đã gọi cho cảnh sát và cho biết ông đã giết người vợ của ông. Thomas cho biết ông đã mơ thấy ông đánh nhau với những “cậu bé đua xe” và ông nghĩ ông đã bóp cổ một kẻ trong số đó. Nhưng khi tỉnh dậy, ông nhận ra người bị bóp cổ đó chính là người vợ Christine của mình.

Đây là vụ án “khác thường” vì người gây tội thừa nhận giết vợ trong tình trạng đang mộng du và hoàn toàn không có ý thức về hành động rồ dại này. Đây có thể là vụ ngộ sát và có thể có sự phán quyết của toà án: “người chồng không có tội giết vợ mình với lý do bị bệnh”. Mộng du là bệnh lý có thể giúp người ngay thoát tội nhưng cũng có thể là cái cớ để cho kẻ ác che lấp tội ác tày trời của hắn. Trong nhiều trường hợp người ta chỉ mong sao “trời sẽ luôn bắt dung gian và luật nhân quả thể hiện rất rõ”.

Ở ta, mộng du còn được gọi là miên hành. Tiếng nước ngoài thông dụng là “sleepwalking” (đi trong khi ngủ) để chỉ trạng thái đặc biệt này; khoa học gọi đó là somnambulism (hay noctambulism). Mộng du được định nghĩa là một loại rối loạn giấc ngủ xảy ra khi người bệnh đi hoặc làm một hành động nào đó trong lúc người đó đang ngủ. Người mộng du hoàn toàn không hay biết mình đã làm gì khi đang mộng du hoặc không thể nhớ lại khi tỉnh dậy. Vì vậy, chỉ phát hiện mộng du nhờ người khác chứng kiến kể lại.



Ta cần biết, giấc ngủ là một hiện tượng sinh lý có nhịp điệu gồm nhiều chu kỳ, mỗi chu kỳ kéo dài khoảng 90 phút. Một chu kỳ gồm nhiều giai đoạn: bắt đầu ngủ, ngủ sâu, ngủ thật sâu, và sau cùng là ngủ nghịch thường (paradoxical sleep). Ngủ nghịch thường, còn gọi là ngủ với chuyển động mắt nhanh hay giấc ngủ REM (rapid eyes movement sleep), chiếm 25% chu kỳ, và các giấc mơ thường xảy ra trong giai đoạn này. Các giai đoạn trước giai đoạn REM gọi là NON-REM, tức là ngủ với không chuyển động mắt nhanh. Giấc ngủ được cho là có phẩm chất tốt khi có đầy đủ NON-REM và REM, ít thức dậy ban đêm, ít buồn ngủ ban ngày, và sau khi ngủ thức dậy cảm thấy sảng khoái. Ngược lại các điều vừa kể, giấc ngủ được cho là có phẩm chất xấu.

Mộng du được ghi nhận xảy ra trong giai đoạn sớm của các chu kỳ giấc ngủ, tức giấc ngủ NON-REM xảy ra vào đầu hôm khi ngủ. Nhưng nó cũng xảy ra ở giai đoạn REM của giấc ngủ khi có liên quan đến giấc mơ và xảy ra vào sáng hôm sau trước khi thức giấc. Mộng du có liên quan đến giấc mơ được gọi là *rối loạn hành vi REM* (REM behavior disorder).

Đa số các trường hợp mộng du chỉ là rối loạn nhẹ chứ không quá trầm trọng. Đối với trẻ em, mộng du thường giảm dần và có thể khỏi khi trẻ lớn. Đối với

người lớn, hậu quả của mộng du là bị chấn thương do va chạm, té ngã. Người bị mộng du cần tránh uống rượu, không để cuộc sống gây căng thẳng, phiền muộn. Nếu mộng du quá thường xuyên hoặc có nguy cơ gây hại (như mộng du lái xe) nên đến khám ở bác sĩ chuyên khoa thần kinh – tâm thần. Một số thuốc an thần tác dụng ngắn có thể giảm bớt số lần mộng du.

Mộng du chỉ là một loại rối loạn giấc ngủ và rối loạn giấc ngủ còn nhiều loại khác: mất ngủ, ngủ nhiều, ác mộng, nói mớ, ngiễn rã, hoảng sợ khi ngủ... Riêng mất ngủ là loại rối loạn giấc ngủ phổ biến và gây tác hại cho sức khỏe con người nhiều hơn cả.

Mất ngủ là triệu chứng của nhiều nguyên nhân khác nhau gây ra, có ba loại:

- *Mất ngủ tạm thời*: kéo dài chỉ trong ba ngày do biến động (lạ chỗ, du lịch sang nước có múi giờ khác, do chỗ ngủ nóng, lạnh, ồn ào, quá sáng...).

- *Mất ngủ ngắn hạn*: kéo dài trên ba ngày đến ba tuần do stress, phiền muộn, do dùng thuốc.

- *Mất ngủ kinh niên (hay mạn tính)*: kéo dài trên ba tuần đến trong vài tháng, do có rối loạn trong cơ thể (bệnh nội khoa, trầm cảm...).

Mất ngủ không biểu hiện bằng thời lượng ngủ mà bằng một trong ba biểu hiện sau: khó vào giấc ngủ (trên 30 phút đặt mình trên giường mà chưa ngủ được), thức giấc nhiều lần giữa đêm hoặc không ngủ được cả đêm, thức dậy quá sớm mà không ngủ lại được.

Mất ngủ có thể do rối loạn giấc ngủ NON-REM và thường không đạt được giấc ngủ REM tức không đạt được giấc ngủ sâu.

Cần lưu ý, mất ngủ là triệu chứng của nhiều nguyên nhân khác nhau gây ra. Có thể do ngoại cảnh như do: tiếng ồn, lạ nhà, sự phiền muộn, chất kích thích (trà, cà-phê, rượu), thuốc (thuốc chống trầm cảm, thuốc kích thích hệ thần kinh trung ương...), sai lầm trong ăn uống (no quá, đói quá khi ngủ). Có thể do bệnh tiềm ẩn như bị bệnh: trào ngược dạ dày- thực quản, trầm cảm, hô hấp (hen suyễn), xương khớp (viêm xương khớp), tim mạch (suy tim), nội tiết (đái tháo đường, cường giáp)... Mất ngủ cũng có thể liên quan đến một số rối loạn giấc ngủ khác như: ngừng thở khi ngủ, hội chứng chân không yên khi ngủ.

Hiện nay ở ta, người ta thường dùng thuốc tây như diazepam (Seduxen, Valium) thuộc nhóm benzodiazepine để trị mất ngủ. Riêng ở Mỹ và Cục Quản lý Thực Dược phẩm (FDA) Hoa Kỳ chỉ chấp thuận năm loại thuốc cũng thuộc nhóm benzodiazepine dùng trong điều trị mất ngủ: flurazepam (Dalmane), estazolam (Prosom, Nucfalon), temazepam (Normison, Restoril), triazolam (Halcion), quazepam (Doral). Ngoài ra, còn có thuốc mới như zolpidem (Stilnox), zaleplon (Sonata), zopiclone (Imovane), buspirone (Buspa)... Thuốc an thần nhóm benzodiazepine trị mất ngủ vừa kể có thể gây ra các tác dụng phụ có hại như: lú lẫn,

ảnh hưởng đến trí nhớ, nhận thức, làm thay đổi thái độ, hành vi... Nhưng nguy hại nhất là gây nghiện cũng giống như ma túy. Cần đặc biệt lưu ý, thuốc an thần gây ngủ là thuốc hướng thần cần được dùng theo chỉ định của bác sĩ, không được tự ý mua dùng vì dùng sai sẽ bị *nghiện* rất nguy hiểm.

Đối với người mới bị mất ngủ có lời khuyên, trước khi tính chuyện dùng thuốc, có thể thực hiện các “Biện pháp không dùng thuốc” giúp ngủ tốt như sau:

- Nên ngủ và thức giấc vào một giờ nhất định.
- Hạn chế việc ngủ trưa (nếu cần, ngủ thật ít hoặc chỉ nằm chứ không ngủ khi khó ngủ vào ban đêm).
- Chuẩn bị giường ngủ thích hợp (thoáng, tối, yên tĩnh). Cần xem giường ngủ là nơi chỉ để ngủ.
- Tránh uống cà-phê, trà đậm vào tối trước khi ngủ.
- Tránh đi ngủ với bụng no quá hoặc đói quá.
- Thường xuyên tập thể dục (không nên tập ít nhất 4 giờ trước khi ngủ).

- Luyện tập phương pháp thư giãn, chống căng thẳng (yoga, thở dưỡng sinh, thiền định).

Người mới bị mất ngủ có thể dùng thuốc là thảo dược theo kinh nghiệm dân gian có tác dụng an thần như: nhãn lồng, tâm sen, trinh nữ, lá vông nem... hoặc dùng thuốc từ dược thảo đã bào chế sẵn như Rotunda (củ Bình vôi), Mimosa (phối hợp nhiều dược thảo).

Khi nào thực hiện các biện pháp trên không cải thiện, thì nên đi khám bác sĩ để biết mất ngủ do nguyên nhân từ đâu, để có thể sử dụng thuốc phù hợp với tình trạng bệnh. Bởi rối loạn lo âu đưa đến mất ngủ do trầm cảm mà lại dùng thuốc an thần thuộc nhóm benzodiazepine kể ở trên sẽ dẫn đến trầm cảm nặng hoặc có thể dẫn đến nguy cơ tự tử rất nguy hiểm.

Phần trên chỉ đề cập đến hai loại rối loạn giấc ngủ. Còn các rối loạn giấc ngủ khác cũng gây tác hại cho sức khỏe làm con người không sao được thân tâm an lạc.

Để ngủ không mộng mị

Trang Tử từ hơn ngàn năm trước, trong *Nam Hoa kinh*, đã đưa ra lời bàn giúp thân tâm an lạc: “Kỳ tầm bất mộng, kỳ giác vô ưu, kỳ thực bất cam, kỳ tức thâm thâm”. Nói nôm na, lời bàn ấy có nghĩa: “Ngủ không mộng mị, thức chẳng lo âu, ăn không cầu kỳ, thở thật thâm sâu”.

Riêng “Ngủ không mộng mị” cho đến nay vẫn là một tiêu chí cho biết con người có sống khỏe hay không. Rõ ràng là muốn sống khỏe con người cần ngủ không mộng mị, tức có *giấc ngủ đủ, sâu* vì đó là cách phục hồi sinh lực tốt nhất. Ngủ có đủ REM và không REM thì mới say giấc nồng. Nếu ngủ đủ và sâu thì dù có nằm mộng, khi thức dậy chẳng nhớ gì hết. Ngủ không sâu sẽ bị mộng mị và cơ thể không khỏe dễ bị ác mộng.

Như trên đã nói, một lý do và là lý do chủ yếu đưa đến rối loạn giấc ngủ nói chung là sức khỏe tinh thần của con người bị xâm phạm, con người thường xuyên



bị rối loạn tâm lý. Người cứ luôn tức giận, buồn rầu, ganh tị, lo lắng quá mức về đời sống, thế nào cũng có lúc bị rối loạn giấc ngủ, đặc biệt là bị mất ngủ. Vì vậy, không chỉ có thuốc (thường gây tác dụng phụ có hại) mà chính những hoạt động thư giãn thể chất và buông xả tinh thần, những biện pháp “dưỡng sinh” trong mọi động tác sống của con người mới giúp điều trị hiệu quả các rối loạn giấc ngủ. Hơn nữa, chính những biện pháp vừa kể giúp con người phòng ngừa, không mắc phải các rối loạn giấc ngủ.

Đối với những ai thấm nhuần triết lý Phật giáo đều có nhận thức, khi đời sống hằng ngày có chánh niệm tỉnh giác, người ta sẽ ngủ không mộng mị, nếu có mộng thì đó là những mộng êm dịu, thanh thoát. Ban ngày người ta cứ lo toan với quá nhiều suy nghĩ, suy nghĩ càng phức tạp thì khi ngủ càng tạo ra đủ loại mộng. Đó được xem là những “bất thiện pháp” gây lo lắng bận rộn, ham muốn tranh đoạt, hờn giận thù oán hay mặc cảm dồn nén lâu ngày sẽ tạo thành một nội tâm ô nhiễm bất an, làm gì mà chẳng có lúc bị rối loạn giấc ngủ. Có chuyện kể vào thời Đức Phật còn tại thế,

vua A-xà-thế phạm tội giết cha đã làm cho nhà vua này luôn cảm thấy bất an và hễ nằm ngủ là gặp ác mộng. Mỗi khi nằm xuống vừa chợp mắt, ông thấy mình bị đâm bởi hàng trăm lưỡi thương, khiến ông phải bật dậy. Sự việc này làm tâm thần ông khủng hoảng, mệt mỏi và sinh bệnh. Sau khi nghe Đức Phật thuyết kinh *Sa-môn quả* và thực lòng sám hối, ông đã tìm được lẽ sống bằng thiện pháp, vượt qua mặc cảm, để từ đó có giấc ngủ bình an.

Để hóa giải các “bất thiện pháp” gây lo lắng bận rộn, ham muốn tranh đoạt, hờn giận thù oán hay mặc cảm dồn nén lâu ngày tạo thành một nội tâm ô nhiễm bất an một cách hữu hiệu, thế giới hiện nay quan tâm ngày càng nhiều đến phương thức kỳ diệu đã được các nhà tu học phương Đông thực hành từ ngàn xưa, đó là Thiền. Không chỉ hóa giải các “bất thiện pháp” mà người hốt nhiên ngộ Thiền nhờ “*hành thâm bát nhã ba-la-mật*” (Tâm kinh) sẽ đạt được an nhiên tự tại, thậm chí “thông tay đi vào chợ” và tiếp nhận cái thâm diệu bất khả tri trong cuộc sống hằng ngày. Đã như thế, người ngộ Thiền chắc chắn “ngủ không mộng mị”. ■

Những mùa mưa xa

LÂM HẠ

Có những ngày mưa, tôi để mình rong rêu lạnh lẽo, để mình trôi giữa những cơn mưa dầm trên đất đỏ Tây Nguyên, để thôi nhớ những chuyện xa xưa nữa. Vậy nhưng chẳng được, nắng có thể hong khô mọi thứ, nhưng cứ thấy mây mù giăng kín trời, cánh mối rụng dưới chân cột đèn đường, là tôi biết mưa đang về. Mưa, dạt vào lòng những nỗi nhớ buồn tênh...

Tôi không biết nơi nào gọi là quê, chỉ biết khi sinh ra đã ở trong khu tập thể của nông trường cà-phê rồi. Ngoại tôi là dân di cư từ miền Trung vào, xin làm công nhân nông trường khi mẹ còn là một đứa trẻ lên mười. Mẹ lớn lên bên ngoại, rồi yêu ba tôi, là người Bắc cũng di cư vào lập nghiệp. Cuộc đời nhiều khi cứ trêu đùa con người ta, cười đầy rồi khóc đầy chẳng biết chừng. Những ngày mẹ thay ngoại đảo cà-phê ở sân phơi, với mái tóc đen dài, dáng người mảnh khảnh lộ vẻ đẹp thiếu nữ, ba tôi đã say sưa ngắm nhìn rồi nên duyên chồng vợ. Ngày ấy miền đất đỏ này chẳng trù phú như bây giờ, toàn cỏ tranh cỏ gấu, đi phát đổi làm rẫy cũng mất cả mấy tháng trời để đào xới những vạt cỏ gai lâu năm. Bản tính con trai út được cưng chiều, ba chẳng chịu nổi cái khó cái khổ của công cuộc khai hoang, tôi tròn ba tháng tuổi thì ba tìm đường về quê nội. Nhà tôi thêm tiếng trẻ thơ mà vắng bóng dáng của người đàn ông.

Tôi lớn lên mạnh mẽ như cây cà-phê được trồng giữa mảnh đất đỏ trù phú. Ngoại thương đứa cháu cút côi mà chăm bẵm lo lắng từng chút một. Mùa lúa, ngoại gánh gồng đi cắt lúa thuê, đi mót lúa sau vụ gặt. Vậy đó, mà nhà tôi luôn có nổi cơm thơm nhất khu tập thể, vì lúa mót có lẫn cả nếp, gạo tẻ, gạo dẻo, gạo thơm. Mùa ngô, ngoại xát thêm ngô non dọn vào, ăn mà ngọt lịm dù chỉ ăn cơm với rau dại chấm kho quẹt. Tôi còn nhớ những mùa mưa đó là những ngày hạnh phúc nhất của tuổi thơ tôi. Có lẽ do tính tôi búng bình nên hay bị mẹ la mắng, tôi chỉ thích đi theo ngoại. Khi những cơn mưa đầu tiên xuất hiện, ngoại đã tranh thủ gieo bí chanh, bí đỏ ở vạt đất sau vườn. Đến ngày mưa dầm, như có thể thấy được cả dây bí lớn và leo nhanh. Tôi thích lúc ngoại ra vườn chọn những đợt bí non vào tước hết dây để xào với nấm mối. Những khi ấy ngoại lấy cọng bí làm cho tôi một chiếc kèn thổi toe toe, vừa thổi tôi vừa ríu ran đợi ngoại chuẩn bị những món ăn mà với tôi là ngon hết chỗ chê. Những bữa ăn đó tràn ngập tiếng cười của tôi, cái

neho mắt của ngoại và mẹ thì chẳng còn trách mắng tôi vì điểm số ở trường nữa.

Ngoại tôi nghiện thuốc lá và cà-phê. Sáng nào ngoại cũng pha mấy phin cà-phê để ở hiên nhà, thể nào mấy chú công nhân đi làm sớm cũng tạt qua uống vài ngụm, nói mấy câu chuyện vui, rồi gom vào ít đường, ít cà-phê nhân để ngoại tôi dùng vào sáng hôm sau. Ngoại còn chế thêm món cà-phê kem, là chế cây dừa cho toe một đầu, cho vào ly vài giọt cà-phê đen đặc và vài thìa đường, lấy dừa ấy đánh lên đến khi cà-phê bông thành kem trắng mịn. Ngoại lấy kem ấy phết vào miếng thuốc lá, ai hút cũng khen ngon và đậm. Từ đó, ai uống cà-phê ngoại pha đều gọi ngoại là má Hai.

Tôi không thích mấy món đó, nhưng tụi nhóc trong khu tập thể chúng tôi cũng biết cà-phê là thứ giúp mình có tiền tiêu vặt. Mùa cuối năm là cả bọn rủ nhau đi lượm mót, còn về tranh nhau nhặt cà-phê vỡ được sàng ra bãi trấu trước trường học. Có năm cà-phê để lâu mắc mưa bị thâm đen, nông trường phải thuê người vào nhặt, là cả bọn lại rủ nhau bao bì thúng mủng vào kho. Nhắc đến chuyện đi lượm cà-phê đen mà không thể nhịn cười, đúng là khi lợi ích được đặt lên hàng đầu thì mọi thứ chỉ đúng thứ hai thậm chí là đúng chót. Lũ chúng tôi thân thiết với nhau là thế, khi vào đến kho thì giành giật nhau chỗ ngồi, cắn từng ly từng tí, giành nhau bao nào nhiều hạt đen hơn để nhặt, chẳng thiết tha nhớ là mới tối qua còn cùng nhau chơi u, chơi cò cò, còn chia nhau mấy củ khoai nướng, mấy bắp ngô non. Mặt mũi đứa nào cũng lấm lem bụi bặm, tiếng cãi nhau chí chóe, tiếng máy xay ầm ầm, lại còn tiếng sột soạt của bao bì... tôi là đứa ít tranh giành nhất, cứ ngồi im, nhìn cảnh tượng ấy, hòa vào giữa những thanh âm ấy chỉ biết tùm tùm cười. Thế nào tí nữa ra về cũng có đứa phải năn nỉ ỉ ôi xin lỗi rồi rít, rồi lấy tiền công thu được mà mua kem cho đứa kia vì lúc nãy lỡ nói nặng lời. Đầu cũng vào đó, vậy mà lúc lượm cục khổ tranh giành nhau chi không biết?

Hồi ấy cả xóm toàn công nhân di cư từ mọi miền vào sinh sống, cơ cực chỉ lo miếng ăn đã khốn khổ rồi, lấy đâu ra nghĩ đến việc mua những thứ xa xỉ phẩm như radio và ti-vi? Chỉ có cô hàng xóm sát vách nhà tôi, có chú người yêu làm thợ mộc, hôm cưới nhau chú ấy tặng cô một cái đài nghe được cả băng cát-sét, to bằng con heo con, cả lũ nhóc xúm xít lại xem. Trong cái cục đen xì phát ra nhiều âm thanh vui tai lắm, nghe được cả giọng cô phát



thanh viên từ thủ đô nhé. Tôi nghe xong lật đật chạy về hỏi mẹ: “Mẹ ơi, ba ở Hà Nội hả mẹ? Mẹ hỏi có phát thanh viên xem có biết ba mình không mẹ?”, tôi chỉ nghe lang thoảng về ba, cứ nghe đến Hà Nội là nghĩ rằng có ba tôi ở đó. Khi ấy đài hay phát những ca khúc về thủ đô, nghe sao mà đẹp đến thế. Tôi nằm nghe lỏm tiếng nhạc mà mơ về nơi có mùi hoa sữa, có mùa thu vàng, mùa đông lạnh, có hương cốm, có nhành đào phai. Tuổi thơ vô tình hỏi những điều rất đỗi ngượng, biết đâu trong mắt mẹ có những giọt long lanh chợt vỡ? Có lẽ, mẹ cũng như tôi, cũng mơ về Hà Nội, vì nơi ấy có người đàn ông đã từng là của mẹ, người đàn ông mẹ rất thương yêu.

Vợ chồng cô hàng xóm có một dạo thường xuyên cãi nhau, tôi chẳng biết vì lý do gì, chỉ biết một hôm chú ấy say khướt về to tiếng rồi... Rầm... cái đài nát bét. Lũ nhóc chúng tôi lại tiếc ngẩn tiếc ngơ, những giấc mơ của tôi nát vụn. Nhưng may thay, cuối xóm có vợ chồng cô giáo viên chuyển đến có chiếc ti-vi trắng đen hay hơn cả cái đài, vì có tiếng lại được thấy cả hình. Thế là từ hôm ấy lũ nhóc chúng tôi bớt đi chơi, canh giờ là về tắm rửa sạch sẽ, đợi đến giờ chiếu phim là giục bố mẹ dắt xuống nhà cô chú ấy xem vô tuyến. Mẹ hay công tôi đi xem phim, tôi còn nhớ rõ là trên đoạn đường có một cây bơ to, đến mùa bướm, trên cây ấy có một lũ sâu trắng to bằng ngón chân cái, trên mình đầy gai nhọn. Mỗi lần công tôi qua đoạn đường ấy là mẹ bảo tôi nhắm mắt lại, đừng nghĩ về mấy con sâu mà nghĩ về cái gì khác sẽ hết sợ. Tôi nhắm mắt, nghĩ về mấy cục kẹo đậu phộng bọc đường mà nuốt nước bọt, đến khi tưởng tượng được cắn một miếng thì mẹ bảo mở mắt ra, đừng sợ nữa vì đã đi khá xa cây bơ rồi. Tôi luyến tiếc, đánh ực một cái, ngoái nhìn bóng cây bơ mờ dần phía sau.

Rồi tuổi thơ ấy cũng trôi qua nhanh, khu tập thể được giải tỏa, nông trường chia đất, khoán cho công nhân làm ăn theo sản phẩm. Gia đình tôi khi ấy chơi với, vì chẳng

đủ tiền làm ngôi nhà mới phải xin ở nhờ. Rồi trên mảnh đất được chia, ngoại và mẹ trồng đậu xanh đậu phộng, làm tạm cái chuồng heo con con để có thêm tiền. Vậy là cả khu đất được chia, nhà nào cũng tranh thủ trồng cà-phê, trồng xen cây ngắn ngày, có nhà tích góp được tiền thì làm ngôi nhà gỗ nhỏ nhỏ. Chủ nhà mà gia đình tôi ở nhờ hằng ngày nhắc nhở, ngoại tôi buồn rầu. Thế rồi một ngày, ngoại và mẹ quyết định làm nhà mới từ những miếng gỗ cũ, từ tiền bán heo và bán đậu xanh, ngôi nhà tí hìn được cất lên với nền đất nhấp nhô. Biết là vất vả đấy, nhưng ba bà cháu vui mừng vì đây là nhà của mình, chẳng sợ phải đi ở nhờ nữa. Ngoại đã già và yếu dần, nhưng may là bỏ được thuốc lá và cà-phê. Rồi tôi trưởng thành, lớn lên, trải qua biết bao mùa mưa trên mảnh đất này. Tôi xa ngoại về thủ đô học, tôi tự mình khám phá những giấc mơ ngày thơ ấu. Tôi như đi giữa những cơn mưa...

Ngoại mất, vào một ngày tôi chưa kịp định hình những điều mình sẽ làm, ngày mà tôi chưa kịp nói với ngoại rằng tôi sẽ mang về cho ngoại những gì số phận đã đánh cắp đi. Nhưng có lẽ, ngoại chẳng cần đến nữa, vì với ngoại, gia sản lớn nhất có lẽ là đứa cháu gái này đã khôn lớn, chẳng còn khóc mè nheo mỗi lần bị mẹ đánh đòn.

Ngoại đã yên tâm để tôi ở lại giữa dòng đời, vì ngoại biết cô cháu gái này mạnh mẽ và can trường đến chừng nào. Ngoại về với đất mẹ, ngày những bắp ngô nẩy hạt ngọt lừ, ngày mưa dài lê thê.

Hỏi vì sao tôi yêu mưa và sợ mưa? Vì mưa cất giấu những miền tuổi thơ rất xanh, những giấc mơ rất hồng, nhưng cũng lấy đi những điều rất ngọt! Mùa mưa này có lẽ cũng sẽ qua, rồi sẽ đọng lại chút gì còn để nhớ? Hay là thôi chẳng lưu giữ gì nữa, tôi cứ để rong rêu đời mình, để mà trôi, thế thôi...

Mưa vẫn rơi, ngoài trời, xanh những triền đồi đầy hoa dại... ■

Việc làm của mẹ

THANH PHÁP

Tôi có đọc một mẩu chuyện nhỏ thật cảm động được đăng trên một tờ báo có thể tóm lược như sau:

Một nhóm sinh viên trong một lần đi thực tập trở về đã đến nhà vị giáo sư hướng dẫn để liên hoan. Buổi tiệc kết thúc, vị giáo sư không cho các sinh viên dọn dẹp mà tự mình gom hết chén bát đem bỏ vào bồn nước nơi nhà bếp rồi nhờ mẹ già đã trên bảy mươi tuổi rửa giùm sau khi đã dội hết lớp dầu mỡ. Người mẹ rất vui vẻ khi làm chuyện ấy. Sau khi rửa xong, vị giáo sư dùng khăn lau sạch tay cho mẹ, dìu mẹ vào phòng nghỉ, rồi quay vào bếp rửa lại số chén bát ấy. Trước sự ngỡ ngàng của các sinh viên, vị giáo sư đã mỉm cười giải thích: “Mẹ thì lúc nào cũng muốn làm được một chút gì đó cho con dù tuổi đã già rồi”.

Tôi bất hạnh mất mẹ từ thuở vừa mới lọt lòng nên không nhìn thấy được tấm lòng của mẹ đối với con từ những công việc nhỏ nhặt. Nhưng tôi vẫn có những người quen biết còn mẹ cho đến lúc tóc trên đầu đã bạc. Tóc con đã bạc thì tuổi mẹ cũng đã vào độ mắt mờ tay run, không còn có khả năng linh hoạt như trước nữa. Nhưng người già lại không muốn ngồi yên một chỗ, mà phải làm một việc gì đó để thấy mình vẫn tồn tại, để thấy mình vẫn còn có ích cho con cháu chứ không chỉ sống thừa. Mẹ không còn gánh vác được những công việc nặng nhọc nên chỉ chăm sóc những điều nhỏ nhặt trong gia đình, đó là niềm vui của tuổi già khi nghĩ mình cũng có thể đỡ dần cho cháu con, mà đó cũng chính là ý nghĩ thiêng liêng phát xuất từ tâm can của mẹ: con mãi mãi cần có sự nâng đỡ của mẹ. Trong mắt mẹ, con lúc nào cũng vẫn là con, dù đã là lão niên hay có địa vị cao sang trong xã hội thì với mẹ cũng chỉ là một đứa trẻ con không thể buông rời ra được. Nhưng tay mẹ run, mắt mẹ mờ nên việc làm nhiều khi không được như ý muốn, đôi lúc đưa đến điều phản tác dụng.

Những người quen biết của tôi có được diễm phúc còn mẹ đã đối xử với mẹ già mỗi người một cách khác nhau, nhưng cũng có thể phân ra được ba trường hợp:

Hoặc tỏ rõ thái độ không vừa ý, nhiều khi gắt gỏng ra mặt khi thấy việc làm của mẹ “đã không có lợi mà còn có hại” nên cấm không để cho mẹ nhúng tay vào bất cứ công việc làm nhỏ nhặt nào. Hoặc cẩn thận kè cao, giữ kín các vật dụng dễ vỡ, có giá trị trong gia đình khiến mẹ chỉ còn có thể nhúng tay vào những công việc lật vật, muốn làm gì thì làm để tránh được sự phiền phức. Hoặc mời mẹ



tham gia vào một số công việc nhẹ nhàng trong gia đình để mẹ không cảm thấy đơn độc, tách rời với con cháu, vẫn hiểu được trong mắt mẹ con lúc nào cũng vẫn là con.

Có thái độ không vừa ý, gắt gỏng, không để cho mẹ nhúng tay vào bất cứ công việc làm nào trong gia đình là đẩy mẹ vào chỗ như người xa lạ. Không thể nghĩ đến điều lợi hại của vật chất mà đối xử với mẹ như người dùng nước lã. Như thế, nói đến chữ hiếu trong trường hợp này chỉ là điều không tưởng. Kè cao giữ kín vật dụng có giá trị trong gia đình là làm tổn thương tinh thần nhạy cảm của mẹ, đẩy mẹ vào chỗ tủi thân giữa lúc tuổi già cần phải quan tâm nhiều hơn lúc nào hết. Mời mẹ tham gia một số công việc nhẹ nhàng trong gia đình một cách chân thành đã làm niềm vui của mẹ không bị hao mòn mà còn là điều ngược lại. Nhưng điều này đã mấy ai có lối hành xử như vị giáo sư mà tôi đã đọc được nơi mẩu chuyện nhỏ trên báo?

Ai cũng biết rất rõ, không có mẹ thì không có ta trên cõi đời này. Mẹ đã suốt đời tận tụy lo cho con. Trong mắt mẹ dù con ở địa vị nào trong xã hội, ở lứa tuổi nào trên cõi đời này thì cũng vẫn chỉ là đứa con bé bỏng mà mẹ đã từng mang nặng đẻ đau! Đừng bao giờ để tổn thương tình mẹ cao cả đối với con. ■



Mưa về trên phố núi

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Trời Đà Lạt đang trong xanh, bỗng những hạt mưa li ti bay qua mặt, rơi trên tóc, trên vai. Vậy đó, Đà Lạt bắt chợt mưa, bắt chợt nắng là tính nết lâu đời không đổi được.

Tháng Năm, hoa khoe sắc thắm khắp nơi, Đà Lạt ẩm lên không khí mùa hè, nhưng vẫn pha loãng một chút se lạnh khi ta đi dạo trong mưa, và bạn sẽ cảm thấy niềm lãng mạn bay trong gió...

Mưa. Mưa Đà Lạt thật tuyệt diệu. Cỏ cây bừng lên khi sắc xanh tươi, khi những lớp bụi trong không khí được gột sạch. Nếu sương mù làm cho Đà Lạt huyền ảo, thì mưa làm cho Đà Lạt lung linh. Những ngọn tháp, những ngọn đồi dưới màu nắng vàng ươm, những cung đường hoa lộng gió, những ngôi biệt thự cổ dưới chân đồi sẽ được tôn lên bởi sắc nắng lộng lầy sau mưa...

Đặc biệt, Đà Lạt có những cơn mưa nhỏ hạt, như giọt đàn. Do phong cách sống không vội vã, tâm hồn người phố núi dễ lắng xuống để lắng nghe mưa thánh thót rơi trên mái rêu, cộng hưởng với tiếng thông reo rất nhẹ trong mưa làm thành bản nhạc không lời, menh mang và sâu lắng... Bạn sẽ không có gì ngạc nhiên, khi thấy từng cặp từng cặp che dù đi trong mưa, họ nép vào nhau và có với nhau những che chở cần thiết cho chút tình vụng dại. Hoặc giả, những chiếc xe đạp sóng đôi cổ tình rong chơi trong làn mưa nhẹ; dưới hồ thiên nga, hai người không đạp nước, họ thả trôi trong mưa thật là lãng mạn. Những giây phút đó, Đà Lạt có sức cuốn hút riêng mà ít nơi nào có được. Những người làm thơ và viết nhạc gọi thứ mưa này là "mưa tình nhân", kể cũng không ngoa là mấy...

Mưa. Mưa bay qua Hồ Xuân Hương. Mưa lướt thướt trên đồi Cù xanh mướt. Thung lũng Tình yêu đón mưa ngàn. Thiền viện Trúc Lâm tiếng chuông trôi trong mưa. Dinh Bảo Đại, thác Datanla, làng Cù Lín mưa chỉ như khói biếc đã làm nên một phố núi thơ mộng, quyến rũ nhất Nam Tây Nguyên...

Có khi mưa Đà Lạt như một "đặc ân" mà thiên nhiên ban tặng. Bạn đi trong mưa mà không cảm thấy ướt át, không cảm thấy cô đơn, bởi mưa lúc này chỉ như người bạn nhỏ thì thầm bên tai. Rồi trong mưa, một làn hương

thơm ngát của muôn hoa hòa quyện, khứu giác bạn sẽ có dịp thưởng thức mùi hương của muôn sắc. Bạn sẽ không phân biệt được đâu là mùi hoa cúc, đâu là mùi hoa loa kèn trắng, hay hoa dại ngát hương đang dâng lên...

Những ngôi biệt thự cổ kính rêu phong, kiêu hãnh chìm trong làn mưa bụi. Bạn thỏa sức chiêm ngưỡng trạng thái khói sương, và thả hồn mình bay theo những khoảnh khắc thư giãn mát mẻ, trong lành. Ngoài kia, người nông dân phố núi vẫn cần mẫn chăm sóc vườn hoa, hay hái dâu, hái hoa Artichaut đi bán. Trên đồi má cô thiếu nữ, luôn ửng một màu hồng khỏe khoắn, đẹp đến nao lòng du khách.

Hãy đi dọc núi đồi hay thung lũng. Bạn sẽ có dịp nghe thông reo trong mưa. Đó là một cảm giác rất lạ, từng cung bậc mưa tuôn trên lá kim là từng nốt nhạc được phổ bởi người nhạc sĩ tài ba. Những tiết tấu vi tế nhất, sẽ dành cho tâm hồn tinh tế nhất cảm nhận, và cái màu xanh của lá kim chừng như cũng trôi theo dòng nhạc hòa cùng gió ngàn lúc hú, lúc láy, khi luyến âm... Nếu trong đêm mơ hồ có tiếng lóc cóc vó ngựa gõ xuống mặt đường thì đó lại là niềm thống khoái vô biên cho những ai có tâm hồn nghệ sĩ. Vì thế, bạn sẽ không ngỡ ngàng khi thấy người nghệ sĩ thường mặc áo măng-tô đi trong mưa đêm. Họ đi như đếm từng hạt mưa trên ngọn đèn đường, đếm từng lời thì thầm qua từng con ngõ, lên từng bậc thềm quán cóc lạnh ngác ngơ.

Đến Đà Lạt để trải nghiệm mưa, nếm mùi vị của mưa cũng là một thú vị. Nếu Đà Lạt mưa lạnh, bạn hãy ngồi với ly cà-phê bốc khói, uống cà-phê lúc này, bạn sẽ ngây ngất vì hạnh phúc được cô đơn, dù bạn đang có đôi cũng vậy, sự cô đơn mà mưa đem lại rất khác, chỉ có một người cảm được mà thôi...

Người ta nói Đà Lạt là *vương quốc hoa, vương quốc nắng gió và mưa ngàn*. Thật vậy, nếu Đà Lạt không có mưa sẽ không có cảnh sắc bừng lên hùng vĩ và đẹp để đến lạ kỳ như vậy. Đà Lạt mưa sẽ đem đến ấm áp, tình đất tình người bật nở hoa thơm... ■

Trưa trong vườn chùa Thiên Tôn ở Huế

NGUYỄN NHẢ TIÊN

Tôi hư hỏng nép hiên chùa sám hối
thân xác này
bụi bặm lấm người ơi
mỗi cây cỏ nơi đây dạy tôi niềm thánh hạnh
giữ bỏ rồi ra thanh khiết mọi tâm hồn

Trưa vườn chùa bình yên như vườn mẹ
bước chân về gặp quê quán tôi xưa
con chim hót trên hàng cây trở hạnh
vang hưởng gió lay thanh sắc rợp hiên chùa

Vườn bao la bước bàn chân thơ dại
hàng hiên dài thăm thẳm ý trùng khơi
tia nắng rớt
mênh mông
trời phương ngoại
ngồi đỏ tịch ngôn rêu biếc ngỏ lời

Bờ bên kia, khắc đi rồi sẽ tới
bờ bên này, hoa từng nụ đang hương
xin cúi lạy đến từng viên gạch lót
lạy cọng cỏ xanh Phật vị dẫn đường

Nhật của gió chút trưa trong vườn vắng
tiếng nghìn thu hun hút phía đồi xanh
nắng xuyên cành long lanh ngân con mắt
chậm chậm bàn chân
êm ái bước thiền hành!

Cõi người

VŨ XUÂN HỒNG

Sống thì giành giật bon chen
Chết quẩn vãi liệm chẳng đem được gì
Bạc vàng tước vị quyền uy
Cũng nằm dưới cỏ xanh rì mà thôi
Mới hay sống ở trên đời
Chữ Tâm mới thật đầy vơi cõi người!

Sướng khổ

Cũng đành nhiều bạc, lắm tiền
Mà sao chẳng sướng như tiên hả giờ?
Mới hay sướng khổ trên đời
Chẳng tìm thấy được những nơi bạc tiền
Lòng lành sẽ sống như tiên
Biết dừng, biết đủ buồn phiền sẽ tan...

Tự khúc tiếng ve

SÔNG HƯƠNG

Tháng năm trốn vào vòm phượng
Chiều tan học con chờ tiếng ve, đánh thức hạ ngũ vùi
đâu đó
Khúc ve tan vào trong gió
Dịu dịu hoàng hôn
Cuối trời một khoảnh trăng non

Tiếng ve len vào giấc mơ của con
Có mùa thi pháp phòng ngực hạ
Có cánh rừng hoang sơ, nàng công chúa ngủ vùi trong
hang đá
Hoàng tử đi săn lạc vào vương quốc lạ
Như một phép nhiệm màu, công chúa trở mình rợn rã
khúc ve ngân

Chiều con học về, tiếng ve chờ mùa lắng một góc sân
Chờ ba ngược miền hoài niệm
Tháng năm cao nguyên tím một trời sim tím
Làn môi nào ngọt lịm
Ba đánh mất tuổi mình, để bây giờ mỗi hạ về nuối tiếc
giọt sim rơi

Khúc ve chiều nay chơi vơi
Mùa thi nắng tràn trang giấy
Ba ước làm con gió thổi vào giấc mơ con cho khát khao
bừng cháy
Ước tan vào tiếng ve, lần về phương ấy
Nhật kí ức một thời vụng dại... tháng năm ơi!

Thắp lửa thắp Tư

TRƯỜNG KHÁNH

Đốm lửa nào bật sáng,
Trong đêm đen trần lao,
Ánh lửa hào quang rạng,
Chiếu suốt, và thâm cao.

Đây ánh sáng Giác ngộ
Soi đêm dài vô minh,
Lúc ánh dương hiển lộ,
Sáng khắp cõi hữu tình.

Thắp Tư về thắp lửa,
Chiếu rọi ánh từ quang,
Hoa Vô ưu bừng nở,
Chư thiên đồng cúng dường.

Con quỳ đây lạy Phật,
Lạy gương sáng nhân từ,
Ngài về trong lẽ thật,
Tòa Niết-bàn vô dư.

Lửa thắp Tư huyền nhiệm,
Nâng gót Phật vào đời,
Thắp Tư về thánh thiện,
Giữa biển khổ đầy vui.

Nhớ chùa

THANH TÂM

Không đến chùa
Sao lòng ta thấy nhớ
Nhớ làm sao... khi vắng tiếng chuông ngân
Nhớ lắm
Chiếc lá vàng
Rơi...
Trước ngõ
Nhớ những lúc cầm chổi quét ngoài sân.

Không đến chùa - sao lòng ta thấy nhớ
Nhớ đồng hương nhớ đạo hữu thân thương
Nhớ cơm chùa nhớ mùa chay đạm bạc
Nhớ tiếng kinh tiếng kệ nhớ mùi hương.

Không đến chùa
Sao lòng ta thấy nhớ
Nhớ đôi chim hót tận mãi cuối sân
Nhớ các cháu
Đùa - vui trong giờ nghỉ
Nhớ thương sao
Từng giọt nắng băng khuâng.



Phượng

NGUYỄN DŨNG

kìa phượng vĩ!
sao nhuộm hồng đôi má
cho em tôi lúng liếng núng đồng tiền
sao nở nhuộm
đôi môi hồng màu đỏ
để đường về khe khẽ nụ cười xinh

và từng chiều anh bước theo em
em cứ hồn nhiên
cho hè bao sắc thắm
phượng vô tình
rơi miên man say đắm
anh từng ngày gom góp dấu phượng rơi

và anh về dệt mộng trên môi
đêm cánh phượng
chập chờn bên giấc ngủ
đêm màu phượng lấp đầy vũ trụ
Nỗi nhớ người
thao thức những vì sao

rồi từ đó...
phượng như giấc chiêm bao
cứ xa dần, xa dần theo năm tháng
anh đi vào đường hành quân không thời hạn
em theo chồng
bỏ phượng tím chiều loang

và chiều nay
ta bắt gặp phượng rơi
màu cứ đỏ như ngày xưa phượng đỏ
tiếng ve sầu kêu than qua lối nhỏ
anh thần thờ...
nhặt cánh phượng rơi rơi.

Sóng trong lòng

THANH NGÂN

Ngày Tin về thăm ngoại là lúc lúa vừa được gieo cấy xong, các cây con vươn lên khỏi mặt đất hơn cả gang tay. Dọc con đường làng men theo đồng lúa mới, những ngọn lúa xanh mơn mớn tung tăng nhảy múa;

xa xa, các cơn gió lả lơi từ sườn núi liên tục thổi về. Tin thích được nhìn thấy sóng lúa mềm mại, êm ả dập dềnh giữa không gian bao la như thế này. Hình ảnh ấy làm cậu nghĩ đến những con sóng mà mỗi dịp theo bố đi đánh bắt xa bờ, Tin thường đứng trước mũi thuyền, lắng nghe



tiếng vỗ nhịp nhàng vào mạn như lời thì thầm của biển. Thật kỳ lạ, xa nhà cả trăm cây số, Tin vẫn tìm thấy được chút cảm giác thân quen nơi quê nhà. Tin thích khí trời khoáng đãng, trong lành nơi đây, thích sự ưu ái như muốn chiều lòng cậu con trai đến từ miền biển đầy nắng gió. Trong Tin là cảm giác bình yên, thanh thoát khó tả.

Đặt chân lên miền quê hiền hòa này, Tin vẫn duy trì thói quen nhắm mắt lại, ngước mặt lên nền trời xanh trong và dang rộng hai tay như muốn hứng lấy từng đợt gió thoảng của buổi sớm mai...

- *Tin về đây phải không con? Bà Sáu ơi, con anh Sơn về rồi này, ra mà đón cháu ngoại lớn nhé!*

Tiếng chào vốn đã quen thuộc của chú Tư ở bên cạnh nhà ngoại làm Tin giật bắn người. Tin không rõ chú Tư bước ra từ đâu, cho đến khi nhìn thấy dáng ngoại đứng lên sau đám ruộng phía trước mặt. Cậu kịp định hình và quay sang cúi chào đáp lễ.

- *Tin về đây à! Về nhà đi, lát bà về sau!*

- *Dạ, để con giúp ngoại một tay!*

- *Bà xong rồi, đang chuẩn bị về đây, cháu về rửa mặt mũi chân tay và nghỉ ngơi đi, rồi chờ bà về thổi cơm cho mà ăn!*

Chú Tư bước lên bờ, quần vẫn còn xắn ống thấp ống cao, tiến đến chỗ Tin, vỗ vỗ mạnh vào bờ vai săn chắc của cậu:

- *Ôi chao, anh Sơn nuôi chú mày giỏi nhỉ? Lớn thế này rồi cơ đấy! Về đây ăn cơm núi vài hôm xem thử có lớn hơn nữa không nào!*

Tin cười thích chí trước cái kiểu hỏi thăm mộc mạc, chân chất của chú:

- *Chú Tư có vẻ với con luôn không?*

- *Về đi, lát tao về với bà ngoại mày sau!*

- *Dạ, vậy con đi trước!*

Tin ngoái nhìn ngoại vẫn đang cặm cụi cấy lại vài chỗ lúa thừa, cậu nói với theo:

- *Ngoại ơi, con về trước!*

- *Ừ... , cha bố anh, về nhanh kẻo nắng!*

Đường vào nhà ngoại quanh co, nhiều ngã rẽ. Ngày bé, Tin không nhớ nổi mình đã đi lạc trên con đường cứ ngỡ quen thuộc ấy bao nhiêu lần. Hai bàn tay chắc hẳn không đủ để cậu đếm. Nghĩ đến thật xấu hổ, người tìm ra Tin luôn là bé Ni, con gái của chú Tư. Bây giờ thì khác. Tin đã lớn, dù có cố tình đi lạc, cậu vẫn dễ dàng tìm được lối về. Có cái gì đó thân quen, thân thương, ăn sâu vào máu thịt.

Bé Ni nhỏ hơn Tin sáu tuổi. Đó là một cô bé dễ thương, có đôi mắt sáng, khuôn mặt tròn như trăng rằm tháng Tám, lại thêm tính tình ngoan ngoãn; quả thật, với vẻ đẹp thánh thiện ấy, Ni đã lấy lòng tất cả phụ huynh xóm này. Chính mẹ của Tin cũng thường khen cô bé như thể cô ấy là con gái của mình vậy. Chỉ có điều, Ni bị bại liệt hai chân từ nhỏ, mọi hoạt động của cô bé phải gắn với chiếc xe lăn do một nhà hảo tâm mua tặng. Xóm này, ai cũng tiếc và thương mỗi khi

nghĩ về điều thiệt thòi quá lớn ấy của Ni. Thế nhưng, một khi biết chấp nhận, người ta lại cảm thấy hạnh phúc vì sự hiện diện của Ni nơi xóm nhỏ này - một cô bé luôn thường trực nụ cười trên môi.

- *Anh Tin, anh Tin ơiiiiiii!*

Tiếng bé Ni kéo Tin bước ra khỏi suy nghĩ của mình. Tin ghé vào nhà chú Tư. Nghĩ cũng ngộ, trừ những lần về quê cùng với bố mẹ, thì lần nào Tin về một mình cũng bị cô bé chen ngang, bắt buộc Tin phải vào nhà chơi! Bước vào bậc cửa, Tin cười phá lên:

- *Chị hai của chú Tư linh nha, anh vừa mới nghĩ đến cô xong!*

Ni đưa tay đẩy nhịp nhàng hai bánh xe lăn ra ngoài thêm. Cô bé lém lỉnh nhìn Tin không chớp mắt:

- *Anh nghĩ gì về em thế?*

- *À, anh nghĩ, may là lần này anh không bị lạc đường, nếu không lại làm phiền đến cô hai phải đi kiếm anh nữa!*

Cả Tin và Ni cùng cười, tiếng cười đánh tan không khí im ắng của căn nhà trống vắng. Căn nhà đơn sơ với chỉ vài vật dụng cũ kỹ, nếu không có sự xuất hiện của Ni chắc hẳn sẽ ảm đạm, tẻ nhạt biết bao. Có lẽ, sự vui vẻ, hồn nhiên của cô bé chính là động lực của chú Tư, là niềm an ủi để hai cha con nương tựa nhau mà sống. Từ ngày Ni chào đời, mẹ cô bỏ đi biệt tăm. Có lẽ, tình yêu của chú Tư không đủ lớn để làm cho mẹ cô bé đủ tin tưởng rằng gia đình bé nhỏ ấy sẽ bước qua cảnh nghèo đói, vượt qua nỗi đau khi sinh ra một người con tật nguyền. Tin nghe ngoại kể lại, sau khi mẹ Ni bỏ nhà đi, chú Tư cứ suốt ngày say xỉn, chẳng biết trời trăng mây gió, người lúc tỉnh ít hơn lúc mê. Chỉ có đứa bé là tội nghiệp, Ni khát sữa cứ khóc oe oe mãi. Ngoại Tin thở dài, trần trụi nghĩ đến những ngày xưa cũ. Ngày ấy, bà con xóm làng người góp công, người góp của vì thương cảnh "gà trống nuôi con" và xót cho bé gái không may mắn. Nhờ vậy mà chú Tư cũng tỉnh ra dần, bắt đầu chí thú làm ăn để lo cho con gái. Ni càng lớn càng giống mẹ, cô bé mang vẻ đẹp xinh xắn, trắng trẻo của một cô gái quê mộc mạc, dung dị, điều đó làm chú Tư cảm thấy đau nhói mỗi lần nhớ về vợ. Có những nỗi đau tưởng chừng đã lành nhưng đôi lúc lại gây nhức nhối, mà... chỉ có tình cha con mới có thể chế ngự.

- *Anh Tin! Anh đang nghĩ gì vậy? Anh Tinnnn!*

Ni vừa gọi vừa quơ tay trước mặt Tin. Cậu chỉ biết cười.

- *Anh Tin về đúng dịp có sóng lúa nữa nhì? Hôm nào anh dẫn em ra xem nữa nhá!*

- *Ừ, chiều mình đi cho mát!*

- *Thôi, giờ anh về đã, chiều anh sang nhé nhóc!*

- *Dạ!!!*

Tin bước ra ngõ, quay sang đóng lại cánh cổng tre mà chú Tư đã cột kỹ lưỡng trước khi đi làm. Bé Ni vẫn nhìn theo Tin, vẫy vẫy tay chào tạm biệt. Thật sự, mỗi lần nhìn cô bé, Tin luôn cười. Một phần là cười theo vẻ hồn nhiên, tình nghịch của Ni, một phần là trong tâm cậu muốn cười thật nhiều, thật tươi. Cười để cô bé

luôn cảm thấy cuộc sống tươi đẹp và mọi người xung quanh yêu thương em ấy đến nhường nào. Tin đã làm theo cách mà bà con chòm xóm nơi đây vẫn làm mỗi lần gặp em. Và rồi, ai cũng cho rằng Ni là cô búp bê không biết buồn, là một cô bé hạnh phúc. Tin cũng từng định ninh như vậy. Cho đến cái ngày, Tin chờ cô bé đi dạo quanh làng trên chiếc xe đạp cà tàng mà chú Tư vẫn hay đi làm đồng. Cô bé thủ thỉ giữa tiếng cộc cạch phát ra:

- Anh Tin, em muốn đến biển,...nhìn sóng biển, sóng biển chắc sẽ hay hơn sóng lúa anh Tin nhỉ... vì em nghe người ta bảo, nó có tiếng...

- Ủ! Người ta nói đúng đó Ni!

Tin khẳng định. Tự dưng, giọng Tin cũng trầm hẳn, có gì đó như lắng đọng.

-... Và... để em tìm mẹ, nhìn mẹ một lần thôi là quá đủ...

Không biết cô bé đã cố gắng như thế nào để giấu đi những mong muốn nhỏ nhoi ấy vào tận đáy lòng mà không ai biết, không ai hay cô bé đang buồn. Câu nói vu vơ thốt ra khiến Tin chột dạ, lúng túng. Nghe đâu, người ta đi buôn bán dưới xuôi gặp, họ nói, mẹ Ni ở gần biển và cũng có một gia đình hạnh phúc với hai đứa con trai đáng yêu, lành lặn. Người trong xóm rí tai nhau như một bí mật. Tin cũng không lấy làm lạ khi cô bé biết được. Bởi hơn ai hết, Ni có một trái tim nhạy cảm. Có lẽ, từ ngày đó, cô bé thường nghĩ đến mẹ. Tin cảm thấy lưng mình nóng hổi, cô bé ôm lưng Tin thút thít sau câu nói nặng trĩu ấy. Tin gần như bị động, con búp bê không biết buồn giờ đây đã chẳng thể kiểm chế cảm xúc của mình. May mắn lớn nhất của Tin khi ấy là không phải đối diện với Ni, Tin sợ mình luống cuống, chân tay vướng víu. Hôm đó, Tin chỉ biết dạo theo lời một bài hát quen thuộc do nhạc sĩ Vũ Hoàng phổ nhạc từ thơ Đỗ Trung Quân:

"Những chiếc giỏ xe chở đầy hoa phượng / Em chở mùa hè của tôi đi đâu? Chùm phượng vĩ em cầm là tuổi tôi mười tám / Thuở chẳng ai hay thầm lặng mối tình đầu..."

Tin hát, chỉ để Ni có thể khóc thành tiếng. Tiếng hát giấu đi tiếng khóc. Tin tự nhủ với mình: *"Cuối cùng thì em ấy cũng đã khóc được"*.

Chiều buông xuống, bóng ngả như ủng hộ Tin. Tin sang nhà chú Tư. Ni đang tự đẩy xe lăn đi qua đi lại trước cổng nhà như đang đợi. Vừa thấy Tin, cô bé háo hức:

- Á, anh Tin! Mình đi thôi, em chờ mãi cả rêu rồi đây! Cô bé tinh nghịch.

- Thôi đi cô hai, có rêu đâu mà mãi! Nào, mình đi thôi!

Trên con đường làng, hai dáng người in bóng ngược hướng mặt trời lặn. Hai anh em ra đến đoạn cánh đồng thì dừng lại. Buổi chiều, gió lồng vào từng kẽ lúa làm nổi lên những con sóng lúa tuyệt đẹp. Tin ngồi xuống bên xe lăn. Cả hai nhìn theo những gợn sóng lúa thay nhau thổi về phía họ. Tin phá vỡ bầu không khí ấy:

- Sóng biển cũng đua nhau vỗ vào bờ như thế này này, nhóc à!

- Vậy sao anh?

- Ủ!

- Nhưng... em còn muốn nghe tiếng sóng hát cơ!

Đưa tay lấy ra một cái vỏ ốc lớn từ trong túi áo khoác,

Tin áp nhẹ vỏ ốc vào tai cô bé:

- Em nghe thấy không? Tiếng sóng vỗ đấy!

- Sóng hát ư?

- Ủ, sóng hát!

Ni lặng im, cô bé lắng nghe những đợt sóng đang vỗ về tai mình. Lắng nghe ước mơ được nhìn thấy biển mà cô bé ấp ủ bao nhiêu năm nay. Tin biết, mỗi khi Tin về với vùng biển, Ni đều nhìn theo bóng cậu cho đến khi khuất dần. Mỗi lần như vậy là thêm một lần, Ni biết thế giới của mình chỉ quanh quẩn đâu đây.

- Nhưng anh Tin ơi, còn mẹ em?

Lời của cô bé làm tim Tin đau nhói. Tin biết làm được gì cho Ni đây. Nhìn những giọt nước mắt bắt đầu lăn dài trên gò má đỏ ửng của Ni, Tin lại bối rối.

Bất giác, Tin đưa tay đặt nhẹ lên bờ vai Ni. Như một thoáng điện giật, Tin rung mình rạo rực và cảm nhận dường như Ni cũng có cảm giác nào khác lạ, ấm áp... Rồi cậu kịp trấn tĩnh nhắc tay ra, nói lên lời an ủi:

- Sao thế này nhóc, ngoan nào, đừng khóc chứ!

- Anh Tin ơi, em muốn gặp mẹ lắm, có phải vì em bị như thế này mà mẹ không cần em không anh Tin? Tiếng khóc của cô bé càng trở nên nức nở hơn.

- Không có đâu Ni, bà có lí do của bà mà em, rồi mẹ em sẽ về tìm em thôi! Như sóng biển đây này!

Tin chỉ tay vào chiếc vỏ ốc đang được nắm chặt trên tay cô bé, như thể cô bé sợ nó sẽ tuột khỏi tay mình. Tin nói tiếp:

- Sóng biển sẽ tìm đến em... Tin anh đi!

Ni vừa khóc, vừa gật gật mái đầu làm lắc lư hai bím tóc mà chú Tư đã thắt cẩn thận trước đó. Có vẻ như chú Tư đã cố gắng rất nhiều để gánh luôn vai trò của người mẹ. Ngỡ tưởng Ni đã quen với điều đó nhưng hóa ra, trong cô bé lại ẩn chứa một khoảng lặng vô ngôn. Tin biết, Ni không buồn vì khuyết tật của mình, cho đến khi cô bé nghĩ đó là lý do mẹ mình cất bước rời bỏ hai cha con. Tin nhận ra, tình cảm của người cha tốt như chú Tư, dù ấm áp đến đâu, vẫn rất khó để bù đắp, hay xóa đi được uẩn khúc trong lòng con bé... Tin thở dài, nghe lòng nặng nề.

Nhìn những con sóng lúa đang uốn lượn, Ni đưa vỏ ốc lớn áp sát vào tai, ánh mắt hướng về một nơi xa xăm nào đó. Tin nhìn Ni, Tin mong một ngày mẹ em quay về, để hạnh phúc của cô bé sớm được đông đầy... Tin gửi vào gió:

- Mong ai ai ra đi cũng hãy nhớ một lần quay nhìn lại!

- Anh Tin nói gì thế?

- À, không, mình về thôi Ni, trời sắp tối rồi!

Tin đẩy nhẹ chiếc xe lăn, hai anh em im lặng, luyến tiếc nhìn theo sóng lúa đôi bờ... ■



Cội tùng Bạch Mã

Bài & ảnh: LÊ VŨ TRƯỜNG GIANG

Bạch Mã có mối lương duyên thuần khiết với mây, đến cái tên gọi cũng bắt nguồn từ những áng mây quanh năm quấn vu trên chóp núi. Tích xưa kể rằng, nơi đỉnh núi cao vời vợi ấy, cảnh nguyên sơ đẹp như chốn đào nguyên khiến các vị tiên trên trời rất thích thú. Họ thường cưỡi ngựa trắng xuống núi đánh cờ, bày cuộc vui giữa non nước hữu tình. Khi các tiên ông mãi mê ngồi thi tài, họ đâu biết đàn ngựa cũng lang thang đi tìm cỏ non rồi đi xa mãi bàn cờ. Trận cờ kết thúc, các vị tiên gọi ngựa nhưng chẳng thấy đâu. Đợi ngựa lâu không được, các tiên ông đành phải tự bay về trời. Đàn ngựa từ đó vô chủ, lang thang khắp núi rừng, hóa thành những đám mây trắng quanh năm vờn núi. Những đám mây đó hết như đàn ngựa trắng chờ chủ đến gọi về, chờ mãi cho đến tận bây giờ. Người nghĩ ra tích này ắt phải là kẻ muốn chặn mây trên chốn tiêu sơ và tên gọi Bạch Mã (ngựa trắng) ra đời từ đó. Núi được mây ôm ấp vào lòng, tô dáng núi đậm đà giữa nước non. Núi như mọc ra từ mây, mây khoác tên vào núi, mây núi quyện vào nhau còn mãi với đất trời.

Điều ngẫu nhiên là ở Bạch Mã cũng có một ngôi chùa lấy tên Bạch Vân mới được phục dựng gần đây. Trong một

lần đi khảo sát thực địa vào năm 2007, ông Huỳnh Văn Kéo, Giám đốc Vườn quốc gia Bạch Mã và sư Quảng Trí đã tìm được một bức tượng Phật và dấu tích nền chùa cổ, cho đến nay vẫn chưa xác định niên đại cụ thể ra sao nhưng chắc chắn là trước khi người Pháp lên đây khai thác nghỉ dưỡng. Một ẩn tăng nào đó đã tìm chốn thâm sơn cùng cốc để dựng am tu tập, lánh xa nhân thế rồi chìm khuất vào những áng mây trắng Bạch Mã. Chuyện phát hiện dấu tích chùa cổ lan nhanh trong nhân dân, được Phật tử thập phương đóng góp công đức dựng nên ngôi chùa mới lấy tên chữ là Bạch Vân tự. Ngôi chùa nhỏ dễ tìm dọc đường lên Vọng hải đài, gần biệt thự Phong Lan và nhà máy nước Bạch Mã. Những tượng Phật bằng đá trầm mặc tọa lạc bên sườn núi, sau lưng là cỏ cây xanh ngát. Dừng bước nơi đây tâm người bộ hành thư thái, ân hưởng chút pháp lành nơi núi cao xanh thẳm.

* * *

Vùng quần sơn Bạch Mã vốn nổi tiếng về tài nguyên đa dạng sinh học với nhiều loài động – thực vật quý hiếm. Đây là một khối hoành sơn tiếp liền dãy núi Trường Sơn, có phương vị chung của khối hoành sơn này là Tây Đông và mỏm núi cực Đông đưa ra tận bể, tại mũi Sơn Chà. Trong các đỉnh của quần sơn, đỉnh

Bạch Mã cao nhất, tới 1.450m, các đỉnh khác thấp hơn như núi Truồi cao 1.154m, hòn Cháy 1.385m... Các tài liệu nghiên cứu địa chất của người Pháp cho rằng đây là một khối khá thuần thuộc đơn vị kiến tạo địa khối Indosinia. Căn bản địa chất của khối gồm nham thạch hoa cương và sa thạch đỏ thuộc nguyên đại đệ nhất.

Bạch Mã là một kho tàng quý báu về thảo mộc và cầm thú. Rừng ở đây còn giữ bản chất nguyên thủy. Chính núi cao đã cứu rừng vì độ dốc dựng đứng khó khai thác, không bị nạn du canh du cư tàn phá. Trên những chóp núi đỏ, thực vật cực kỳ phong phú, từ rừng đến diệp loại. Đi quanh các con đường mòn trong rừng hay chỉ cuộc bộ dọc đường chính cũng đủ thấy tầng tầng lớp lớp thực vật phong phú các loài. Ví như cây Kim giao, tên khoa học là *Podocarpus neiifolius*, được cho là có khả năng phát hiện và khử chất độc. Ở độ cao lý tưởng, cây kim giao sinh trưởng rất nhanh. Thứ cây có giá trị cao nên người dân đua nhau chặt trộm làm đũa. Rồi những chòm dương xỉ thụ dạng, cho ta cảm giác như đang đứng vào kỷ Jura với những kiểu dáng thực vật cổ sinh đầy hình tượng.

Đẹp nhất phải kể đến những cây hoàng đàn giả hay còn gọi là rừng Bạch Mã có dáng vẻ khẳng khiu, màu lá xanh đậm, lạnh. Loại thực vật lá kim, quanh năm xanh tốt, không mấy khi không rụng lá, và đặc biệt là nếp “kiếm giản” đối với nước, một phẩm chất cao quý mà con người mong ước. Một bóng rừng cheo leo bên dốc núi, cảnh khẳng khái vươn ra giữa ngàn mây. Người xưa mượn rừng để nói lên cái khí tiết của trượng phu, “*Tuyệt bất hàn, vô dĩ tri rừng bách*”, đông không lạnh, làm sao biết được là rừng là bách. Có giai thoại cho rằng Tào Tháo, người sáng lập triều Ngụy cuối thời Tam Quốc bên Trung Hoa, đã phong quan, đội mũ cho rừng cổ thụ, gọi là rừng trượng phu. Nguyễn Trãi xếp rừng vào một trong ba người bạn của tiết lạnh (rừng, trúc, mai): “*Cội rễ bên đời nào chẳng động/ Tuyết sương thấy đã đọng nhiều ngày*”. Rừng Bạch Mã phong trần cùng giá lạnh, gìn giữ cốt cách với tiết trời quanh năm lạnh lẽo nơi núi cao. Cây mạnh mẽ cắm rễ sâu vào đá sỏi, cành quẩy gánh tang bồng với nước mây, lá xanh muôn thuở, trầm ngâm thấu chuyện nghìn thu. Rừng giờ được nhân giống dọc đường lớn, những lối mòn Ngũ Hồ, xuống thác Đỗ Quyên đều thấp thoáng bóng rừng nơi bờ đá. Ngắt một lá vên về để nghe lá tỏa mùi thơm thanh cao như thứ *trầm hương* để chịu xông nơi cánh mũi. Tôi ngồi dưới

cội rừng bóng đổ, hưởng chút phong lâm của cổ mộc đứng đầu cây trăm họ. Ba-lô trên vai trút xuống đất, thứ hành trang đánh dấu ta chẳng thuộc về nơi này với trăm thú của nhân sinh. Thế cuộc ngoài kia vẫn chảy không ngừng, thuộc về hay không thuộc về cũng chỉ là bèo trong ao, bèo đầu dạn dĩ để đủ như rừng đứng giữa trời mà reo. Cái chí phóng lãng - không dính mắc của người xưa thật đáng mong cầu.

Lối mòn quanh co trước mặt rồi mất hút vào xa xăm của cây lá. Một người đi giữa rừng bắt gặp lối mòn tức thì mừng rỡ vì tìm được đường đi, lối ra.

Có lần chúng tôi đi lang thang xuống Ngũ Hồ, hôm ấy trời mù mịt suốt một ngày dài. Đường xuống Ngũ Hồ thăm thẳm bậc dốc, cây lá bốn bề đặc một màu trắng sữa. Lang thang từ hồ này qua hồ khác, mỗi chân nghỉ bên bờ đá, tôi đưa tay bứt một ngọn cỏ lập lờ mặt nước, đưa lên mũi ngửi, chao ôi thơm mùi quen thuộc. Chợt nhớ lời anh bạn, ở Bạch Mã, dọc những bờ suối, loài thạch xương bồ sống rải rác đó đây. Thứ cây được người Huế cho là đã làm thơm dòng sông chảy qua kinh thành nên sông mới có tên Hương. Tìm thấy thạch xương bồ thật là một cuộc hạnh ngộ không gì bằng trên chốn núi cao thẳm này. Thạch xương bồ Bạch Mã mọc thành bụi nhỏ, nhìn xa giống như cỏ ấu, dáng đậm, mùi thanh nhã. So với thạch xương bồ các nơi, giống thạch xương bồ ở đây có dáng cây đậm hơn, lá to chắc khỏe, lá già còn cho hoa cỡ đầu ngón tay màu xanh nằm giữa thân lá. Cuộc sống nơi núi cao, suối thác khiến sức lực nó kiên cường hơn. Bờ suối thơm nơi những bụi thạch xương bồ chen chúc nhau mọc. Loại cây này có sức sống bền bỉ, không cần nhiều đất, chỉ cần nhúng một phần rễ trong nước, rễ khỏe mạnh len lỏi vào kẽ đá giữ chân qua ngày tháng cứ thế mà sinh trưởng. Ngửi mùi thạch xương bồ quen thuộc, cảm giác giống như chúng tôi đang ở bên sông Hương, lững lờ những ngày quen thuộc.

Tiếng chim gọi chiều lẻ loi, có thứ gì đó khao khát trong tôi. Vực mặt xuống dòng nước trong vắt không một bụi bần, cả nguyên sơ thức giấc trình nguyên. Tôi om chút nước đưa lên miệng uống cả núi rừng, cây lá, uống cả màu đỏ quỳên đỏ thắm chiều hôm. Có tiếng vượn hú xa xăm. Rừng lạnh. Tôi vẫn còn nghĩ đến chóp núi cô đơn. Giá mà được ngồi nghe bầy vượn già kể chuyện liêu trai, kể những tháng năm núi già khóc than hiu quạnh. ■



Lời cảm ơn cuộc sống

Nghे tin vợ chồng đưa con trai mới tậu được một căn nhà nhỏ ở thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, tôi nóng lòng muốn lên thăm xem các con tôi sinh hoạt thế nào. Đợi con về rước lên thì biết chừng nào chúng nó mới rảnh. Lại nghe loáng thoáng chúng nó nói, để mua được cái nhà, chúng đã phải vay thêm tiền ngân hàng; vậy là hai vợ chồng nó cũng phải nai lưng ra cày để trả tiền vay chứ. Rồi còn chuyện con cái học hành, đâu để gì chúng bỏ chỗ ăn chỗ ở chỗ làm mà đi ngay cho được.

Nghĩ tới nghĩ lui, tôi quyết định lên Sài Gòn. Ông bà mình xưa vẫn nói, “đường đi ở cửa miệng”. Chúng nó đã cho cái địa chỉ cụ thể rồi thì mình cứ tìm lên tới nơi rồi đi hỏi đường, chớ có chi mà sợ; mà nếu lỡ trắc trở thì còn mấy cái số điện thoại di động của tụi nó nữa mà! Lại nữa, từ Cần Thơ về Sài Gòn, bây giờ đã có cây cầu, đâu phải chờ “bắc” như ngày xưa. Nghĩ thì nghĩ vậy, mà tôi vẫn lo lo. Đã lâu rồi không đi xa, tôi cũng già cả lẫn cần mất rồi, mà Sài Gòn thì mệnh mông, lại còn phải đi từ Sài Gòn tới Dĩ An nữa chớ. Nhưng rồi tôi vẫn quyết chí ra đi.

Thế là tôi ra bến xe mua vé xe đò lên Sài Gòn. Lên ngồi trên xe, hỏi thăm thì người ta nói đi Dĩ An có gì mà khó, bà kiểm chiếc xe buýt Sài Gòn-Dĩ An, nó đưa bà tới nơi cái một chỗ gì đâu. Trả lời vậy đó, mà hỏi xe buýt nào đi đường Sài Gòn-Dĩ An thì người ta không biết.

Xuống đến bến xe miền Tây, tôi đang lui cui thì một cậu thanh niên tiến lại hỏi, “Bác muốn tìm xe buýt đi Dĩ An phải không?”. Thì ra trong lúc ở trên xe, cậu ta ngồi phía sau cách mấy hàng ghế, nghe tôi hỏi tìm xe buýt đi Dĩ An, cậu ta biết nhưng ở xa quá nên không chỉ được.

Bấy giờ cậu thanh niên ấy xách giúp tôi mấy cái giỏ quà, biểu tôi đi theo để ra tới trạm xe buýt cách đó không xa lắm, dặn tôi rành mạch, chờ chuyển xe buýt số 10 đến thì leo lên, bảo người ta cho xuống Hàng Xanh, rồi ra trạm xe buýt ở Hàng Xanh, chờ thấy xe buýt số 93 hay số 616 thì leo lên đi tiếp. Cậu ấy ghi hẳn mấy cái số hiệu xe vào một tờ giấy đưa cho tôi. Vừa ghi xong thì chiếc xe buýt số 10 trờ tới, cậu ấy lại giúp mang giỏ xách lên xe cho tôi và dặn tiếp viên xe buýt nhớ cho tôi xuống Hàng Xanh rồi mới quay lưng đi công việc của mình. Hôm ấy, tôi đi theo đúng lời căn dặn của cậu thanh niên và đến được Dĩ An, tuy không là cái một nhưng cũng chẳng mấy khó khăn. Tới Dĩ An, tôi gọi điện thoại cho con trai tôi. Nghe nói tôi đang ở bến xe Dĩ An, con trai tôi giật mình, biểu tôi chờ một chút nó sẽ chạy ra đón. Về đến nhà, hai vợ chồng nó khen tôi quá chừng.

Ông bà xưa nói, “đi một ngày đàng học một sàng khôn”, quả thiệt, tôi nhận ra bà con mình coi vậy mà rất tốt bụng. Lại nữa, hệ thống xe buýt bây giờ thật tiện lợi mà các tiếp viên cũng chu đáo, tận tình, thấy tôi già cả, họ cũng quan tâm. Có được chuyển đi suôn sẻ, tôi thực tình biết ơn cậu thanh niên đã giúp đỡ tôi hết lòng và chỉ bảo tôi thật chi tiết; tôi cũng cảm ơn xã hội đã tổ chức một hệ thống vận tải hành khách khá tiện lợi.

Nguyễn Thị Năm, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ



ĐC: 69/5E, đường Nhà Vàng,

Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

ĐT: 08.37181818 - 01.222.999.666 - 01.666.000.666

Website: thienphuthao.com Email: dkthuthao@gmail.com



THIÊN PHÚ THAO là nơi chế tác tượng Phật đáng tin cậy!
Vì Sản Phẩm luôn được bảo hành mãi mãi...!

Kính gửi Báo Văn Hóa Phật Giáo

TP.HCM, ngày 30 tháng 5 năm 2015

Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch *Hoa Sen* xin gửi tới Báo *Văn Hóa Phật Giáo* lời chào trân trọng và xin cảm ơn sự đồng hành và giúp đỡ của quý báo với chúng tôi trong thời gian qua.

Như quý báo và đông đảo Phật tử đã biết, ông Lê Phước Vũ là một Phật tử chân chính, một lòng hướng thiện. Trong những năm qua, với cái tâm của một Phật tử mộ đạo, ông Lê Phước Vũ đã thành lập Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch *Hoa Sen* đã được UBND tỉnh Lâm Đồng chấp thuận đầu tư dự án tại địa bàn xã Đa M'ri, huyện Đa Huoai, Lâm Đồng với mục đích trồng rừng, quản lý và bảo vệ rừng kết hợp với du lịch sinh thái văn hóa tâm linh với tâm nguyện để lại cho thế hệ sau một công trình tôn giáo mang giá trị nhân văn sâu sắc.

Vừa qua, trên mục xã hội của báo điện tử *Một Thế Giới* có đăng bài viết *Dân xã Đa M'ri năn nỉ đại gia Lê Phước Vũ "là Phật tử thì đừng ép dân"* của phóng viên Lê Ngọc Dương Cầm. Chúng tôi nhận thấy bài báo đăng thông tin một chiều chưa có tính xác thực, phản ánh sai sự thật, không có tinh thần xây dựng, gây hiểu nhầm trong dư luận, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch *Hoa Sen* cùng thanh danh của Phật tử Lê Phước Vũ, cụ thể:

1 Bài báo giật tít *Dân xã Đa M'ri năn nỉ đại gia Lê Phước Vũ "là Phật tử thì đừng ép dân"* nhằm mục đích xúc phạm danh dự và uy tín của cá nhân ông Lê Phước Vũ bởi lý do:

- Thứ nhất, Dự án trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái và văn hóa tâm linh được UBND tỉnh Lâm Đồng cấp cho Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch *Hoa Sen*, như vậy dự án này được cấp cho pháp nhân độc lập, tuy nhiên nội dung bài báo đề cập đến các hành vi với vai trò cá nhân ông Lê Phước Vũ.

- Thứ hai, bài báo sử dụng các ngôn từ không phù hợp, với mục đích công kích cá nhân, không có tinh thần xây dựng, xúc phạm đến tự do tín ngưỡng tôn giáo của cá nhân ông Lê Phước Vũ.

2 Bài báo viết thông tin một chiều:

Theo quy định của pháp luật về báo chí, nguyên tắc viết tin bài phải tiếp nhận thông tin nhiều chiều và tôn trọng sự thật khách quan. Tuy nhiên các nội dung trong bài báo chỉ phản ánh các ý kiến của một số hộ dân sống trong khu vực, phóng viên hoàn toàn không có sự liên hệ trực tiếp với chủ đầu tư là Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch *Hoa Sen*, các cơ quan nhà nước là UBND tỉnh Lâm Đồng và huyện Đa Huoai để kiểm chứng thông tin, từ đó dẫn đến thông tin được phản ánh một chiều và sai sự thật, cụ thể:

○ Thứ nhất, bài báo viết "Ông Lê Phước Vũ chiếm giữ con suối duy nhất là nguồn nước phục vụ tưới tiêu nông nghiệp cũng như sinh hoạt cho 32 hộ dân", điều này hoàn toàn sai sự thật vì:

- Dự án trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái và văn hóa tâm linh được cấp cho Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch *Hoa Sen*, tuy nhiên nội dung bài báo đề cập tới việc ông

Lê Phước Vũ chiếm giữ con suối là hoàn toàn không đúng sự thật.

- Theo quy hoạch thực hiện dự án đầu tư, con suối hiện tại đang nằm trên diện tích đất thuộc dự án và là phần quan trọng quyết định việc lựa chọn địa điểm để triển khai dự án. Cũng theo thông báo kết luận số 103/TB - UBND ngày 15/5/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng đã chỉ đạo: "Do tính chất đặc thù của dự án, **nguồn nước này (con suối) là cốt lõi của dự án. Do vậy nguồn nước này sẽ được sử dụng phục vụ cho nhu cầu của dự án**". Vì vậy, việc Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch *Hoa Sen* được toàn quyền sử dụng con suối là hoàn toàn đúng theo các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng và huyện Đa Huoai, chúng tôi hoàn toàn không **chiếm giữ con suối** như nội dung bài báo đưa tin.

- Nhằm tạo điều kiện cho Công ty sử dụng trọn vẹn con suối, cũng tại Công văn số 103/TB - UBND trên, UBND tỉnh Lâm Đồng đã chỉ đạo UBND huyện Đa Huai chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành khảo sát các nguồn nước khác phục vụ sản xuất nông nghiệp không chỉ cho 14 hộ dân nêu trên mà còn phục vụ sản xuất nông nghiệp trong vùng. Thực hiện thông báo trên, UBND huyện Đa Huai đã tiến hành tìm kiếm nguồn nước khác từ Suối Lớn cho các hộ dân để phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, đồng thời cũng cấp máy bơm nước và ống bơm nước cho dân sử dụng nhằm phòng chống cháy rừng. Ngoài ra, Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch *Hoa Sen* cũng hỗ trợ tiền dầu để dân sử dụng máy bơm phục vụ tưới tiêu và phòng chống cháy rừng. Như vậy dòng suối phục vụ cho dự án hoàn toàn không phải là nguồn nước duy nhất như báo đã đưa tin.

○ Bài báo đề cập tới thông tin "Phá nát con đường cũ, xây dựng con đường mới".

Theo quy hoạch của dự án, chúng tôi được cấp khu đất với tổng diện tích 428,8 ha, trong đó con đường cũ nằm trong diện tích đã được quy hoạch và cấp phép cho chúng tôi để thực hiện dự án. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho dự án, công ty TNHH Đầu tư và Du lịch *Hoa Sen* đã có văn bản số 17/2015/CTCT - DLHS đề nghị điều chỉnh hướng đường đi vào khu vực của dự án. Sau đó, ngày 13/4/2015, UBND Huyện Đa Huai đã có Công văn số 248a/UBND về việc đồng ý cho công ty TNHH Đầu tư và Du lịch *Hoa Sen* điều chuyển đoạn đường đất hiện hữu dài khoảng 600 mét qua phần đường nhựa do công ty đã thi công thảm nhựa mặt đường rộng 7 mét. Đồng thời giao cho UBND xã Đa M'ri thông báo cho nhân dân biết việc điều chỉnh hướng đường đi trên để nhân dân thuận lợi đi lại sản xuất.

Trong thời gian triển khai thực hiện dự án, tại khu vực đã xảy ra các vụ cháy rừng và các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, tài sản của Công ty. Vì vậy nhằm ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng, ngày 09/11/2011, UBND huyện Đa Huai có Công văn số 495/UBND đồng ý cho Công ty xây dựng barie nhằm bảo vệ và ngăn chặn những người có hành vi xâm hại



đến tài nguyên rừng và bảo vệ phòng cháy chữa cháy trong phạm vi quản lý rừng của công ty và khu vực lân cận. Việc xây dựng barie đã được Công ty triển khai từ năm 2011, được chính quyền và nhân dân ủng hộ, góp phần bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng. Việc lập trạm kiểm soát này hoàn toàn hợp pháp và không ảnh hưởng tới việc đi lại của người dân.

3 Thông tin do phóng viên thu thập được từ một số đối tượng quá khích có hành vi xấu đã được Công ty phản ánh với cơ quan công an.

Ngày 01/4/2015, Công ty đã có Công văn số 05/2015/CTCT-DLHS phản ánh việc một số đối tượng xấu đe dọa đến tính mạng và tài sản của Công ty.

Trước những thông tin sai trái trên, ngày 28/05/2015, Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen đã gửi công văn số 13/CV/DTDL/2015 yêu cầu Báo điện tử *Một Thế Giới* gỡ bỏ bài viết sai sự thật nêu trên, đồng thời đính chính thông tin và xin lỗi công khai theo quy định của Luật Báo chí Việt Nam. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại (12 giờ ngày 30/05/2015), Báo điện tử *Một Thế Giới* vẫn không có hành động đính chính thông tin về nội dung bài viết sai sự thật ngày 27/05/2015. Đồng thời, các thông tin sai trái này đã được lan truyền trên mạng xã hội như facebook, blog và các trang mạng phản động, xuyên tạc thành **hoạt động biểu tình của nhân dân chống lại chính quyền và nhà đầu tư**. Các thông tin sai sự thật trên đã làm dư luận hiểu sai, một số đối tượng quá khích đã lợi dụng để đăng các thông tin phản động nhằm tuyên truyền, công kích Đảng và Nhà nước.

Một nghịch lý có thể nhận thấy là trong khi các báo chính

thống của Nhà nước không đăng tin bài hay phản ánh vụ việc khi chưa rõ ràng, báo điện tử *Một Thế Giới* lại tiên phong đi đầu với mục đích và động cơ không trong sáng.

Chúng tôi cho rằng đây là các hành vi mang tính chất hệ thống nhằm kích động dư luận chống lại chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, làm mất uy tín của chính quyền địa phương, làm mất uy tín của nhà đầu tư là Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen và phương hại đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của cá nhân ông Lê Phước Vũ. Nghiêm trọng hơn, việc kích động này nhằm vào đối tượng là người dân khu vực Tây Nguyên - nơi có nhiều đồng bào dân tộc ít người đang sinh sống, vốn trình độ văn hóa và nhận thức còn hạn chế, họ dễ dàng hiểu sai về chính sách của Nhà nước và dự án của Công ty. Thêm vào đó việc đề cập đến vấn đề tín ngưỡng và tôn giáo cũng gây tác động tiêu cực, gây kích động, chia rẽ sự đoàn kết giữa các dân tộc và đoàn kết tôn giáo.

Vì vậy, bằng công văn này, Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen kính mong Báo *Văn Hóa Phật Giáo* có hành động thích hợp nhằm bảo vệ sự đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo và bảo vệ thanh danh của Phật tử Lê Phước Vũ.

Trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ DU LỊCH HOA SEN
GIÁM ĐỐC
KS.Trần Quốc Phẩm

(đã ký và đóng dấu)



Bảo tháp của Thiền sư Sơ tổ



HT thượng Huệ hạ Thông ban đạo từ



Lễ cúng dường trai tăng



TT.Thích Huệ Khai ôn lại đạo nghiệp của cố Thiền sư thượng HUỆ hạ LÂM



Ông Trần Xuân Kính, Phó Bí thư Đảng ủy xã Hóa An phát biểu



TT. Thích Huệ Ninh, trưởng ban tổ chức phát biểu tri ân và cảm tạ...

LỄ HÚY KỶ CỐ THIỀN SƯ thượng HUỆ hạ LÂM SƠ TỔ KHAI SƠN TẠO TỰ HIỂN LÂM SƠN TỰ (CHÙA HÓC ÔNG CHE) PL.2559 – DL.2015

Bài & ảnh: NGUYỄN BỔNG

Sáng ngày 17-4 Ất Mùi (03-6-2015), tại Tổ đình Hiển Lâm Sơn Tự tổ chức trang trọng **Lễ Húy kỷ cố Thiền sư thượng HUỆ hạ LÂM – Sơ tổ khai sơn tạo tự Hiển Lâm Sơn Tự lần thứ 70**. Quang lâm chứng minh buổi lễ có chư tôn Giáo phẩm, chư Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Ni trưởng, Ni sư trụ trì các tu viện, tự viện, thiền viện, tịnh xá trong địa phương, TP.HCM, các tỉnh bạn và các BTS thị thành. Về phía chính quyền có sự hiện diện của quý lãnh đạo đại diện Tỉnh ủy, Ban Dân vận và Công an tỉnh Đồng Nai, Thường vụ Thành ủy và Công an TP.Biên Hòa, Đảng ủy, UBND, UBMTTQVN và các ban ngành, đoàn thể xã Hóa An, môn phong tổ đình Long Thiền và Bửu Phong cùng chư Tăng Ni, Phật tử gần xa tham dự.

Sau phần nghi thức truyền thống, TT.Thích Huệ Khai, Ủy viên HĐTS

GHPGVN, Phó ban Thường trực BTS GHPGVN TP.Biên Hòa, đại diện môn phong cung kính ôn lại công đức cao dày hoàng hóa độ sanh của **Thiền sư Sơ tổ** trong suốt hơn 20 năm (*từ năm Quý Hợi - 1923 đến Ất Dậu - 1945*). Xin được tóm lược: “Thiền Sư thượng HUỆ hạ LÂM – Sơ tổ khai sơn tạo tự Hiển Lâm Sơn Tự (HLST), thuộc dòng Lâm Tế 41, tục danh Bùi Văn Tươi. Xuất gia học đạo năm 20 tuổi với HT thượng Khánh hạ Lâm ở chùa núi Châu Thới. Năm 1920, vâng theo ý chỉ của Sư phụ, Ngài đi về hóc rừng khai sơn tạo tự. Ban đầu, chưa ai biết đến, Ngài che tạm dưới gốc cây dầu một cái chòi nhỏ, lấy cỏ làm giường để thiền tịnh. Thời gian sau, trong một sự tình cờ chữa lành bệnh cho bà con đi rừng qua cơn ngặt nghèo. Nên từ đó, bà con nghèo trong địa phương khi đau ốm, bệnh tật đều đến đây xin

Lực nắm bàn tay giúp dự đoán bệnh tim?



thời, họ cũng cần đặc biệt chú ý đến các yếu tố lối sống, như tuân thủ chế độ ăn cân bằng dinh dưỡng, thường xuyên tập thể dục, tránh hút thuốc lá hoặc uống rượu quá mức để giúp cải thiện vấn đề", Tiến sĩ Leong khuyến cáo.

NGUYỄN NIỆM (theo CBSnews)

Các nhà khoa học vừa cho biết, lực nắm tay mạnh hay yếu khi bắt tay không chỉ thể hiện cá tính của một người mà qua đó còn chỉ ra nhiều vấn đề sức khỏe quan trọng khác liên quan đến tim.

Theo trích dẫn của tạp chí y khoa *The Lancet* (Anh), thử nghiệm bằng nắm tay có thể là một phương pháp sàng lọc nhanh chóng và không tốn kém giúp bác sĩ xác định các bệnh nhân có nguy cơ cao bị các vấn đề về tim và tử vong sớm.

Trong một nghiên cứu, các nhà khoa học Canada đã sử dụng một thiết bị gọi là lực kế báng để đo lực nắm bàn tay của 139.691 người có độ tuổi từ 35 – 70, trên 17 nước có nền kinh tế và văn hóa khác nhau. Sau thời gian theo dõi trung bình 4 năm, 3.379 người tham gia nghiên cứu đã qua đời.

Sau khi xem xét các yếu tố gây bệnh tim,

bao gồm tuổi tác, công việc, sử dụng rượu và thuốc lá, các nhà nghiên cứu phát hiện rằng, khi lực nắm tay giảm 5kg có thể làm gia tăng hơn 16% nguy cơ tử vong do mọi nguyên nhân, tăng 9% nguy cơ đột quỵ và tăng 7% nguy cơ bị nhồi máu cơ tim ở những người tham gia nghiên cứu.

Tiến sĩ Darryl Leong thuộc Viện Nghiên cứu sức khỏe dân số, khoa học sức khỏe Hamilton và Trường Đại học McMaster ở Canada, tác giả cuộc nghiên cứu cho biết, thử nghiệm đơn giản bằng cách đo lực nắm bàn tay có thể là phương pháp sàng lọc đặc biệt hữu ích cho những người có thu nhập thấp, trong việc phát hiện các yếu tố liên quan tới bệnh tim.

"Những bệnh nhân này cần được theo dõi chặt chẽ để kiểm soát sự phát triển các bệnh lý nguy hiểm liên quan đến tim. Đồng

Ngài khám bệnh, bốc thuốc và chữa trị; nhờ giỏi về y lý, nên Ngài chữa đâu, lành đó. Tiếng lành đồn xa về một ông Sư tu ở trong hóc rừng, chữa bệnh mát tay, nên cư dân quen gọi một cách thân thương là "**chùa Hóc Ông Che**". Thời gian đó, nơi đây còn hoang vu, ban đêm nghe tiếng cộp gầm, gió hú, ma hiện hình... Với đạo tâm kiên cố, Ngài chánh niệm và cầu kinh siêu độ cho các oan hồn phảng phất, hàng phục thú dữ. Dẫn dắt mang lại sự bình yên, thanh tịnh cho chùa và Phật tử về chùa ngày càng đông để nghe Ngài giảng pháp, bái sám, tụng kinh. Ban sơ, ngôi già lam chỉ là vách ván, cột gỗ, nền đất sét, mái lợp lá dừa; dần dần sau này được phát triển trùng tu tôn tạo, khang trang..." Đạo nghiệp của Thiền sư thượng HUỆ hạ LÂM – Sơ tổ tòa sáng và mãi mãi lưu truyền cho đời sau, như TT.Thích Huệ Khai đã ghi nhận của người xưa ca tụng qua những vần thơ:

*Một mai thân xác xa rời
Danh thơm để lại muôn đời thế gian
Pháp thân lồng lộng sáng ngời
Rạng soi pháp giới, rạng ngời sử xanh.*



TT. Thích Huệ Ninh
tiếp đoàn chính quyền địa phương

Tiếp theo chương trình, HT thượng Huệ hạ Thông, Thành viên HĐCM GHPGVN ban đạo từ. Và phát biểu của ông Trần Xuân Kính, Phó Bí thư Đảng ủy xã Hóa An, tôn vinh đạo nghiệp của Thiền sư Sơ tổ và ghi nhận công lao của chư vị trụ trì quá vãng, nhất là cố HT thượng Huệ hạ Thành, Phó Pháp chủ HĐCM GHPGVN đã có nhiều đóng góp to lớn cho *Đạo pháp và Dân tộc* trong hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm...

Tiếp theo là phần lễ cung tiến Giác linh Thiền sư Sơ tổ, TT.Thích Huệ Ninh, trụ trì, Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Đồng Nai, Ủy viên Kiểm soát BTS GHPGVN TP.Biên Hòa và đồ chúng thành kính dâng lễ và thầy Huệ Ninh, trưởng ban tổ chức phát biểu với lời lẽ tha thiết: "... Bốn tự chúng con, chúng tôi vô cùng xúc động trước tấm lòng ưu ái mà chư tôn Giáo phẩm, chư Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni; chư liệt vị khách quý, cùng toàn thể nam nữ Phật tử đã dành thời gian quý báu quang lâm đạo tràng chùa Hiên Lâm để tham dự Lễ Húy kỵ Thiền sư viên tịch lần thứ 70. Sự hiện diện của quý vị không những tạo cho buổi lễ được trang nghiêm, trọng thể mà còn là niềm khích lệ vô biên cho bốn tự trên đường phụng sự đạo pháp, phục vụ chúng sanh, đáp ơn Thầy Tổ.

Quý vị còn gợi nhắc lại những kỷ niệm sâu xa đối với Thầy Tổ, những công hạnh mà Thầy Tổ một đời cống hiến cho đạo pháp và dân tộc, làm sống lại hình ảnh bậc Thầy tôn kính trong tâm khảm chúng con.

Bốn tự chúng con, chúng tôi xin chân thành tri ân và cảm tạ chư tôn Giáo phẩm, chư HT, TT, NT, NS, Đại đức Tăng Ni, quý lãnh đạo cấp chính quyền, các ban ngành đoàn thể tại tỉnh, thành và địa phương đã quan

tâm giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho bốn tự trong việc tổ chức Lễ Húy kỵ Thiền sư được châu viên. Nguyên hồng ân Tam Bảo chứng minh gia hộ chư tôn Giáo phẩm, chư HT, TT, NT, NS, Đại đức Tăng Ni; chư liệt vị khách quý, cùng toàn thể nam nữ Phật tử tràn đầy phúc lạc, thành tựu các chí nguyện phục vụ Đạo pháp và Dân tộc..."

Phần sau cùng là lễ cúng dường trai tăng và phát tặng 200 phần quà cho bà con nghèo.

Nhờ được sự quan tâm của Giáo hội và các cấp lãnh đạo Đảng, Chính quyền, Ban Tôn giáo tỉnh Đồng Nai và TP.Biên Hòa, Đảng ủy, UBND, UBMTTQVN và ban ngành đoàn thể xã Hóa An đã tạo thuận lợi cho TT.Thích Huệ Ninh, trụ trì trong Phật sự trùng tu HLST như: Ngôi chánh điện, Thiền đường, Phòng phát hành. Và trong hoạt động từ thiện, thiết thực mang lại tình thương yêu đến bà con nghèo và khuyết tật qua việc: Mời đoàn y bác sĩ thiện nguyện đến khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí, tặng quà nhân lễ Húy kỵ Thiền sư và các ngày lễ lớn PG, Tết Nguyên đán, Trung thu; xây nhà tình thương, cứu trợ lũ lụt... Và chùa còn là mái ấm tình thương cho các cụ già không nơi nương tựa, trẻ em khuyết tật, mồ côi... Vừa qua, thầy trụ trì và Phật tử đã góp phần tích cực cùng với chính quyền địa phương trong việc trải nhựa đường từ Quốc lộ 1K vào đến cổng chùa.

Lễ Húy kỵ cố Thiền sư Sơ tổ khai sơn tạo tự Hiên Lâm Sơn Tự lần thứ 70 đã được tổ chức thập phần viên mãn và tạo duyên lành cho Phật tử gần xa được tham gia cúng dường chư tôn Giáo phẩm và chư tôn thiền đức Tăng Ni cũng như san sẻ tình yêu thương đến với bà con nghèo, cơ nhỡ, khó khăn.

Đang phát hành

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

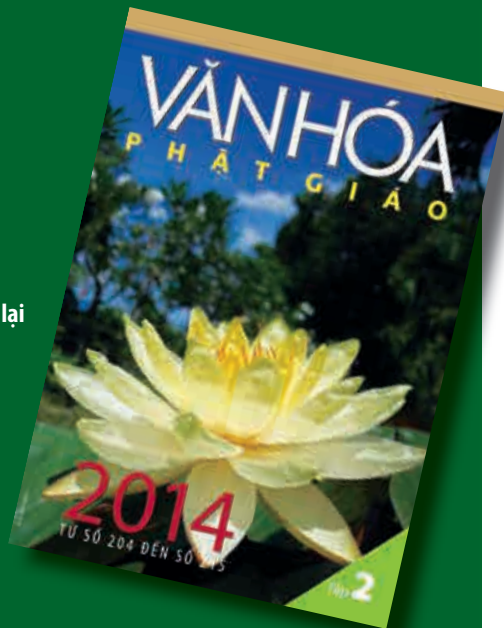
đóng bộ **Tập 2 năm 2014**,
từ số 204 đến số 215
giá: 210.000đ/cuốn

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại
toàn tập (tập 1 + tập 2)

2007 (tập 2): 160.000VNĐ
2008 (2 tập): 340.000VNĐ
2009 (2 tập): 360.000VNĐ
2010 (2 tập): 380.000VNĐ
2011 (2 tập): 420.000VNĐ
2012 (2 tập): 420.000VNĐ
2013 (2 tập): 420.000VNĐ
2014 (2 tập): 420.000VNĐ



Nhà hàng chay HOA KHAI

*Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng
Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...
Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân
Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan*

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com



Cửa hàng NGỌC HIỂN

Số 158 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.HCM - ĐT: (08) 38355590 – 0983 675570

- Chuyên: Cung cấp các sản phẩm thờ cúng, phong thủy, tượng Phật gốm sứ - đồng mạ vàng, tranh lamina, tranh điện Phật giáo...
- Nhận đặt hàng theo mẫu khách hàng và giao hàng tận chùa và tư gia (trong TP.HCM)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



THỰC PHẨM DƯỠNG SINH CHÂN NGUYÊN®

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

Số 11 đường Số 2, Cư xá Đỗ Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel.: 08 22422951

Facebook: chan nguyen

Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn

THƯ NGỎ

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Ngưỡng bái bạch chư tôn đức Tăng Ni

Kính thưa quý Phật tử gần xa

Kính thưa quý Mạnh thường quân, Doanh nhân, Doanh nghiệp trong và ngoài nước

○ **Chùa Bửu Lâm**, ấp 3, xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Là một nhà tranh dựng tạm do Phật tử lập nên trong thời kỳ khó khăn chung của đất nước, là xã vùng biên giáp biển Đông của tỉnh Đồng Nai lúc bấy giờ. Dù cuộc sống còn nhiều khó khăn, nhưng với lòng tin đất nước còn đạo Phật còn *"Hết cơn bĩ cực đến hồi thái lai"*. Vất vả trong cuộc mưu sinh nhưng an lành trong hào quang chư Phật nên Phật tử quyết tâm bám đất, giữ chùa để mong ngày mai tươi đẹp, dù hơn 60% dân số địa phương đã bỏ đi vì đói khổ.

○ Ngày được Phật bổ xứ nhận lãnh trách nhiệm trụ trì, thấy gương mặt hớn hở mừng vui của Phật tử sau bao năm mong đợi Thấy về, nhìn cảnh hoang sơ và mái tranh Phật ngụ, lòng càng thương hơn cho người con Phật ở vùng kinh tế mới, thời gian dần trôi, Thấy trò thêm thâm tình Đạo Pháp, Phật tử nhiều hơn, Tăng chúng cũng tăng dần.

○ Nhưng sự xuống cấp của vật liệu ban sơ, gần 30 năm đã rồi, hư đầu sửa đó, đột đầu che đó, nay ngôi chánh điện không còn khả năng chống chọi với thời gian. Trước sự xuống cấp này Tăng chúng và Phật tử chúng tôi cầu mong và ước nguyện có được ngôi chánh điện trang nghiêm để đáp ứng nhu cầu tu học, thiết nghĩ với khả năng hoàn cảnh khó thực hiện được tâm nguyện lớn lao này.

○ Vì vậy, thay mặt Tăng chúng và Phật tử chúng tôi tha thiết kêu gọi chư Phật tử gần xa, quý Doanh nhân, Doanh nghiệp, quý Mạnh thường quân hướng về chùa Bửu Lâm phát bồ-đề tâm trợ duyên vật chất, tinh thần để ngôi chánh điện hoàn thành viên mãn.

○ Sự gia tâm chú nguyện của quý Ngài, sự yểm trợ tài vật của chư Thiện nam Tín nữ là niềm mong đợi vô biên là sự khích lệ vô tận để trợ duyên cho Tăng chúng và Phật tử chùa Bửu Lâm trên bước đường xây dựng và tu học, đồng thời hộ trì Tam bảo trường tồn, chúng sanh lợi lạc.

○ Chúng con xin nguyện cầu Hồng ân Tam bảo gia hộ chư tôn đức Pháp thể khinh an, quý Phật tử thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Mọi sự ủng hộ xin gửi về:

Đại Đức Thích Nhuận Thanh

Trụ trì chùa Bửu Lâm

Ấp 3, xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc, BR-VT

ĐT: 064 3791 019 - DĐ: 01684 228772

Chủ tài khoản: Nguyễn Quang Thanh

STK: 6002205118586 - NHPTNT huyện Xuyên Mộc, BR-VT

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát

Trụ trì Chùa Bửu Lâm

Đại Đức Thích Nhuận Thanh



Uống Ngon Ngon Nhai Giòn Giòn

○ Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống **Nha đam - Chanh dây** mang thương hiệu **ALOEPAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOEPAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.

○ Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm **Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình**, giải thưởng **Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam Phù Hợp Tiêu Chuẩn** chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.

Sản phẩm của: **CITY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN**
Số 1/284/11 Cờ Bắc, Phường, Cờ Giang, Q.1, TP.HỒ CHÍ MINH
Số Nhà máy: **CN NHADAM VINH - CITY TNHH TM DV KHÂM TÍN**
Số 2 Lô A, Cụ Xá PHÚ LÂM D, P. 10, Q. 6, TP. HCM, VIỆT NAM
Website: www.khamtin.vn Email: khamtin1668@gmail.com

ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG - KHỎE VÌ GIA ĐÌNH

Công ty TNHH SX-TM QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

pháp uyển
DHARMA GARDEN

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỳ lư...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com

Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB, CN Bình Thạnh

Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank, CN Bến Thành



Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích, P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

D13/2 Trần Nãi, P.Bình Khánh, Q.2, TP.HCM



Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

Restaurant

Chay

Vegetarian

Việt An

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ
Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 – 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



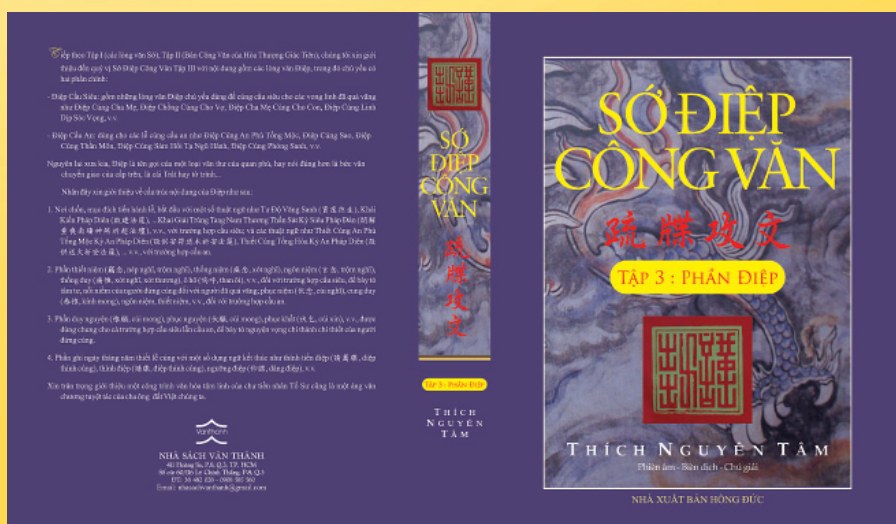
TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC TUỆ QUANG TUE QUANG DICTIONARY OF BUDDHIST TERMS

Vietnamese-Chinese-Sanskrit-English
Việt-Hán-Phạn-Anh

Do Nguyễn Hiền, chủ biên, Nguyễn Hồng, Nguyễn Tánh

Trên 3000 trang, khổ 16x24 được in trên giấy in từ điển đặc chủng bible Hà Lan
thời gian sử dụng lâu bền, bìa cứng được chia thành 2 tập.

Từ điển này nhằm phục vụ đối tượng người tu học Phật pháp, sinh viên các trường Phật học, và giới nghiên cứu văn hóa xã hội tôn giáo...



CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.



DIÊU TƯỜNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

Đến với Diêu Tường Am, Quý khách sẽ được chiêm ngưỡng những tác phẩm nghệ thuật mang đậm màu sắc Phật giáo Đông phương, những pho Tượng Phật, Bồ Tát trong tư thế an nhiên, tự tại, tịch tĩnh, nhiệm màu. Ở đó, ta thấy tinh hoa của trời đất là đất, là đá, là ngọc, là ánh sáng, là không khí và cả giọt mồ hôi của người nghệ nhân trong giây phút được thể nhập vào Chân Như, và từ trong pháp giới Chân Như của chư Phật bước ra đem hình tượng của Ngài đến với chúng ta.

Đến nơi này, nơi Quý khách gieo duyên cùng với Phật, Quý vị có thể thỉnh cho mình một Pho tượng Phật, hay để cung kính cúng dường hay tặng cho những đạo hữu đồng tâm, hay chỉ duyên vì đến chiêm ngưỡng Phật, uống một tách trà, cùng mỉm cười với Phật...



TRIỂN LÃM PHẬT NGỌC LƯU LY VÀ KHAI TRƯỞNG DIÊU TƯỜNG LƯU LY QUANG

**Địa điểm: 382G Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
(Đối Diện Chùa Vĩnh Nghiêm)**

ƯU ĐÃI 30% TẤT CẢ CÁC SẢN PHẨM NGỌC LƯU LY, TỪ NGÀY: 23/5 (6/4) ĐẾN 23/6 (8/5 AL)

www.dieutuongam.com - Hotline: 0938 9595 03